

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

**BẢN SO SÁNH, THUYẾT MINH DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KẾ TOÁN,
LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỚI LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Đã được hợp nhất bởi Luật số 56/2024/QH15, Luật số 97/2015/QH13)	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	THUYẾT MINH
I. LUẬT KẾ TOÁN		
Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG Điều 1. Phạm vi điều chỉnh Luật này quy định về nội dung công tác kế toán, tổ chức bộ máy kế toán, người làm kế toán, hoạt động kinh doanh dịch vụ kế toán, quản lý nhà nước về kế toán và tổ chức nghề nghiệp về kế toán.	Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG Điều 1. Phạm vi điều chỉnh Luật này quy định về nội dung công tác kế toán, tổ chức bộ máy kế toán, người làm kế toán, hoạt động kinh doanh dịch vụ kế toán, quản lý nhà nước về kế toán và tổ chức nghề nghiệp về kế toán.	Nội dung Điều 1 giữ nguyên, không sửa đổi, bổ sung.

LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Đã được hợp nhất bởi Luật số 56/2024/QH15, Luật số 97/2015/QH13)	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	THUYẾT MINH
Điều 2. Đối tượng áp dụng 1. Cơ quan có nhiệm vụ thu, chi ngân sách nhà nước các cấp. 2. Cơ quan nhà nước, tổ chức, đơn vị sự nghiệp sử dụng ngân sách nhà nước. 3. Tổ chức, đơn vị sự nghiệp không sử dụng ngân sách nhà nước. 4. Doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam; chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp nước ngoài hoạt động tại Việt Nam. 5. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. 6. Hộ kinh doanh, tổ hợp tác. 7. Người làm công tác kế toán. 8. Kế toán viên hành nghề; doanh nghiệp và hộ kinh doanh dịch vụ kế toán. 9. Tổ chức nghề nghiệp về kế toán. 10. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến kế toán và hoạt động kinh doanh dịch vụ kế toán tại Việt Nam.	Điều 2. Đối tượng áp dụng 1. Cơ quan có nhiệm vụ thu, chi ngân sách nhà nước các cấp. 2. Cơ quan nhà nước, tổ chức, đơn vị sự nghiệp sử dụng ngân sách nhà nước. 3. Tổ chức, đơn vị sự nghiệp không sử dụng ngân sách nhà nước. 4. Doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam; chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp nước ngoài hoạt động tại Việt Nam. 5. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. 6. Hộ kinh doanh, tổ hợp tác. 7. Người làm công tác kế toán. 8. ~~Kế toán viên hành nghề; doanh nghiệp và hộ kinh doanh dịch vụ kế~~ Cá nhân kinh doanh dịch vụ kế toán, tổ chức kinh doanh dịch vụ kế toán (sau đây gọi tắt là cá nhân, tổ chức kinh doanh dịch vụ kế toán). 9. Tổ chức nghề nghiệp về kế toán. 10. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến kế toán và hoạt động kinh doanh dịch vụ kế toán tại Việt Nam.	- Việc sửa đổi “<i>người làm công tác kế toán</i>” thành “<i>người làm kế toán</i>” tại khoản 7 cho phù hợp và thống nhất từ ngữ tại các điều, khoản khác của Luật Kế toán (Điều 1; khoản 2 Điều 7; khoản 6, khoản 8 Điều 13; điểm b khoản 1 Điều 35; tên chương III; Điều 49; Điều 50; Điều 51) - Việc sửa đổi “<i>Kế toán viên hành nghề; doanh nghiệp và hộ kinh doanh dịch vụ kế toán</i>” thành “<i>Cá nhân kinh doanh dịch vụ kế toán, tổ chức kinh doanh dịch vụ kế toán (sau đây gọi tắt là cá nhân, tổ chức kinh doanh dịch vụ kế toán)</i>” tại khoản 8 chưa được quy định tại Nghị quyết số 66.18. Tuy nhiên, trên cơ sở tiếp thu ý kiến thẩm định, ý kiến thẩm tra và ý kiến của UBTVQH về việc cần rà soát lại cách thức quy định đối tượng áp dụng để đảm bảo rõ ràng, đầy đủ đối tượng áp dụng Luật và tránh gây nhầm lẫn, đồng thời cụm từ “<i>cá nhân, tổ chức kinh doanh dịch vụ kế toán</i>” cũng được sử dụng thống nhất để thay thế cho những cụm từ có nội dung tương tự tại các điều, khoản khác của Luật Kế toán (khoản 2 Điều 7, khoản 14 Điều 13, khoản 1 Điều 50, khoản 1, khoản 5 Điều 56 phần tiêu đề của Điều 67, Điều 68).

LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Đã được hợp nhất bởi Luật số 56/2024/QH15, Luật số 97/2015/QH13)	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	THUYẾT MINH
Điều 3. Giải thích từ ngữ Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau: 1.^[2] <i>Báo cáo tài chính</i> là hệ thống thông tin kinh tế, tài chính của đơn vị kế toán được lập và trình bày theo đúng quy định của chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán. 2. <i>Chế độ kế toán</i> là những quy định và hướng dẫn về kế toán trong một lĩnh vực hoặc một số công việc cụ thể do cơ quan quản lý nhà nước về kế toán hoặc tổ chức được cơ quan quản lý nhà nước về kế toán ủy quyền ban hành. 3. <i>Chứng từ kế toán</i> là những giấy tờ và vật mang tin phản ánh nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh và đã hoàn thành, làm căn cứ ghi sổ kế toán. 4. <i>Đơn vị kế toán</i> là cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều 2 của Luật này có lập báo cáo tài chính. 5. <i>Giá gốc</i> là giá trị được ghi nhận ban đầu của tài sản hoặc nợ phải trả. Giá gốc của tài sản được tính bao gồm chi phí mua, bốc xếp, vận chuyển, lắp ráp, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác theo quy định của pháp luật đến khi đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. 6. <i>Giá trị hợp lý</i> là giá trị được xác định phù hợp với giá thị trường, có thể nhận được khi bán một tài sản hoặc chuyển nhượng một khoản nợ phải trả tại thời điểm xác định giá trị.	Điều 3. Giải thích từ ngữ Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau: 1.^[2] <i>Báo cáo tài chính</i> là hệ thống thông tin kinh tế, tài chính của đơn vị kế toán được lập và trình bày theo đúng quy định của chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán. 2. <i>Chế độ kế toán</i> là những quy định và hướng dẫn về kế toán trong một lĩnh vực hoặc một số công việc cụ thể do cơ quan quản lý nhà nước về kế toán hoặc tổ chức được cơ quan quản lý nhà nước về kế toán ủy quyền ban hành. 3. <i>Chứng từ kế toán</i> là những giấy tờ và vật mang tin phản ánh nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh và đã hoàn thành, làm căn cứ ghi sổ kế toán. 4. <i>Đơn vị kế toán</i> là cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều 2 của Luật này có lập báo cáo tài chính. 5. <i>Giá gốc</i> là giá trị được ghi nhận ban đầu của tài sản hoặc nợ phải trả. Giá gốc của tài sản được tính bao gồm chi phí mua, bốc xếp, vận chuyển, lắp ráp, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác theo quy định của pháp luật đến khi đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. 6. <i>Giá trị hợp lý</i> là giá trị được xác định phù hợp với giá thị trường, có thể nhận được khi bán một tài sản hoặc chuyển nhượng một khoản nợ phải trả tại thời điểm xác định giá trị.	- Việc bổ thuật ngữ kế toán viên hành nghề tại khoản 11 căn cứ theo quy định tại khoản 2 mục XXVI phần B phụ lục I.7 Nghị quyết số 66.18. - Về bổ sung khoản 19, 20 của Điều 3: Nội dung sửa đổi này chưa được quy định tại Nghị quyết số 66.18 nhưng trên cơ sở tiếp thu ý kiến thẩm định về việc cần rà soát lại cách thức quy định đối tượng áp dụng và thống nhất sử dụng thuật ngữ để đảm bảo rõ ràng, đầy đủ các đối tượng áp dụng Luật và tránh gây nhầm lẫn, cụ thể dự thảo Luật đã: + Bổ sung thuật ngữ “cá nhân kinh doanh dịch vụ kế toán” vào khoản 19 Điều 3 Luật Kế toán, thay thế từ “kế toán viên hành nghề” để phân biệt giữa người làm kế toán là người lao động của đơn vị kế toán với cá nhân kinh doanh dịch vụ kế toán là người làm kế toán theo hợp đồng dịch vụ kế toán với khách hàng hoặc thông qua tổ chức kinh doanh dịch vụ kế toán. Bên cạnh đó, tiếp thu ý kiến của UBTVQH, dự án Luật đã hoàn thiện theo hướng tách “hộ kinh doanh” ra khỏi tổ chức kinh doanh dịch vụ kế toán và gộp vào “cá nhân kinh doanh dịch vụ kế toán” cho phù hợp lý luận về chủ thể quan hệ pháp luật dân sự và có thể gây vướng mắc khi xác định trách nhiệm tài sản, đặc biệt là hộ kinh doanh không có tư cách pháp nhân. + Bổ sung thuật ngữ “<i>tổ chức kinh doanh dịch vụ kế toán</i>” vào khoản 20 Điều 3 Luật Kế toán thay thế cho các cụm từ khác nhau nhưng có nội dung tương tự trong các điều, khoản khác của Luật Kế toán (ví dụ cụm từ <i>doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán</i>, ...) để đảm bảo tính thống nhất.

LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Đã được hợp nhất bởi Luật số 56/2024/QH15, Luật số 97/2015/QH13)	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	THUYẾT MINH
7. <i>Hình thức kế toán</i> là các mẫu sổ kế toán, trình tự, phương pháp ghi sổ và mối liên quan giữa các sổ kế toán. 8. <i>Kế toán</i> là việc thu thập, xử lý, kiểm tra, phân tích và cung cấp thông tin kinh tế, tài chính dưới hình thức giá trị, hiện vật và thời gian lao động. 9. <i>Kế toán tài chính</i> là việc thu thập, xử lý, kiểm tra, phân tích và cung cấp thông tin kinh tế, tài chính bằng báo cáo tài chính cho đối tượng có nhu cầu sử dụng thông tin của đơn vị kế toán. 10. <i>Kế toán quản trị</i> là việc thu thập, xử lý, phân tích và cung cấp thông tin kinh tế, tài chính theo yêu cầu quản trị và quyết định kinh tế, tài chính trong nội bộ đơn vị kế toán. 11. Kế toán viên hành nghề là người được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán theo quy định của Luật này. 12. Kiểm tra kế toán là việc xem xét, đánh giá tuân thủ pháp luật về kế toán, sự trung thực, chính xác của thông tin, số liệu kế toán. 13. Kinh doanh dịch vụ kế toán là việc cung cấp dịch vụ làm kế toán, làm kế toán trưởng, lập báo cáo tài chính, tư vấn kế toán và các công việc khác thuộc nội dung công tác kế toán theo quy định của Luật này cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu.	7. <i>Hình thức kế toán</i> là các mẫu sổ kế toán, trình tự, phương pháp ghi sổ và mối liên quan giữa các sổ kế toán. 8. <i>Kế toán</i> là việc thu thập, xử lý, kiểm tra, phân tích và cung cấp thông tin kinh tế, tài chính dưới hình thức giá trị, hiện vật và thời gian lao động. 9. <i>Kế toán tài chính</i> là việc thu thập, xử lý, kiểm tra, phân tích và cung cấp thông tin kinh tế, tài chính bằng báo cáo tài chính cho đối tượng có nhu cầu sử dụng thông tin của đơn vị kế toán. 10. <i>Kế toán quản trị</i> là việc thu thập, xử lý, phân tích và cung cấp thông tin kinh tế, tài chính theo yêu cầu quản trị và quyết định kinh tế, tài chính trong nội bộ đơn vị kế toán. ~~11. Kế toán viên hành nghề là người được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán theo quy định của Luật này.~~ 12. Kiểm tra kế toán là việc xem xét, đánh giá tuân thủ pháp luật về kế toán, sự trung thực, chính xác của thông tin, số liệu kế toán. 13. Kinh doanh dịch vụ kế toán là việc cung cấp dịch vụ làm kế toán, làm kế toán trưởng, lập báo cáo tài chính, tư vấn kế toán và các công việc khác thuộc nội dung công tác kế toán theo quy định của Luật này cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu.	

LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Đã được hợp nhất bởi Luật số 56/2024/QH15, Luật số 97/2015/QH13)	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	THUYẾT MINH
14. <i>Kỳ kế toán</i> là khoảng thời gian xác định từ thời điểm đơn vị kế toán bắt đầu ghi sổ kế toán đến thời điểm kết thúc việc ghi sổ kế toán, khóa sổ kế toán để lập báo cáo tài chính. 15. <i>Nghệp vụ kinh tế, tài chính</i> là những hoạt động phát sinh cụ thể làm tăng, giảm tài sản, nguồn hình thành tài sản của đơn vị kế toán. 16. <i>Phương pháp kế toán</i> là cách thức và thủ tục cụ thể để thực hiện từng nội dung công việc kế toán. 17. <i>Phương tiện điện tử</i> là phương tiện hoạt động dựa trên công nghệ điện, điện tử, kỹ thuật số, từ tính, truyền dẫn không dây, quang học, điện từ hoặc công nghệ tương tự. 18. <i>Tài liệu kế toán</i> là chứng từ kế toán, sổ kế toán, báo cáo tài chính, báo cáo kế toán quản trị, báo cáo kiểm toán, báo cáo kiểm tra kế toán và tài liệu khác có liên quan đến kế toán.	14. <i>Kỳ kế toán</i> là khoảng thời gian xác định từ thời điểm đơn vị kế toán bắt đầu ghi sổ kế toán đến thời điểm kết thúc việc ghi sổ kế toán, khóa sổ kế toán để lập báo cáo tài chính. 15. <i>Nghệp vụ kinh tế, tài chính</i> là những hoạt động phát sinh cụ thể làm tăng, giảm tài sản, nguồn hình thành tài sản của đơn vị kế toán. 16. <i>Phương pháp kế toán</i> là cách thức và thủ tục cụ thể để thực hiện từng nội dung công việc kế toán. 17. <i>Phương tiện điện tử</i> là phương tiện hoạt động dựa trên công nghệ điện, điện tử, kỹ thuật số, từ tính, truyền dẫn không dây, quang học, điện từ hoặc công nghệ tương tự. 18. <i>Tài liệu kế toán</i> là chứng từ kế toán, sổ kế toán, báo cáo tài chính, báo cáo kế toán quản trị, báo cáo kiểm toán, báo cáo kiểm tra kế toán và tài liệu khác có liên quan đến kế toán. 19. <i>Cá nhân kinh doanh dịch vụ kế toán là người làm kế toán theo hợp đồng dịch vụ kế toán dưới hình thức là cá nhân độc lập kinh doanh dịch vụ kế toán, hộ kinh doanh dịch vụ kế toán hoặc là cá nhân thực hiện dịch vụ thông qua tổ chức kinh doanh dịch vụ kế toán.</i> 20. <i>Tổ chức kinh doanh dịch vụ kế toán là các doanh nghiệp, chi nhánh doanh nghiệp nước ngoài tại Việt Nam kinh doanh dịch vụ kế toán cho khách hàng theo hợp đồng dịch vụ kế toán.</i>	

LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Đã được hợp nhất bởi Luật số 56/2024/QH15, Luật số 97/2015/QH13)	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	THUYẾT MINH
Điều 4. Nhiệm vụ kế toán 1. Thu thập, xử lý thông tin, số liệu kế toán theo đối tượng và nội dung công việc kế toán, theo chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán. 2. Kiểm tra, giám sát các khoản thu, chi tài chính, nghĩa vụ thu, nộp, thanh toán nợ; kiểm tra việc quản lý, sử dụng tài sản và nguồn hình thành tài sản; phát hiện và ngăn ngừa các hành vi vi phạm pháp luật về tài chính, kế toán. 3. Phân tích thông tin, số liệu kế toán; tham mưu, đề xuất các giải pháp phục vụ yêu cầu quản trị và quyết định kinh tế, tài chính của đơn vị kế toán. 4. Cung cấp thông tin, số liệu kế toán theo quy định của pháp luật.		Nội dung Điều 4 giữ nguyên, không sửa đổi, bổ sung.
Điều 5. Yêu cầu kế toán 1. Phản ánh đầy đủ nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh vào chứng từ kế toán, sổ kế toán và báo cáo tài chính. 2. Phản ánh kịp thời, đúng thời gian quy định thông tin, số liệu kế toán. 3. Phản ánh rõ ràng, dễ hiểu và chính xác thông tin, số liệu kế toán.		Nội dung Điều 5 giữ nguyên, không sửa đổi, bổ sung.

LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Đã được hợp nhất bởi Luật số 56/2024/QH15, Luật số 97/2015/QH13)	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	THUYẾT MINH
4. Phản ánh trung thực, khách quan hiện trạng, bản chất sự việc, nội dung và giá trị của nghiệp vụ kinh tế, tài chính. 5. Thông tin, số liệu kế toán phải được phản ánh liên tục từ khi phát sinh đến khi kết thúc hoạt động kinh tế, tài chính, từ khi thành lập đến khi chấm dứt hoạt động của đơn vị kế toán; số liệu kế toán kỳ này phải kế tiếp số liệu kế toán của kỳ trước. 6. Phân loại, sắp xếp thông tin, số liệu kế toán theo trình tự, có hệ thống và có thể so sánh, kiểm chứng được.		
Điều 6. Nguyên tắc kế toán 1. Giá trị tài sản và nợ phải trả được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, đối với một số loại tài sản hoặc nợ phải trả mà giá trị biến động thường xuyên theo giá thị trường và giá trị của chúng có thể xác định lại một cách đáng tin cậy thì được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại thời điểm cuối kỳ lập báo cáo tài chính. 2. Các quy định và phương pháp kế toán đã chọn phải được áp dụng nhất quán trong kỳ kế toán năm; trường hợp thay đổi các quy định và phương pháp kế toán đã chọn thì đơn vị kế toán phải giải trình trong báo cáo tài chính.		Nội dung Điều 6 giữ nguyên, không sửa đổi, bổ sung.

LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Đã được hợp nhất bởi Luật số 56/2024/QH15, Luật số 97/2015/QH13)	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	THUYẾT MINH
3. Đơn vị kế toán phải thu thập, phản ánh khách quan, đầy đủ, đúng thực tế và đúng kỳ kế toán mà nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh. 4. Báo cáo tài chính phải được lập và gửi cơ quan có thẩm quyền đầy đủ, chính xác và kịp thời. Thông tin, số liệu trong báo cáo tài chính của đơn vị kế toán phải được công khai theo quy định tại Điều 31 và Điều 32 của Luật này. 5. Đơn vị kế toán phải sử dụng phương pháp đánh giá tài sản và phân bổ các khoản thu, chi một cách thận trọng, không được làm sai lệch kết quả hoạt động kinh tế, tài chính của đơn vị kế toán. 6. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính phải bảo đảm phản ánh đúng bản chất của giao dịch hơn là hình thức, tên gọi của giao dịch. 7. Cơ quan nhà nước, tổ chức, đơn vị sự nghiệp sử dụng ngân sách nhà nước ngoài việc thực hiện quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5 và 6 Điều này còn phải thực hiện kế toán theo mục lục ngân sách nhà nước.		

LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Đã được hợp nhất bởi Luật số 56/2024/QH15, Luật số 97/2015/QH13)	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	THUYẾT MINH
Điều 7. Chuẩn mực kế toán và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán 1. Chuẩn mực kế toán gồm những quy định và phương pháp kế toán cơ bản để lập báo cáo tài chính. 2. Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán gồm những quy định và hướng dẫn về nguyên tắc, nội dung áp dụng các tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp đối với người làm kế toán, kế toán viên hành nghề, doanh nghiệp và hộ kinh doanh dịch vụ kế toán. 3.[3] Bộ Tài chính quy định chuẩn mực kế toán, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán của Việt Nam trên cơ sở chuẩn mực quốc tế về kế toán phù hợp với điều kiện cụ thể của Việt Nam; hướng dẫn đối tượng, phạm vi, thể thức, lộ trình và các nội dung khác liên quan đến việc áp dụng chuẩn mực quốc tế về kế toán.	Điều 7. Chuẩn mực kế toán và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán 1. Chuẩn mực kế toán gồm những quy định và phương pháp kế toán cơ bản để lập báo cáo tài chính. 2. Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán gồm những quy định và hướng dẫn về nguyên tắc, nội dung áp dụng các tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp đối với người làm kế toán, ~~kế toán viên hành nghề, doanh nghiệp và hộ kinh doanh dịch vụ kế toán~~ cá nhân, tổ chức kinh doanh dịch vụ kế toán.”. 3. Bộ Tài chính quy định chuẩn mực kế toán, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán của Việt Nam trên cơ sở chuẩn mực quốc tế về kế toán phù hợp với điều kiện cụ thể của Việt Nam; hướng dẫn đối tượng, phạm vi, thể thức, lộ trình và các nội dung khác liên quan đến việc áp dụng chuẩn mực quốc tế về kế toán.	- Về bỏ thuật ngữ <i>kế toán viên hành nghề</i> căn cứ theo quy định tại khoản 1 mục XXVI phần B phụ lục I.7 Nghị quyết số 66.18. Việc thay thế cụm từ “<i>kế toán viên hành nghề, doanh nghiệp và hộ kinh doanh dịch vụ kế toán</i>” bằng cụm từ “<i>cá nhân, tổ chức kinh doanh dịch vụ kế toán</i>” tại khoản 2 Điều 7 để đảm bảo sử dụng thống nhất thuật ngữ cho các cụm từ có nội dung tương tự tại các điều, khoản khác của Luật Kế toán như đã thuyết minh tại khoản 8 Điều 2 nêu trên.

LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Đã được hợp nhất bởi Luật số 56/2024/QH15, Luật số 97/2015/QH13)	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	THUYẾT MINH
Điều 8. Đối tượng kế toán 1. Đối tượng kế toán thuộc hoạt động thu, chi ngân sách nhà nước, hành chính, sự nghiệp; hoạt động của đơn vị, tổ chức sử dụng ngân sách nhà nước gồm: a) Tiền, vật tư và tài sản cố định; b) Nguồn kinh phí, quỹ; c) Các khoản thanh toán trong và ngoài đơn vị kế toán; d) Thu, chi và xử lý chênh lệch thu, chi hoạt động; đ) Thu, chi và kết dư ngân sách nhà nước; e) Đầu tư tài chính, tín dụng nhà nước; g) Nợ và xử lý nợ công; h) Tài sản công; i) Tài sản, các khoản phải thu, nghĩa vụ phải trả khác có liên quan đến đơn vị kế toán. 2. Đối tượng kế toán thuộc hoạt động của đơn vị, tổ chức không sử dụng ngân sách nhà nước gồm tài sản, nguồn hình thành tài sản theo quy định tại các điểm a, b, c, d và i khoản 1 Điều này. 3. Đối tượng kế toán thuộc hoạt động kinh doanh, trừ hoạt động quy định tại khoản 4 Điều này, gồm:		Nội dung Điều 8 giữ nguyên, không sửa đổi, bổ sung.

LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Đã được hợp nhất bởi Luật số 56/2024/QH15, Luật số 97/2015/QH13)	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	THUYẾT MINH
a) Tài sản; b) Nợ phải trả và vốn chủ sở hữu; c) Doanh thu, chi phí kinh doanh, thu nhập à chi phí khác; d) Thuế và các khoản nộp ngân sách nhà nước; đ) Kết quả và phân chia kết quả hoạt động kinh doanh; e) Tài sản, các khoản phải thu, nghĩa vụ phải trả khác có liên quan đến đơn vị kế toán. 4. Đối tượng kế toán thuộc hoạt động ngân hàng, tín dụng, bảo hiểm, chứng khoán, đầu tư tài chính gồm: a) Các đối tượng quy định tại khoản 3 Điều này; b) Các khoản đầu tư tài chính, tín dụng; c) Các khoản thanh toán trong và ngoài đơn vị kế toán; d) Các khoản cam kết, bảo lãnh, giấy tờ có giá.		

LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Đã được hợp nhất bởi Luật số 56/2024/QH15, Luật số 97/2015/QH13)	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	THUYẾT MINH
Điều 9. Kế toán tài chính, kế toán quản trị, kế toán tổng hợp, kế toán chi tiết 1. Kế toán ở đơn vị kế toán gồm kế toán tài chính và kế toán quản trị. 2. Khi thực hiện công việc kế toán tài chính và kế toán quản trị, đơn vị kế toán phải thực hiện kế toán tổng hợp và kế toán chi tiết như sau: a) Kế toán tổng hợp phải thu thập, xử lý, ghi chép và cung cấp thông tin tổng quát về hoạt động kinh tế, tài chính của đơn vị kế toán. Kế toán tổng hợp sử dụng đơn vị tiền tệ để phản ánh tình hình tài sản, nguồn hình thành tài sản, tình hình và kết quả hoạt động kinh tế, tài chính của đơn vị kế toán. Kế toán tổng hợp được thực hiện trên cơ sở các thông tin, số liệu của kế toán chi tiết; b) Kế toán chi tiết phải thu thập, xử lý, ghi chép và cung cấp thông tin chi tiết bằng đơn vị tiền tệ, đơn vị hiện vật và đơn vị thời gian lao động theo từng đối tượng kế toán cụ thể trong đơn vị kế toán. Kế toán chi tiết minh họa cho kế toán tổng hợp. Số liệu kế toán chi tiết phải khớp đúng với số liệu kế toán tổng hợp trong một kỳ kế toán. 3. Bộ Tài chính hướng dẫn áp dụng kế toán quản trị phù hợp với từng lĩnh vực hoạt động.		Nội dung Điều 9 giữ nguyên, không sửa đổi, bổ sung.

LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Đã được hợp nhất bởi Luật số 56/2024/QH15, Luật số 97/2015/QH13)	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	THUYẾT MINH
Điều 10. Đơn vị tính sử dụng trong kế toán 1. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam, ký hiệu quốc gia là “đ”, ký hiệu quốc tế là “VND”. Trong trường hợp nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh bằng ngoại tệ, thì đơn vị kế toán phải ghi theo nguyên tệ và Đồng Việt Nam theo tỷ giá hối đoái thực tế, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác; đối với loại ngoại tệ không có tỷ giá hối đoái với Đồng Việt Nam thì phải quy đổi thông qua một loại ngoại tệ có tỷ giá hối đoái với Đồng Việt Nam. Đơn vị kế toán chủ yếu thu, chi bằng một loại ngoại tệ thì được tự lựa chọn loại ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ để kế toán, chịu trách nhiệm trước pháp luật và thông báo cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp. Khi lập báo cáo tài chính sử dụng tại Việt Nam, đơn vị kế toán phải quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá hối đoái thực tế, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. 2. Đơn vị hiện vật và đơn vị thời gian lao động sử dụng trong kế toán là đơn vị đo pháp định của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; trường hợp đơn vị kế toán sử dụng đơn vị đo khác thì phải quy đổi ra đơn vị đo pháp định của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.		Nội dung Điều 10 giữ nguyên, không sửa đổi, bổ sung.

LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Đã được hợp nhất bởi Luật số 56/2024/QH15, Luật số 97/2015/QH13)	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	THUYẾT MINH
3. Đơn vị kế toán được làm tròn số, sử dụng đơn vị tính rút gọn khi lập hoặc công khai báo cáo tài chính. 4. Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Điều này.		
Điều 11. Chữ viết và chữ số sử dụng trong kế toán 1.[4] Chữ viết sử dụng trong kế toán là tiếng Việt. Trường hợp phải sử dụng tiếng nước ngoài trên báo cáo tài chính tại Việt Nam thì phải sử dụng đồng thời tiếng Việt và tiếng nước ngoài. Tài liệu kế toán bằng tiếng nước ngoài phải dịch ra tiếng Việt khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu. 2. Chữ số sử dụng trong kế toán là chữ số Ả-rập; sau chữ số hàng nghìn, hàng triệu, hàng tỷ phải đặt dấu chấm (.); khi còn ghi chữ số sau chữ số hàng đơn vị thì sau chữ số hàng đơn vị phải đặt dấu phẩy (,). 3. Doanh nghiệp, chi nhánh của doanh nghiệp nước ngoài hoặc của tổ chức nước ngoài phải chuyển báo cáo tài chính về công ty mẹ, tổ chức ở nước ngoài hoặc sử dụng chung phần mềm quản lý, thanh toán giao dịch với công ty mẹ, tổ chức ở nước ngoài được sử dụng dấu phẩy (.) sau chữ số hàng nghìn, hàng triệu, hàng tỷ; khi còn ghi chữ số sau chữ số hàng đơn vị thì sau chữ số hàng đơn vị được đặt dấu chấm (.) và phải chú thích trong tài liệu, sổ kế toán, báo cáo tài chính. Trong trường hợp này, báo cáo tài chính nộp cơ quan thuế, cơ quan thống kê và cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác phải thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều này.		Nội dung Điều 11 giữ nguyên, không sửa đổi, bổ sung.

LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Đã được hợp nhất bởi Luật số 56/2024/QH15, Luật số 97/2015/QH13)	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	THUYẾT MINH
Điều 12. Kỳ kế toán 1. Kỳ kế toán gồm kỳ kế toán năm, kỳ kế toán quý, kỳ kế toán tháng và được quy định như sau: a) Kỳ kế toán năm là 12 tháng, tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch. Đơn vị kế toán có đặc thù về tổ chức, hoạt động được chọn kỳ kế toán năm là 12 tháng tròn theo năm dương lịch, bắt đầu từ đầu ngày 01 tháng đầu quý này đến hết ngày cuối cùng của tháng cuối quý trước năm sau và phải thông báo cho cơ quan tài chính, cơ quan thuế; b) Kỳ kế toán quý là 03 tháng, tính từ đầu ngày 01 tháng đầu quý đến hết ngày cuối cùng của tháng cuối quý; c) Kỳ kế toán tháng là 01 tháng, tính từ đầu ngày 01 đến hết ngày cuối cùng của tháng. 2. Kỳ kế toán của đơn vị kế toán mới được thành lập được quy định như sau: a) Kỳ kế toán đầu tiên của doanh nghiệp mới được thành lập tính từ đầu ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đến hết ngày cuối cùng của kỳ kế toán năm, kỳ kế toán quý, kỳ kế toán tháng theo quy định tại khoản 1 Điều này;		Nội dung Điều 12 giữ nguyên, không sửa đổi, bổ sung.

LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Đã được hợp nhất bởi Luật số 56/2024/QH15, Luật số 97/2015/QH13)	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	THUYẾT MINH
b) Kỳ kế toán đầu tiên của đơn vị kế toán khác tính từ đầu ngày quyết định thành lập đơn vị kế toán có hiệu lực đến hết ngày cuối cùng của kỳ kế toán năm, kỳ kế toán quý, kỳ kế toán tháng theo quy định tại khoản 1 Điều này. 3. Đơn vị kế toán khi bị chia, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình hoặc hình thức sở hữu, giải thể, chấm dứt hoạt động, phá sản thì kỳ kế toán cuối cùng tính từ đầu ngày kỳ kế toán năm, kỳ kế toán quý, kỳ kế toán tháng theo quy định tại khoản 1 Điều này đến hết ngày trước ngày quyết định chia, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình hoặc hình thức sở hữu, giải thể, chấm dứt hoạt động, phá sản đơn vị kế toán có hiệu lực. 4.[5] Trường hợp kỳ kế toán năm đầu tiên hoặc kỳ kế toán năm cuối cùng có thời gian không quá 03 kỳ kế toán tháng liên tiếp thì được phép cộng với kỳ kế toán năm tiếp theo hoặc cộng với kỳ kế toán năm trước đó để tính thành một kỳ kế toán năm; kỳ kế toán năm đầu tiên hoặc kỳ kế toán năm cuối cùng phải không quá 15 tháng.		

LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Đã được hợp nhất bởi Luật số 56/2024/QH15, Luật số 97/2015/QH13)	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	THUYẾT MINH
Điều 13. Các hành vi bị nghiêm cấm 1. Giả mạo, khai man hoặc thỏa thuận, ép buộc người khác giả mạo, khai man, tẩy xóa chứng từ kế toán hoặc tài liệu kế toán khác. 2. Cố ý, thỏa thuận hoặc ép buộc người khác cung cấp, xác nhận thông tin, số liệu kế toán sai sự thật. 3. Để ngoài sổ kế toán tài sản, nợ phải trả của đơn vị kế toán hoặc có liên quan đến đơn vị kế toán. 4. Hủy bỏ hoặc cố ý làm hư hỏng tài liệu kế toán trước khi kết thúc thời hạn lưu trữ quy định tại Điều 41 của Luật này. 5. Ban hành, công bố chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán không đúng thẩm quyền. 6. Mua chuộc, đe dọa, trù dập, ép buộc người làm kế toán thực hiện công việc kế toán không đúng với quy định của Luật này. 7. Người có trách nhiệm quản lý, điều hành đơn vị kế toán kiêm làm kế toán, thủ kho, thủ quỹ, trừ doanh nghiệp tư nhân và công ty trách nhiệm hữu hạn do một cá nhân làm chủ sở hữu. 8. Bố trí hoặc thuê người làm kế toán, người làm kế toán trưởng không đủ tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 51 và Điều 54 của Luật này.	Điều 13. Các hành vi bị nghiêm cấm 1. Giả mạo, khai man hoặc thỏa thuận, ép buộc người khác giả mạo, khai man, tẩy xóa chứng từ kế toán hoặc tài liệu kế toán khác. 2. Cố ý, thỏa thuận hoặc ép buộc người khác cung cấp, xác nhận thông tin, số liệu kế toán sai sự thật. 3. Để ngoài sổ kế toán tài sản, nợ phải trả của đơn vị kế toán hoặc có liên quan đến đơn vị kế toán. 4. Hủy bỏ hoặc cố ý làm hư hỏng tài liệu kế toán trước khi kết thúc thời hạn lưu trữ quy định tại Điều 41 của Luật này. 5. Ban hành, công bố chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán không đúng thẩm quyền. 6. Mua chuộc, đe dọa, trù dập, ép buộc người làm kế toán thực hiện công việc kế toán không đúng với quy định của Luật này. 7. Người có trách nhiệm quản lý, điều hành đơn vị kế toán kiêm làm kế toán, thủ kho, thủ quỹ, trừ doanh nghiệp tư nhân và công ty trách nhiệm hữu hạn do một cá nhân làm chủ sở hữu. 8. Bố trí hoặc thuê người làm kế toán, người làm kế toán trưởng không đủ tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 51 và Điều 54 của Luật này.	- Về khoản 9 Điều 13: Tại khoản 3 mục XXVI phần B phụ lục I.7 Nghị quyết số 66.18 đã quy định bỏ cụm từ “<i>Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán</i>”. Tuy nhiên, tiếp thu ý kiến của UBTVQH về việc giữ chứng chỉ kế toán viên với tư cách là giữ lại chứng chỉ kế toán viên với tư cách là tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn kinh doanh dịch vụ kế toán nên sẽ giữ lại quy định về cấm thuê, mượn, cho thuê, cho mượn chứng chỉ nên khoản 9 Điều 13 sửa lại theo hướng nghiêm cấm thuê, mượn, cho thuê, cho mượn các loại chứng chỉ năng lực kinh doanh dịch vụ kế toán (chứng chỉ đánh giá cá nhân kinh doanh dịch vụ kế toán, chứng chỉ kế toán viên, chứng chỉ kiểm toán viên, chứng chỉ hành nghề kế toán). - Về bỏ khoản 11, 12, 13 Điều 13: Nội dung này của dự thảo Luật căn cứ theo quy định tại khoản 3, 4 mục XXVI phần B phụ lục I.7 Nghị quyết số 66.18.

LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Đã được hợp nhất bởi Luật số 56/2024/QH15, Luật số 97/2015/QH13)	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	THUYẾT MINH
9. Thuê, mượn, cho thuê, cho mượn chứng chỉ kế toán viên, Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán dưới mọi hình thức. 10. Lập hai hệ thống sổ kế toán tài chính trở lên hoặc cung cấp, công bố các báo cáo tài chính có số liệu không đồng nhất trong cùng một kỳ kế toán. 11. Kinh doanh dịch vụ kế toán khi chưa được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán hoặc hành nghề dịch vụ kế toán khi không bảo đảm điều kiện quy định của Luật này. 12. Sử dụng cụm từ “dịch vụ kế toán” trong tên gọi của doanh nghiệp nếu đã quá 06 tháng kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà vẫn không được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán hoặc doanh nghiệp đã chấm dứt kinh doanh dịch vụ kế toán. 13. Thuê cá nhân, tổ chức không đủ điều kiện hành nghề, điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán cung cấp dịch vụ kế toán cho đơn vị mình. 14. Kế toán viên hành nghề và doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán thông đồng, móc nối với khách hàng để cung cấp, xác nhận thông tin, số liệu kế toán sai sự thật.	9. Thuê, mượn, cho thuê, cho mượn <i>các loại chứng chỉ năng lực kinh doanh dịch vụ kế toán</i> ~~chứng chỉ kế toán viên, Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán~~ dưới mọi hình thức. 10. Lập hai hệ thống sổ kế toán tài chính trở lên hoặc cung cấp, công bố các báo cáo tài chính có số liệu không đồng nhất trong cùng một kỳ kế toán. ~~11. Kinh doanh dịch vụ kế toán khi chưa được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán hoặc hành nghề dịch vụ kế toán khi không bảo đảm điều kiện quy định của Luật này.~~ 12. Sử dụng cụm từ “dịch vụ kế toán” trong tên gọi của doanh nghiệp nếu đã quá 06 tháng kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà vẫn không được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán hoặc doanh nghiệp đã chấm dứt kinh doanh dịch vụ kế toán. ~~13. Thuê cá nhân, tổ chức không đủ điều kiện hành nghề, điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán cung cấp dịch vụ kế toán cho đơn vị mình.~~ 14. Kế toán viên hành nghề và Doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán <i>Cá nhân, tổ chức kinh doanh dịch vụ kế toán</i> thông đồng, móc nối với khách hàng để cung cấp, xác nhận thông tin, số liệu kế toán sai sự thật.	- Về thay thế cụm từ “doanh nghiệp và hộ kinh doanh dịch vụ kế toán” bằng cụm từ “Cá nhân, tổ chức kinh doanh dịch vụ kế toán” tại khoản 14 Điều 13 chưa quy định tại Nghị quyết số 66.18 nhưng để đảm bảo sử dụng thống nhất thuật ngữ cho các cụm từ có nội dung tương tự tại các điều, khoản khác của Luật Kế toán như đã thuyết minh tại khoản 8 Điều 2 nêu trên.

LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Đã được hợp nhất bởi Luật số 56/2024/QH15, Luật số 97/2015/QH13)	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	THUYẾT MINH
15. Các hành vi bị nghiêm cấm khác theo quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng trong hoạt động kế toán.	15. Các hành vi bị nghiêm cấm khác theo quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng trong hoạt động kế toán.	
Điều 14. Giá trị của tài liệu, số liệu kế toán 1. Tài liệu, số liệu kế toán có giá trị pháp lý của đơn vị kế toán và được sử dụng để công bố, công khai theo quy định của pháp luật. 2. Tài liệu, số liệu kế toán là cơ sở để xây dựng và xét duyệt kế hoạch, dự toán, quyết toán, xem xét, xử lý hành vi vi phạm pháp luật.		Nội dung Điều 14 giữ nguyên, không sửa đổi, bổ sung.
Điều 15. Trách nhiệm quản lý, sử dụng, cung cấp thông tin, tài liệu kế toán 1. Đơn vị kế toán có trách nhiệm quản lý, sử dụng, bảo quản và lưu trữ tài liệu kế toán. 2. Đơn vị kế toán có trách nhiệm cung cấp thông tin, tài liệu kế toán kịp thời, đầy đủ, trung thực, minh bạch cho cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.		Nội dung Điều 15 giữ nguyên, không sửa đổi, bổ sung.

LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Đã được hợp nhất bởi Luật số 56/2024/QH15, Luật số 97/2015/QH13)	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	THUYẾT MINH
Chương II NỘI DUNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN Mục 1. CHỨNG TỪ KẾ TOÁN Điều 16. Nội dung chứng từ kế toán 1. Chứng từ kế toán phải có các nội dung chủ yếu sau đây: a) Tên và số hiệu của chứng từ kế toán; b) Ngày, tháng, năm lập chứng từ kế toán; c) Tên, địa chỉ của cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc cá nhân lập chứng từ kế toán; d)(được bãi bỏ) đ) Nội dung nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh; e) Số lượng, đơn giá và số tiền của nghiệp vụ kinh tế, tài chính ghi bằng số; tổng số tiền của chứng từ kế toán dùng để thu, chi tiền ghi bằng số và bằng chữ; g) Chữ ký, họ và tên của người lập, người duyệt và những người có liên quan đến chứng từ kế toán. 2. Ngoài những nội dung chủ yếu của chứng từ kế toán quy định tại khoản 1 Điều này, chứng từ kế toán có thể có thêm những nội dung khác theo từng loại chứng từ.		Nội dung Điều 16 giữ nguyên, không sửa đổi, bổ sung.

LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Đã được hợp nhất bởi Luật số 56/2024/QH15, Luật số 97/2015/QH13)	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	THUYẾT MINH
Điều 17. Chứng từ điện tử 1. Chứng từ điện tử được coi là chứng từ kế toán khi có các nội dung quy định tại Điều 16 của Luật này và được thể hiện dưới dạng dữ liệu điện tử, được mã hóa mà không bị thay đổi trong quá trình truyền qua mạng máy tính, mạng viễn thông hoặc trên vật mang tin như băng từ, đĩa từ, các loại thẻ thanh toán. 2. Chứng từ điện tử phải bảo đảm tính bảo mật và bảo toàn dữ liệu, thông tin trong quá trình sử dụng và lưu trữ; phải được quản lý, kiểm tra chống các hình thức lợi dụng khai thác, xâm nhập, sao chép, đánh cắp hoặc sử dụng chứng từ điện tử không đúng quy định. Chứng từ điện tử được quản lý như tài liệu kế toán ở dạng nguyên bản mà nó được tạo ra, gửi đi hoặc nhận nhưng phải có đủ thiết bị phù hợp để sử dụng. 3. Khi chứng từ bằng giấy được chuyển thành chứng từ điện tử để giao dịch, thanh toán hoặc ngược lại thì chứng từ điện tử có giá trị để thực hiện nghiệp vụ kinh tế, tài chính đó, chứng từ bằng giấy chỉ có giá trị lưu giữ để ghi sổ, theo dõi và kiểm tra, không có hiệu lực để giao dịch, thanh toán.		Nội dung Điều 17 giữ nguyên, không sửa đổi, bổ sung.

LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Đã được hợp nhất bởi Luật số 56/2024/QH15, Luật số 97/2015/QH13)	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	THUYẾT MINH
Điều 18. Lập và lưu trữ chứng từ kế toán 1. Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh liên quan đến hoạt động của đơn vị kế toán phải lập chứng từ kế toán. Chứng từ kế toán chỉ được lập một lần cho mỗi nghiệp vụ kinh tế, tài chính. 2. Chứng từ kế toán phải được lập rõ ràng, đầy đủ, kịp thời, chính xác theo nội dung quy định trên mẫu. Trong trường hợp chứng từ kế toán chưa có mẫu thì đơn vị kế toán được tự lập chứng từ kế toán nhưng phải bảo đảm đầy đủ các nội dung quy định tại Điều 16 của Luật này. 3. Nội dung nghiệp vụ kinh tế, tài chính trên chứng từ kế toán không được viết tắt, không được tẩy xóa, sửa chữa; khi viết phải dùng bút mực, số và chữ viết phải liên tục, không ngắt quãng, chỗ trống phải gạch chéo. Chứng từ bị tẩy xóa, sửa chữa không có giá trị thanh toán và ghi sổ kế toán. Khi viết sai chứng từ kế toán thì phải hủy bỏ bằng cách gạch chéo vào chứng từ viết sai.		Nội dung Điều 18 giữ nguyên, không sửa đổi, bổ sung.

LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Đã được hợp nhất bởi Luật số 56/2024/QH15, Luật số 97/2015/QH13)	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	THUYẾT MINH
4. Chứng từ kế toán phải được lập đủ số liên quy định. Trường hợp phải lập nhiều liên chứng từ kế toán cho một nghiệp vụ kinh tế, tài chính thì nội dung các liên phải giống nhau. 5. Người lập, người duyệt và những người khác ký tên trên chứng từ kế toán phải chịu trách nhiệm về nội dung của chứng từ kế toán. 6. Chứng từ kế toán được lập dưới dạng chứng từ điện tử phải tuân theo quy định tại Điều 17, khoản 1 và khoản 2 Điều này. Chứng từ điện tử được in ra giấy và lưu trữ theo quy định tại Điều 41 của Luật này. Trường hợp không in ra giấy mà thực hiện lưu trữ trên các phương tiện điện tử thì phải bảo đảm an toàn, bảo mật thông tin dữ liệu và phải bảo đảm tra cứu được trong thời hạn lưu trữ.		

LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Đã được hợp nhất bởi Luật số 56/2024/QH15, Luật số 97/2015/QH13)	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	THUYẾT MINH
Điều 19. Ký và xác nhận chứng từ kế toán[7] 1. Chứng từ kế toán phải có đủ chữ ký theo chức danh quy định trên chứng từ. Chữ ký trên chứng từ kế toán phải được ký bằng loại mực không phai. Không được ký chứng từ kế toán bằng mực màu đỏ hoặc đóng dấu chữ ký khắc sẵn. Chữ ký trên chứng từ kế toán của một người phải thống nhất. Chữ ký trên chứng từ kế toán của người khiếm thị được thực hiện theo quy định của Chính phủ. 2. Chữ ký trên chứng từ kế toán phải do người có thẩm quyền hoặc người được ủy quyền ký. Nghiêm cấm ký chứng từ kế toán khi chưa ghi đủ nội dung chứng từ thuộc trách nhiệm của người ký. 3. Chứng từ kế toán chi tiền phải do người có thẩm quyền duyệt chi và kế toán trưởng hoặc người được ủy quyền ký trước khi thực hiện. Chữ ký trên chứng từ kế toán dùng để chi tiền phải ký theo từng liên. 4.[8] Chứng từ điện tử phải có chữ ký điện tử hoặc các hình thức xác nhận khác bằng phương tiện điện tử theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.		Nội dung Điều 19 giữ nguyên, không sửa đổi, bổ sung.

LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Đã được hợp nhất bởi Luật số 56/2024/QH15, Luật số 97/2015/QH13)	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	THUYẾT MINH
Điều 20. Hóa đơn 1. Hóa đơn là chứng từ kế toán do tổ chức, cá nhân bán hàng, cung cấp dịch vụ lập, ghi nhận thông tin bán hàng, cung cấp dịch vụ theo quy định của pháp luật. 2. Nội dung, hình thức hóa đơn, trình tự lập, quản lý và sử dụng hoá đơn thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế.		Nội dung Điều 20 giữ nguyên, không sửa đổi, bổ sung.
Điều 21. Quản lý, sử dụng chứng từ kế toán 1. Thông tin, số liệu trên chứng từ kế toán là căn cứ để ghi sổ kế toán. 2. Chứng từ kế toán phải được sắp xếp theo nội dung kinh tế, theo trình tự thời gian và bảo quản an toàn theo quy định của pháp luật. 3. Chỉ cơ quan nhà nước có thẩm quyền mới có quyền tạm giữ, tịch thu hoặc niêm phong chứng từ kế toán. Trường hợp tạm giữ hoặc tịch thu chứng từ kế toán thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải sao chụp chứng từ bị tạm giữ, bị tịch thu, ký xác nhận trên chứng từ sao chụp và giao bản sao chụp cho đơn vị kế toán; đồng thời lập biên bản ghi rõ lý do, số lượng từng loại chứng từ kế toán bị tạm giữ hoặc bị tịch thu và ký tên, đóng dấu.		Nội dung Điều 21 giữ nguyên, không sửa đổi, bổ sung.

LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Đã được hợp nhất bởi Luật số 56/2024/QH15, Luật số 97/2015/QH13)	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	THUYẾT MINH
4. Cơ quan có thẩm quyền niêm phong chứng từ kế toán phải lập biên bản, ghi rõ lý do, số lượng từng loại chứng từ kế toán bị niêm phong và ký tên, đóng dấu.		
Mục 2. TÀI KHOẢN KẾ TOÁN VÀ SỔ KẾ TOÁN Điều 22. Tài khoản kế toán và hệ thống tài khoản kế toán 1. Tài khoản kế toán dùng để phân loại và hệ thống hóa các nghiệp vụ kinh tế, tài chính theo nội dung kinh tế. 2. Hệ thống tài khoản kế toán gồm các tài khoản kế toán cần sử dụng. Mỗi đơn vị kế toán chỉ được sử dụng một hệ thống tài khoản kế toán cho mục đích kế toán tài chính theo quy định của Bộ Tài chính. 3. Bộ Tài chính quy định chi tiết về tài khoản kế toán và hệ thống tài khoản kế toán áp dụng cho các đơn vị kế toán sau đây: a) Đơn vị kế toán có nhiệm vụ thu, chi ngân sách nhà nước; b) Đơn vị kế toán sử dụng ngân sách nhà nước;		Nội dung Điều 22 giữ nguyên, không sửa đổi, bổ sung.

LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Đã được hợp nhất bởi Luật số 56/2024/QH15, Luật số 97/2015/QH13)	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	THUYẾT MINH
c) Đơn vị kế toán không sử dụng ngân sách nhà nước; d) Đơn vị kế toán là doanh nghiệp; đ) Đơn vị kế toán khác.		
Điều 23. Lựa chọn áp dụng hệ thống tài khoản kế toán 1. Đơn vị kế toán phải căn cứ vào hệ thống tài khoản kế toán do Bộ Tài chính quy định để chọn hệ thống tài khoản kế toán áp dụng ở đơn vị mình. 2. Đơn vị kế toán được chi tiết các tài khoản kế toán đã chọn để phục vụ yêu cầu quản lý của đơn vị.		Nội dung Điều 23 giữ nguyên, không sửa đổi, bổ sung.
Điều 24. Sổ kế toán 1. Sổ kế toán dùng để ghi chép, hệ thống và lưu giữ toàn bộ các nghiệp vụ kinh tế, tài chính đã phát sinh có liên quan đến đơn vị kế toán. 2. Sổ kế toán phải ghi rõ tên đơn vị kế toán; tên sổ; ngày, tháng, năm lập sổ; ngày, tháng, năm khóa sổ; chữ ký của người lập sổ, kế toán trưởng và người đại diện theo pháp luật của đơn vị kế toán; số trang; đóng dấu giáp lai.		Nội dung Điều 24 giữ nguyên, không sửa đổi, bổ sung.

LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Đã được hợp nhất bởi Luật số 56/2024/QH15, Luật số 97/2015/QH13)	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	THUYẾT MINH
3. Sổ kế toán phải có các nội dung chủ yếu sau đây: a) Ngày, tháng, năm ghi sổ; b) Số hiệu và ngày, tháng, năm của chứng từ kế toán dùng làm căn cứ ghi sổ; c) Tóm tắt nội dung của nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh; d) Số tiền của nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh ghi vào các tài khoản kế toán; đ) Số dư đầu kỳ, số phát sinh trong kỳ, số dư cuối kỳ. 4. Sổ kế toán gồm sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết. 5. Bộ Tài chính quy định chi tiết về sổ kế toán.		
Điều 25. Hệ thống sổ kế toán 1. Đơn vị kế toán phải căn cứ vào hệ thống sổ kế toán do Bộ Tài chính quy định để chọn một hệ thống sổ kế toán áp dụng ở đơn vị. 2. Mỗi đơn vị kế toán chỉ sử dụng một hệ thống sổ kế toán cho một kỳ kế toán năm. 3. Đơn vị kế toán được cụ thể hoá các sổ kế toán đã chọn để phục vụ yêu cầu kế toán của đơn vị.		Nội dung Điều 25 giữ nguyên, không sửa đổi, bổ sung.

LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Đã được hợp nhất bởi Luật số 56/2024/QH15, Luật số 97/2015/QH13)	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	THUYẾT MINH
Điều 26. Mở sổ, ghi sổ, khóa sổ và lưu trữ sổ kế toán 1. Sổ kế toán phải mở vào đầu kỳ kế toán năm; đối với đơn vị kế toán mới thành lập, sổ kế toán phải mở từ ngày thành lập. 2. Đơn vị kế toán phải căn cứ vào chứng từ kế toán để ghi sổ kế toán. 3. Sổ kế toán phải được ghi kịp thời, rõ ràng, đầy đủ theo các nội dung của sổ. Thông tin, số liệu ghi vào sổ kế toán phải chính xác, trung thực, đúng với chứng từ kế toán. 4. Việc ghi sổ kế toán phải theo trình tự thời gian phát sinh của nghiệp vụ kinh tế, tài chính. Thông tin, số liệu ghi trên sổ kế toán của năm sau phải kế tiếp thông tin, số liệu ghi trên sổ kế toán của năm trước liền kề. Sổ kế toán phải được ghi liên tục từ khi mở sổ đến khi khóa sổ. 5. Thông tin, số liệu trên sổ kế toán phải được ghi bằng bút mực; không ghi xen thêm vào phía trên hoặc phía dưới; không ghi chồng lên nhau; không ghi cách dòng; trường hợp ghi không hết trang phải gạch chéo phần không ghi; khi ghi hết trang phải cộng số liệu tổng cộng của trang và chuyển số liệu tổng cộng sang trang kế tiếp.		Nội dung Điều 26 giữ nguyên, không sửa đổi, bổ sung.

LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Đã được hợp nhất bởi Luật số 56/2024/QH15, Luật số 97/2015/QH13)	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	THUYẾT MINH
6. Đơn vị kế toán phải khóa sổ kế toán vào cuối kỳ kế toán trước khi lập báo cáo tài chính và trong các trường hợp khác theo quy định của pháp luật. 7. Đơn vị kế toán được ghi sổ kế toán bằng phương tiện điện tử. Trường hợp ghi sổ kế toán bằng phương tiện điện tử thì phải thực hiện các quy định về sổ kế toán tại Điều 24, Điều 25 và các khoản 1, 2, 3, 4 và 6 Điều này, trừ việc đóng dấu giáp lai. Sau khi khóa sổ kế toán trên phương tiện điện tử phải in sổ kế toán ra giấy và đóng thành quyển riêng cho từng kỳ kế toán năm để đưa vào lưu trữ. Trường hợp không in ra giấy mà thực hiện lưu trữ sổ kế toán trên các phương tiện điện tử thì phải bảo đảm an toàn, bảo mật thông tin dữ liệu và phải bảo đảm tra cứu được trong thời hạn lưu trữ.		
Điều 27. Sửa chữa sổ kế toán 1. Khi phát hiện sổ kế toán có sai sót thì không được tẩy xóa làm mất dấu vết thông tin, số liệu ghi sai mà phải sửa chữa theo một trong ba phương pháp sau đây:		Nội dung Điều 27 giữ nguyên, không sửa đổi, bổ sung.

LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Đã được hợp nhất bởi Luật số 56/2024/QH15, Luật số 97/2015/QH13)	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	THUYẾT MINH
a) Ghi cải chính bằng cách gạch một đường thẳng vào chỗ sai và ghi số hoặc chữ đúng ở phía trên và phải có chữ ký của kế toán trưởng bên cạnh; b) Ghi số âm bằng cách ghi lại số sai bằng mực đỏ hoặc ghi lại số sai trong dấu ngoặc đơn, sau đó ghi lại số đúng và phải có chữ ký của kế toán trưởng bên cạnh; c) Ghi điều chỉnh bằng cách lập “chứng từ điều chỉnh” và ghi thêm số chênh lệch cho đúng. 2. Trường hợp phát hiện sổ kế toán có sai sót trước khi báo cáo tài chính năm được nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì phải sửa chữa trên sổ kế toán của năm đó. 3. Trường hợp phát hiện sổ kế toán có sai sót sau khi báo cáo tài chính năm đã nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì phải sửa chữa trên sổ kế toán của năm đã phát hiện sai sót và thuyết minh về việc sửa chữa này. 4. Sửa chữa sổ kế toán trong trường hợp ghi sổ bằng phương tiện điện tử được thực hiện theo phương pháp quy định tại điểm c khoản 1 Điều này.		

LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Đã được hợp nhất bởi Luật số 56/2024/QH15, Luật số 97/2015/QH13)	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	THUYẾT MINH
Điều 28. Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý 1. Các loại tài sản và nợ phải trả được đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý tại thời điểm cuối kỳ lập báo cáo tài chính gồm: a) Công cụ tài chính theo yêu cầu của chuẩn mực kế toán phải ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý; b) Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế; c) Các tài sản hoặc nợ phải trả khác có giá trị biến động thường xuyên, theo yêu cầu của chuẩn mực kế toán phải được đánh giá lại theo giá trị hợp lý. 2. Việc đánh giá lại tài sản và nợ phải trả theo giá trị hợp lý phải bảo đảm có căn cứ xác thực. Trường hợp không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy thì tài sản và nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc. 3. Bộ Tài chính quy định cụ thể các tài sản và nợ phải trả được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý, phương pháp kế toán ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý.		Nội dung Điều 28 giữ nguyên, không sửa đổi, bổ sung.

LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Đã được hợp nhất bởi Luật số 56/2024/QH15, Luật số 97/2015/QH13)	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	THUYẾT MINH
Mục 3. BÁO CÁO TÀI CHÍNH Điều 29. Báo cáo tài chính của đơn vị kế toán 1. Báo cáo tài chính của đơn vị kế toán dùng để tổng hợp và thuyết minh về tình hình tài chính và kết quả hoạt động của đơn vị kế toán. Báo cáo tài chính của đơn vị kế toán phải được lập và trình bày theo đúng quy định của chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán mà đơn vị áp dụng, gồm: a) Báo cáo tình hình tài chính; b) Báo cáo kết quả hoạt động; c) Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; d) Thuyết minh báo cáo tài chính; đ) Báo cáo khác theo quy định của pháp luật. 2. Việc lập báo cáo tài chính của đơn vị kế toán được thực hiện như sau: a) Đơn vị kế toán phải lập báo cáo tài chính vào cuối kỳ kế toán năm; trường hợp pháp luật có quy định lập báo cáo tài chính theo kỳ kế toán khác thì đơn vị kế toán phải lập theo kỳ kế toán đó;		Nội dung Điều 29 giữ nguyên, không sửa đổi, bổ sung.

LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Đã được hợp nhất bởi Luật số 56/2024/QH15, Luật số 97/2015/QH13)	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	THUYẾT MINH
b) Việc lập báo cáo tài chính phải căn cứ vào số liệu sau khi khóa sổ kế toán. Đơn vị kế toán cấp trên phải lập báo cáo tài chính tổng hợp hoặc báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên báo cáo tài chính của các đơn vị kế toán trong cùng đơn vị kế toán cấp trên; c) Báo cáo tài chính phải được lập đúng nội dung, phương pháp và trình bày nhất quán giữa các kỳ kế toán; trường hợp báo cáo tài chính trình bày khác nhau giữa các kỳ kế toán thì phải thuyết minh rõ lý do; d) Báo cáo tài chính phải có chữ ký của người lập, kế toán trưởng và người đại diện theo pháp luật của đơn vị kế toán. Người ký báo cáo tài chính phải chịu trách nhiệm về nội dung của báo cáo. 3. Báo cáo tài chính năm của đơn vị kế toán phải được nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm theo quy định của pháp luật. 4. Bộ Tài chính quy định chi tiết về báo cáo tài chính cho từng lĩnh vực hoạt động; trách nhiệm, đối tượng, kỳ lập, phương pháp lập, thời hạn nộp, nơi nhận báo cáo và công khai báo cáo tài chính.		

LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Đã được hợp nhất bởi Luật số 56/2024/QH15, Luật số 97/2015/QH13)	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	THUYẾT MINH
Điều 30. Báo cáo tài chính nhà nước 1. Báo cáo tài chính nhà nước được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức kinh tế và các đơn vị có liên quan khác thuộc khu vực nhà nước, dùng để tổng hợp và thuyết minh về tình hình tài chính nhà nước, kết quả hoạt động tài chính nhà nước và lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động tài chính nhà nước trên phạm vi toàn quốc và từng địa phương. 2. Báo cáo tài chính nhà nước cung cấp thông tin về tình hình thu, chi ngân sách nhà nước, các quỹ tài chính nhà nước, nợ công, vốn nhà nước tại doanh nghiệp, tài sản, nguồn vốn và sử dụng nguồn vốn của Nhà nước. Báo cáo tài chính nhà nước gồm: a) Báo cáo tình hình tài chính nhà nước; b) Báo cáo kết quả hoạt động tài chính nhà nước; c) Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; d) Thuyết minh báo cáo tài chính nhà nước.		Nội dung Điều 30 giữ nguyên, không sửa đổi, bổ sung.

LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Đã được hợp nhất bởi Luật số 56/2024/QH15, Luật số 97/2015/QH13)	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	THUYẾT MINH
3. Việc lập báo cáo tài chính nhà nước được thực hiện như sau: a) Bộ Tài chính chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính nhà nước trên phạm vi toàn quốc, trình Chính phủ để báo cáo Quốc hội; chỉ đạo Kho bạc Nhà nước chủ trì, phối hợp với cơ quan tài chính lập báo cáo tài chính thuộc phạm vi địa phương, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp; b) Các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp, tổ chức kinh tế và các đơn vị có liên quan có trách nhiệm lập báo cáo của đơn vị mình và cung cấp thông tin tài chính cần thiết phục vụ việc lập báo cáo tài chính nhà nước trên phạm vi toàn quốc và từng địa phương. 4. Báo cáo tài chính nhà nước được lập và trình Quốc hội, Hội đồng nhân dân cùng với thời điểm quyết toán ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước. 5. Chính phủ quy định chi tiết về nội dung báo cáo tài chính nhà nước; việc tổ chức thực hiện lập, công khai báo cáo tài chính nhà nước; trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc cung cấp thông tin phục vụ việc lập báo cáo tài chính nhà nước.		

LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Đã được hợp nhất bởi Luật số 56/2024/QH15, Luật số 97/2015/QH13)	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	THUYẾT MINH
Điều 31. Nội dung công khai báo cáo tài chính 1. Đơn vị kế toán sử dụng ngân sách nhà nước công khai thông tin thu, chi ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước. 2. Đơn vị kế toán không sử dụng ngân sách nhà nước công khai quyết toán thu, chi tài chính năm. 3. Đơn vị kế toán sử dụng các khoản đóng góp của Nhân dân công khai mục đích huy động và sử dụng các khoản đóng góp, đối tượng đóng góp, mức huy động, kết quả sử dụng và quyết toán thu, chi từng khoản đóng góp. 4. Đơn vị kế toán thuộc hoạt động kinh doanh công khai các nội dung sau đây: a) Tình hình tài sản, nợ phải trả và vốn chủ sở hữu; b) Kết quả hoạt động kinh doanh; c) Trích lập và sử dụng các quỹ; d) Thu nhập của người lao động; đ) Các nội dung khác theo quy định của pháp luật. 5. Báo cáo tài chính của đơn vị kế toán mà pháp luật quy định phải kiểm toán khi công khai phải kèm theo báo cáo kiểm toán của tổ chức kiểm toán.		Nội dung Điều 31 giữ nguyên, không sửa đổi, bổ sung.

LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Đã được hợp nhất bởi Luật số 56/2024/QH15, Luật số 97/2015/QH13)	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	THUYẾT MINH
Điều 32. Hình thức và thời hạn công khai báo cáo tài chính 1. Việc công khai báo cáo tài chính được thực hiện theo một hoặc một số hình thức sau đây: a) Phát hành ấn phẩm; b) Thông báo bằng văn bản; c) Niêm yết; d) Đăng tải trên trang thông tin điện tử; đ) Các hình thức khác theo quy định của pháp luật. 2. Hình thức và thời hạn công khai báo cáo tài chính của đơn vị kế toán sử dụng ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước. 3. Đơn vị kế toán không sử dụng ngân sách nhà nước, đơn vị kế toán có sử dụng các khoản đóng góp của Nhân dân phải công khai báo cáo tài chính năm trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nộp báo cáo tài chính. 4. Đơn vị kế toán thuộc hoạt động kinh doanh phải công khai báo cáo tài chính năm trong thời hạn 120 ngày, kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Trường hợp pháp luật về chứng khoán, tín dụng, bảo hiểm có quy định cụ thể về hình thức, thời hạn công khai báo cáo tài chính khác với quy định của Luật này thì thực hiện theo quy định của pháp luật về lĩnh vực đó.		Nội dung Điều 32 giữ nguyên, không sửa đổi, bổ sung.

LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Đã được hợp nhất bởi Luật số 56/2024/QH15, Luật số 97/2015/QH13)	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	THUYẾT MINH
Điều 33. Kiểm toán báo cáo tài chính 1. Báo cáo tài chính năm của đơn vị kế toán mà pháp luật quy định phải kiểm toán thì phải được kiểm toán trước khi nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền và trước khi công khai. 2. Đơn vị kế toán khi được kiểm toán phải tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về kiểm toán. 3. Báo cáo tài chính của đơn vị kế toán đã được kiểm toán khi nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải có báo cáo kiểm toán kèm theo.		Nội dung Điều 33 giữ nguyên, không sửa đổi, bổ sung.

LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Đã được hợp nhất bởi Luật số 56/2024/QH15, Luật số 97/2015/QH13)	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	THUYẾT MINH
Mục 4. KIỂM TRA KẾ TOÁN Điều 34. Kiểm tra kế toán 1. Đơn vị kế toán phải chịu sự kiểm tra kế toán của cơ quan có thẩm quyền. Việc kiểm tra kế toán chỉ được thực hiện khi có quyết định của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật, trừ các cơ quan quy định tại điểm b khoản 3 Điều này. 2. Các cơ quan có thẩm quyền quyết định kiểm tra kế toán gồm: a) Bộ Tài chính; b) Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và cơ quan khác ở trung ương quyết định kiểm tra kế toán các đơn vị kế toán trong lĩnh vực được phân công phụ trách; c) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định kiểm tra kế toán các đơn vị kế toán tại địa phương do mình quản lý; d) Đơn vị cấp trên quyết định kiểm tra kế toán đơn vị trực thuộc. 3. Các cơ quan có thẩm quyền kiểm tra kế toán gồm: a) Các cơ quan quy định tại khoản 2 Điều này; b) Cơ quan thanh tra nhà nước, thanh tra chuyên ngành về tài chính, Kiểm toán nhà nước, cơ quan thuế khi thực hiện nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra, kiểm toán các đơn vị kế toán.		Nội dung Điều 34 giữ nguyên, không sửa đổi, bổ sung.

LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Đã được hợp nhất bởi Luật số 56/2024/QH15, Luật số 97/2015/QH13)	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	THUYẾT MINH
Điều 35. Nội dung kiểm tra kế toán 1. Nội dung kiểm tra kế toán gồm: a) Kiểm tra việc thực hiện nội dung công tác kế toán; b) Kiểm tra việc tổ chức bộ máy kế toán và người làm kế toán; c) Kiểm tra việc tổ chức quản lý và hoạt động kinh doanh dịch vụ kế toán; d) Kiểm tra việc chấp hành các quy định khác của pháp luật về kế toán. 2. Nội dung kiểm tra kế toán phải được xác định trong quyết định kiểm tra, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 3 Điều 34 của Luật này.	Điều 35. Nội dung kiểm tra kế toán 1. Nội dung kiểm tra kế toán gồm: a) Kiểm tra việc thực hiện nội dung công tác kế toán; b) Kiểm tra việc tổ chức bộ máy kế toán và người làm kế toán; c) Kiểm tra việc tổ chức quản lý và hoạt động kinh doanh dịch vụ kế toán; d) Kiểm tra việc chấp hành các quy định khác của pháp luật về kế toán. 2. Nội dung kiểm tra kế toán phải được xác định trong quyết định kiểm tra, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 3 Điều 34 của Luật này.	Khoản 5 mục XXVI phần B phụ lục I.7 Nghị quyết số 66.18 bãi bỏ điểm c khoản 1 Điều 35. Tuy nhiên, trên cơ sở tiếp thu ý kiến của UBTVQH, dự thảo Luật đã giữ lại điểm c khoản 1 Điều 35 về kiểm tra việc tổ chức quản lý và hoạt động kinh doanh dịch vụ kế toán để đảm bảo chất lượng dịch vụ kế toán, tránh rủi ro cho khách hàng.
Điều 36. Thời gian kiểm tra kế toán Thời gian kiểm tra kế toán do cơ quan có thẩm quyền kiểm tra kế toán quyết định nhưng không quá 10 ngày, không kể ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của Bộ luật Lao động. Trường hợp nội dung kiểm tra phức tạp, cần có thời gian để đánh giá, đối chiếu, kết luận, cơ quan có thẩm quyền kiểm tra kế toán có thể kéo dài thời gian kiểm tra; thời gian kéo dài đối với mỗi cuộc kiểm tra không quá 05 ngày, không kể ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của Bộ luật Lao động.		Nội dung Điều 36 giữ nguyên, không sửa đổi, bổ sung.

LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Đã được hợp nhất bởi Luật số 56/2024/QH15, Luật số 97/2015/QH13)	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	THUYẾT MINH
Điều 37. Quyền và trách nhiệm của đoàn kiểm tra kế toán 1. Khi kiểm tra kế toán, đoàn kiểm tra kế toán phải công bố quyết định kiểm tra kế toán, trừ các đoàn thanh tra, kiểm tra, kiểm toán quy định tại điểm b khoản 3 Điều 34 của Luật này. Đoàn kiểm tra kế toán có quyền yêu cầu đơn vị kế toán được kiểm tra cung cấp tài liệu kế toán có liên quan đến nội dung kiểm tra kế toán và giải trình khi cần thiết. 2. Khi kết thúc kiểm tra kế toán, đoàn kiểm tra kế toán phải lập biên bản kiểm tra kế toán và giao cho đơn vị kế toán được kiểm tra một bản; nếu phát hiện có vi phạm pháp luật về kế toán thì xử lý theo thẩm quyền hoặc chuyển hồ sơ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật. 3. Trưởng đoàn kiểm tra kế toán phải chịu trách nhiệm về các kết luận kiểm tra. 4. Đoàn kiểm tra kế toán phải tuân thủ trình tự, nội dung, phạm vi và thời gian kiểm tra, không được làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của đơn vị kế toán và không được sách nhiễu đơn vị kế toán được kiểm tra.		Nội dung Điều 37 giữ nguyên, không sửa đổi, bổ sung.

LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Đã được hợp nhất bởi Luật số 56/2024/QH15, Luật số 97/2015/QH13)	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	THUYẾT MINH
Điều 38. Quyền và trách nhiệm của đơn vị kế toán được kiểm tra kế toán 1. Đơn vị kế toán được kiểm tra kế toán có trách nhiệm sau đây: a) Cung cấp cho đoàn kiểm tra kế toán tài liệu kế toán có liên quan đến nội dung kiểm tra và giải trình các nội dung theo yêu cầu của đoàn kiểm tra; b) Thực hiện kết luận của đoàn kiểm tra kế toán. 2. Đơn vị kế toán được kiểm tra kế toán có các quyền sau đây: a) Từ chối việc kiểm tra nếu thấy việc kiểm tra không đúng thẩm quyền quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 34 hoặc nội dung kiểm tra không đúng với quy định tại Điều 35 của Luật này; b) Khiếu nại với cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong trường hợp không đồng ý với kết luận của đoàn kiểm tra kế toán.		Nội dung Điều 38 giữ nguyên, không sửa đổi, bổ sung.
Điều 39. Kiểm soát nội bộ và kiểm toán nội bộ 1. Kiểm soát nội bộ là việc thiết lập và tổ chức thực hiện trong nội bộ đơn vị kế toán các cơ chế, chính sách, quy trình, quy định nội bộ phù hợp với quy định của pháp luật nhằm bảo đảm phòng ngừa, phát hiện, xử lý kịp thời rủi ro và đạt được yêu cầu đề ra.		Nội dung Điều 39 giữ nguyên, không sửa đổi, bổ sung.

LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Đã được hợp nhất bởi Luật số 56/2024/QH15, Luật số 97/2015/QH13)	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	THUYẾT MINH
2. Đơn vị kế toán phải thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ trong đơn vị để bảo đảm các yêu cầu sau đây: a) Tài sản của đơn vị được bảo đảm an toàn, tránh sử dụng sai mục đích, không hiệu quả; b) Các nghiệp vụ được phê duyệt đúng thẩm quyền và được ghi chép đầy đủ làm cơ sở cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý. 3. Kiểm toán nội bộ là việc kiểm tra, đánh giá, giám sát tính đầy đủ, thích hợp và tính hữu hiệu của kiểm soát nội bộ. 4. Kiểm toán nội bộ có nhiệm vụ sau đây: a) Kiểm tra tính phù hợp, hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ; b) Kiểm tra và xác nhận chất lượng, độ tin cậy của thông tin kinh tế, tài chính của báo cáo tài chính, báo cáo kế toán quản trị trước khi trình ký duyệt; c) Kiểm tra việc tuân thủ nguyên tắc hoạt động, quản lý, việc tuân thủ pháp luật, chế độ tài chính, kế toán, chính sách, nghị quyết, quyết định của lãnh đạo đơn vị kế toán;		

LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Đã được hợp nhất bởi Luật số 56/2024/QH15, Luật số 97/2015/QH13)	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	THUYẾT MINH
d) Phát hiện những sơ hở, yếu kém, gian lận trong quản lý, bảo vệ tài sản của đơn vị; đề xuất các giải pháp nhằm cải tiến, hoàn thiện hệ thống quản lý, điều hành hoạt động của đơn vị kế toán. 5. Chính phủ quy định chi tiết về kiểm toán nội bộ trong doanh nghiệp, cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp.		
Mục 5. KIỂM KÊ TÀI SẢN, BẢO QUẢN, LƯU TRỮ TÀI LIỆU KẾ TOÁN Điều 40. Kiểm kê tài sản 1. Kiểm kê tài sản là việc cân, đong, đo, đếm số lượng; xác nhận và đánh giá chất lượng, giá trị của tài sản, nguồn vốn hiện có tại thời điểm kiểm kê để kiểm tra, đối chiếu với số liệu trong sổ kế toán. 2. Đơn vị kế toán phải kiểm kê tài sản trong các trường hợp sau đây: a) Cuối kỳ kế toán năm; b) Đơn vị kế toán bị chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, giải thể, chấm dứt hoạt động, phá sản hoặc bán, cho thuê; c) Đơn vị kế toán được chuyển đổi loại hình hoặc hình thức sở hữu; d) Xảy ra hỏa hoạn, lũ lụt và các thiệt hại bất thường khác;		Nội dung Điều 40 giữ nguyên, không sửa đổi, bổ sung.

LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Đã được hợp nhất bởi Luật số 56/2024/QH15, Luật số 97/2015/QH13)	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	THUYẾT MINH
đ) Đánh giá lại tài sản theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật. 3. Sau khi kiểm kê tài sản, đơn vị kế toán phải lập báo cáo tổng hợp kết quả kiểm kê. Trường hợp có chênh lệch giữa số liệu thực tế kiểm kê với số liệu ghi trên sổ kế toán, đơn vị kế toán phải xác định nguyên nhân và phải phản ánh số chênh lệch, kết quả xử lý vào sổ kế toán trước khi lập báo cáo tài chính. 4. Việc kiểm kê phải phản ánh đúng thực tế tài sản, nguồn hình thành tài sản. Người lập và ký báo cáo tổng hợp kết quả kiểm kê phải chịu trách nhiệm về kết quả kiểm kê.		
Điều 41. Bảo quản, lưu trữ tài liệu kế toán 1. Tài liệu kế toán phải được đơn vị kế toán bảo quản đầy đủ, an toàn trong quá trình sử dụng và lưu trữ. 2. Trường hợp tài liệu kế toán bị tạm giữ, bị tịch thu thì phải có biên bản kèm theo bản sao chụp tài liệu kế toán đó; nếu tài liệu kế toán bị mất hoặc bị hủy hoại thì phải có biên bản kèm theo bản sao chụp tài liệu hoặc bản xác nhận. 3. Tài liệu kế toán phải đưa vào lưu trữ trong thời hạn 12 tháng, kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc kết thúc công việc kế toán.		Nội dung Điều 41 giữ nguyên, không sửa đổi, bổ sung.

LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Đã được hợp nhất bởi Luật số 56/2024/QH15, Luật số 97/2015/QH13)	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	THUYẾT MINH
4. Người đại diện theo pháp luật của đơn vị kế toán chịu trách nhiệm tổ chức bảo quản, lưu trữ tài liệu kế toán. 5. Tài liệu kế toán phải được lưu trữ theo thời hạn sau đây: a) Ít nhất là 05 năm đối với tài liệu kế toán dùng cho quản lý, điều hành của đơn vị kế toán, gồm cả chứng từ kế toán không sử dụng trực tiếp để ghi sổ kế toán và lập báo cáo tài chính; b) Ít nhất là 10 năm đối với chứng từ kế toán sử dụng trực tiếp để ghi sổ kế toán và lập báo cáo tài chính, sổ kế toán và báo cáo tài chính năm, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác; c) Lưu trữ vĩnh viễn đối với tài liệu kế toán có tính sử liệu, có ý nghĩa quan trọng về kinh tế, an ninh, quốc phòng. 6. Chính phủ quy định cụ thể từng loại tài liệu kế toán phải lưu trữ, thời hạn lưu trữ, thời điểm tính thời hạn lưu trữ quy định tại khoản 5 Điều này, nơi lưu trữ và thủ tục tiêu hủy tài liệu kế toán lưu trữ.		

LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Đã được hợp nhất bởi Luật số 56/2024/QH15, Luật số 97/2015/QH13)	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	THUYẾT MINH
Điều 42. Trách nhiệm của đơn vị kế toán trong trường hợp tài liệu kế toán bị mất hoặc bị hủy hoại Khi phát hiện tài liệu kế toán bị mất hoặc bị hủy hoại, đơn vị kế toán phải thực hiện ngay các công việc sau đây: 1. Kiểm tra, xác định và lập biên bản về số lượng, hiện trạng, nguyên nhân tài liệu kế toán bị mất hoặc bị hủy hoại; thông báo cho tổ chức, cá nhân có liên quan và cơ quan nhà nước có thẩm quyền; 2. Tổ chức phục hồi lại tài liệu kế toán bị hư hỏng; 3. Liên hệ với tổ chức, cá nhân có giao dịch tài liệu, số liệu kế toán để được sao chụp hoặc xác nhận lại tài liệu kế toán bị mất hoặc bị hủy hoại; 4. Đối với tài liệu kế toán có liên quan đến tài sản nhưng không thể phục hồi bằng các biện pháp quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này thì phải kiểm kê tài sản để lập lại tài liệu kế toán bị mất hoặc bị hủy hoại.		Nội dung Điều 42 giữ nguyên, không sửa đổi, bổ sung.

LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Đã được hợp nhất bởi Luật số 56/2024/QH15, Luật số 97/2015/QH13)	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	THUYẾT MINH
Mục 6. CÔNG VIỆC KẾ TOÁN TRONG TRƯỜNG HỢP ĐƠN VỊ KẾ TOÁN CHIA, TÁCH, HỢP NHẤT, SÁP NHẬP, CHUYỂN ĐỔI LOẠI HÌNH HOẶC HÌNH THỨC SỞ HỮU, GIẢI THỂ, CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG, PHÁ SẢN Điều 43. Công việc kế toán trong trường hợp chia đơn vị kế toán 1. Đơn vị kế toán bị chia thành các đơn vị kế toán mới phải thực hiện các công việc sau đây: a) Khóa sổ kế toán, kiểm kê tài sản, xác định nợ chưa thanh toán, lập báo cáo tài chính; b) Phân chia tài sản, nợ chưa thanh toán, lập biên bản bàn giao và ghi sổ kế toán theo biên bản bàn giao; c) Bàn giao tài liệu kế toán liên quan đến tài sản, nợ chưa thanh toán cho các đơn vị kế toán mới. 2. Đơn vị kế toán mới được thành lập căn cứ vào biên bản bàn giao mở sổ kế toán và ghi sổ kế toán theo quy định của Luật này.		Nội dung Điều 43 giữ nguyên, không sửa đổi, bổ sung.
Điều 44. Công việc kế toán trong trường hợp tách đơn vị kế toán 1. Đơn vị kế toán bị tách một bộ phận để thành lập đơn vị kế toán mới phải thực hiện các công việc sau đây: a) Kiểm kê tài sản, xác định nợ chưa thanh toán của bộ phận được tách;		Nội dung Điều 44 giữ nguyên, không sửa đổi, bổ sung.

LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Đã được hợp nhất bởi Luật số 56/2024/QH15, Luật số 97/2015/QH13)	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	THUYẾT MINH
b) Bàn giao tài sản, nợ chưa thanh toán của bộ phận được tách, lập biên bản bàn giao và ghi sổ kế toán theo biên bản bàn giao; c) Bàn giao tài liệu kế toán liên quan đến tài sản, nợ chưa thanh toán cho đơn vị kế toán mới; đối với tài liệu kế toán không bàn giao thì đơn vị kế toán bị tách lưu trữ theo quy định tại Điều 41 của Luật này. 2. Đơn vị kế toán mới được thành lập căn cứ vào biên bản bàn giao mở sổ kế toán và ghi sổ kế toán theo quy định của Luật này.		
Điều 45. Công việc kế toán trong trường hợp hợp nhất các đơn vị kế toán 1. Các đơn vị kế toán bị hợp nhất thành đơn vị kế toán mới thì từng đơn vị kế toán bị hợp nhất phải thực hiện các công việc sau đây: a) Khóa sổ kế toán, kiểm kê tài sản, xác định nợ chưa thanh toán, lập báo cáo tài chính; b) Bàn giao toàn bộ tài sản, nợ chưa thanh toán, lập biên bản bàn giao và ghi sổ kế toán theo biên bản bàn giao; c) Bàn giao toàn bộ tài liệu kế toán cho đơn vị kế toán hợp nhất. 2. Đơn vị kế toán hợp nhất phải thực hiện các công việc sau đây: a) Căn cứ vào biên bản bàn giao, mở sổ kế toán và ghi sổ kế toán theo quy định của Luật này;		Nội dung Điều 45 giữ nguyên, không sửa đổi, bổ sung.

LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Đã được hợp nhất bởi Luật số 56/2024/QH15, Luật số 97/2015/QH13)	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	THUYẾT MINH
b) Tổng hợp báo cáo tài chính của các đơn vị kế toán bị hợp nhất thành báo cáo tài chính của đơn vị kế toán hợp nhất; c) Nhận, lưu trữ tài liệu kế toán của các đơn vị bị hợp nhất.		
Điều 46. Công việc kế toán trong trường hợp sáp nhập đơn vị kế toán 1. Đơn vị kế toán bị sáp nhập vào đơn vị kế toán khác phải thực hiện các công việc sau đây: a) Khóa sổ kế toán, kiểm kê tài sản, xác định nợ chưa thanh toán, lập báo cáo tài chính; b) Bàn giao toàn bộ tài sản, nợ chưa thanh toán, lập biên bản bàn giao và ghi sổ kế toán theo biên bản bàn giao; c) Bàn giao toàn bộ tài liệu kế toán cho đơn vị kế toán nhận sáp nhập. 2. Đơn vị kế toán nhận sáp nhập căn cứ vào biên bản bàn giao ghi sổ kế toán theo quy định của Luật này.		Nội dung Điều 46 giữ nguyên, không sửa đổi, bổ sung.

LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Đã được hợp nhất bởi Luật số 56/2024/QH15, Luật số 97/2015/QH13)	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	THUYẾT MINH
Điều 47. Công việc kế toán trong trường hợp chuyển đổi loại hình hoặc hình thức sở hữu 1. Đơn vị kế toán được chuyển đổi loại hình hoặc hình thức sở hữu phải thực hiện các công việc sau đây: a) Khóa sổ kế toán, kiểm kê tài sản, xác định nợ chưa thanh toán, lập báo cáo tài chính; b) Bàn giao toàn bộ tài sản, nợ chưa thanh toán, lập biên bản bàn giao và ghi sổ kế toán theo biên bản bàn giao; c) Bàn giao toàn bộ tài liệu kế toán cho đơn vị kế toán sau chuyển đổi. 2. Đơn vị kế toán sau chuyển đổi căn cứ vào biên bản bàn giao mở sổ kế toán và ghi sổ kế toán theo quy định của Luật này.		Nội dung Điều 47 giữ nguyên, không sửa đổi, bổ sung.

LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Đã được hợp nhất bởi Luật số 56/2024/QH15, Luật số 97/2015/QH13)	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	THUYẾT MINH
Điều 48. Công việc kế toán trong trường hợp giải thể, chấm dứt hoạt động, phá sản 1. Đơn vị kế toán bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động phải thực hiện các công việc sau đây: a) Khóa sổ kế toán, kiểm kê tài sản, xác định nợ chưa thanh toán, lập báo cáo tài chính; b) Mở sổ kế toán theo dõi các nghiệp vụ kinh tế, tài chính liên quan đến việc giải thể, chấm dứt hoạt động; c) Bàn giao toàn bộ tài liệu kế toán của đơn vị kế toán bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động sau khi xử lý xong cho đơn vị kế toán cấp trên hoặc tổ chức, cá nhân lưu trữ theo quy định tại Điều 41 của Luật này. 2. Trường hợp đơn vị kế toán bị tuyên bố phá sản thì Tòa án tuyên bố phá sản chỉ định người thực hiện công việc kế toán quy định tại khoản 1 Điều này		Nội dung Điều 48 giữ nguyên, không sửa đổi, bổ sung.

LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Đã được hợp nhất bởi Luật số 56/2024/QH15, Luật số 97/2015/QH13)	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	THUYẾT MINH
Chương III TỔ CHỨC BỘ MÁY KẾ TOÁN VÀ NGƯỜI LÀM KẾ TOÁN Điều 49. Tổ chức bộ máy kế toán 1. Đơn vị kế toán phải tổ chức bộ máy kế toán, bố trí người làm kế toán hoặc thuê dịch vụ làm kế toán. 2. Việc tổ chức bộ máy, bố trí người làm kế toán, kế toán trưởng, phụ trách kế toán hoặc thuê dịch vụ làm kế toán, kế toán trưởng thực hiện theo quy định của Chính phủ.		Nội dung Điều 49 giữ nguyên, không sửa đổi, bổ sung.
Điều 50. Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật của đơn vị kế toán 1. Tổ chức bộ máy kế toán, bố trí người làm kế toán hoặc quyết định thuê doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán, hộ kinh doanh dịch vụ kế toán theo đúng quy định của Luật này. 2. Bố trí người làm kế toán trưởng hoặc quyết định thuê dịch vụ làm kế toán trưởng theo quy định của Luật này; trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định khác thì thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành.	Điều 50. Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật của đơn vị kế toán “1. Tổ chức bộ máy kế toán, bố trí người làm kế toán hoặc quyết định thuê ~~doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán, hộ kinh doanh dịch vụ kế toán~~ cá nhân, tổ chức kinh doanh dịch vụ kế toán theo đúng quy định của Luật này và chịu trách nhiệm trước pháp luật về công tác kế toán của đơn vị mình kể cả trường hợp thuê dịch vụ kế toán. 2. Bố trí người làm kế toán trưởng hoặc quyết định thuê dịch vụ làm kế toán trưởng theo quy định của Luật này; trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định khác thì thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành.	Về thay thế cụm từ “doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán, hộ kinh doanh dịch vụ kế toán” thành “<i>cá nhân, tổ chức kinh doanh dịch vụ kế toán</i>”: Nội dung này chưa được quy định tại Nghị quyết số 66.18 nhưng đảm bảo sử dụng thống nhất thuật ngữ cho các cụm từ có nội dung tương tự tại các điều, khoản khác của Luật Kế toán như đã thuyết minh tại khoản 8 Điều 2 nêu trên. Đồng thời, tiếp thu ý kiến của UBTVQH, dự thảo Luật bổ sung thêm trách nhiệm của người đại diện pháp luật về công tác kế toán của đơn vị kể cả trường hợp thuê dịch vụ kế toán

LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Đã được hợp nhất bởi Luật số 56/2024/QH15, Luật số 97/2015/QH13)	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	THUYẾT MINH
3. Tổ chức và chỉ đạo thực hiện công tác kế toán trong đơn vị kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán và chịu trách nhiệm trực tiếp về hậu quả của những sai phạm do mình gây ra; chịu trách nhiệm liên đới đối với những sai phạm do người khác gây ra nhưng thuộc trách nhiệm quản lý của mình. 4. Tổ chức kiểm tra kế toán trong nội bộ đơn vị và thực hiện kiểm tra kế toán các đơn vị cấp dưới.	3. Tổ chức và chỉ đạo thực hiện công tác kế toán trong đơn vị kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán và chịu trách nhiệm trực tiếp về hậu quả của những sai phạm do mình gây ra; chịu trách nhiệm liên đới đối với những sai phạm do người khác gây ra nhưng thuộc trách nhiệm quản lý của mình. 4. Tổ chức kiểm tra kế toán trong nội bộ đơn vị và thực hiện kiểm tra kế toán các đơn vị cấp dưới.	
Điều 51. Tiêu chuẩn, quyền và trách nhiệm của người làm kế toán 1. Người làm kế toán phải có các tiêu chuẩn sau đây: a) Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành pháp luật; b) Có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán.		Nội dung Điều 51 giữ nguyên, không sửa đổi, bổ sung.

LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Đã được hợp nhất bởi Luật số 56/2024/QH15, Luật số 97/2015/QH13)	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	THUYẾT MINH
2.^[10] Người làm kế toán có quyền độc lập về chuyên môn, nghiệp vụ kế toán; bảo lưu ý kiến chuyên môn bằng văn bản khi có ý kiến khác với ý kiến của người ra quyết định; báo cáo bằng văn bản cho kế toán trưởng hoặc người đại diện theo pháp luật của đơn vị kế toán khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật về tài chính, kế toán trong đơn vị; trường hợp vẫn phải chấp hành quyết định thì báo cáo lên cấp trên trực tiếp của người đã ra quyết định hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền và không phải chịu trách nhiệm về hậu quả của việc thi hành quyết định đó. 3. Người làm kế toán có trách nhiệm tuân thủ các quy định của pháp luật về kế toán, thực hiện các công việc được phân công và chịu trách nhiệm về chuyên môn, nghiệp vụ của mình. Khi thay đổi người làm kế toán, người làm kế toán cũ có trách nhiệm bàn giao công việc kế toán và tài liệu kế toán cho người làm kế toán mới. Người làm kế toán cũ phải chịu trách nhiệm về công việc kế toán trong thời gian mình làm kế toán.		
Điều 52. Những người không được làm kế toán 1. Người chưa thành niên; người bị Tòa án tuyên bố hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự; người đang phải chấp hành biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc.	Điều 52. Những người không được làm kế toán 1. Người chưa thành niên; người bị Tòa án tuyên bố hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự; người đang phải chấp hành biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc.	

LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Đã được hợp nhất bởi Luật số 56/2024/QH15, Luật số 97/2015/QH13)	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	THUYẾT MINH
2. Người đang bị cấm hành nghề kế toán theo bản án hoặc quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật; người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; người đang phải chấp hành hình phạt tù hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, tội phạm về chức vụ liên quan đến tài chính, kế toán mà chưa được xóa án tích. 3. Cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, anh, chị, em ruột của người đại diện theo pháp luật, của người đứng đầu, của giám đốc, tổng giám đốc và của cấp phó của người đứng đầu, phó giám đốc, phó tổng giám đốc phụ trách công tác tài chính - kế toán, kế toán trưởng trong cùng một đơn vị kế toán, trừ doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn do một cá nhân làm chủ sở hữu và các trường hợp khác do Chính phủ quy định. 4. Người đang là người quản lý, điều hành, thủ kho, thủ quỹ, người mua, bán tài sản trong cùng một đơn vị kế toán, trừ trong doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn do một cá nhân làm chủ sở hữu và các trường hợp khác do Chính phủ quy định.	2. Người đang bị cấm ~~hành nghề~~ làm kế toán theo bản án hoặc quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật; người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; người đang phải chấp hành hình phạt tù hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, tội phạm về chức vụ liên quan đến tài chính, kế toán mà chưa được xóa án tích. 3. Cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, anh, chị, em ruột của người đại diện theo pháp luật, của người đứng đầu, của giám đốc, tổng giám đốc và của cấp phó của người đứng đầu, phó giám đốc, phó tổng giám đốc phụ trách công tác tài chính - kế toán, kế toán trưởng trong cùng một đơn vị kế toán, trừ doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn do một cá nhân làm chủ sở hữu và các trường hợp khác do Chính phủ quy định. 4. Người đang là người quản lý, điều hành, thủ kho, thủ quỹ, người mua, bán tài sản trong cùng một đơn vị kế toán, trừ trong doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn do một cá nhân làm chủ sở hữu và các trường hợp khác do Chính phủ quy định.	Về thay thế cụm từ “<i>hành nghề kế toán</i>” thành “<i>làm kế toán</i>”: Nội dung sửa đổi này chưa quy định tại Nghị quyết số 66.18. Tuy nhiên, để thống nhất với tên Điều 52 là những người không được làm kế toán đồng thời phù hợp với quy định tại Nghị quyết số 66.17 là dịch vụ kế toán không còn là ngành nghề kinh doanh có điều kiện nên việc sử dụng cụm từ “<i>hành nghề kế toán</i>” sẽ không phù hợp.

LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Đã được hợp nhất bởi Luật số 56/2024/QH15, Luật số 97/2015/QH13)	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	THUYẾT MINH
Điều 53. Kế toán trưởng 1. Kế toán trưởng là người đứng đầu bộ máy kế toán của đơn vị có nhiệm vụ tổ chức thực hiện công tác kế toán trong đơn vị kế toán. 2. Kế toán trưởng của cơ quan nhà nước, tổ chức, đơn vị sự nghiệp sử dụng ngân sách nhà nước và doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ ngoài nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều này còn có nhiệm vụ giúp người đại diện theo pháp luật của đơn vị kế toán giám sát tài chính tại đơn vị kế toán. 3. Kế toán trưởng chịu sự lãnh đạo của người đại diện theo pháp luật của đơn vị kế toán; trường hợp có đơn vị kế toán cấp trên thì đồng thời chịu sự chỉ đạo và kiểm tra của kế toán trưởng của đơn vị kế toán cấp trên về chuyên môn, nghiệp vụ. 4. Trường hợp đơn vị kế toán cử người phụ trách kế toán thay kế toán trưởng thì người phụ trách kế toán phải có các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 54 của Luật này và phải thực hiện trách nhiệm và quyền quy định cho kế toán trưởng quy định tại Điều 55 của Luật này.		Nội dung Điều 53 giữ nguyên, không sửa đổi, bổ sung.

LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Đã được hợp nhất bởi Luật số 56/2024/QH15, Luật số 97/2015/QH13)	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	THUYẾT MINH
Điều 54. Tiêu chuẩn và điều kiện của kế toán trưởng 1. Kế toán trưởng phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây: a) Các tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều 51 của Luật này; b) Có chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán từ trình độ trung cấp trở lên; c) Có chứng chỉ bồi dưỡng kế toán trưởng; d) Có thời gian công tác thực tế về kế toán ít nhất là 02 năm đối với người có chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán từ trình độ đại học trở lên và thời gian công tác thực tế về kế toán ít nhất là 03 năm đối với người có chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán trình độ trung cấp, cao đẳng. 2. Chính phủ quy định cụ thể tiêu chuẩn và điều kiện của kế toán trưởng phù hợp với từng loại đơn vị kế toán.		Nội dung Điều 54 giữ nguyên, không sửa đổi, bổ sung.
Điều 55. Trách nhiệm và quyền của kế toán trưởng 1. Kế toán trưởng có trách nhiệm sau đây: a) Thực hiện các quy định của pháp luật về kế toán, tài chính trong đơn vị kế toán; b) Tổ chức điều hành bộ máy kế toán theo quy định của Luật này; c) Lập báo cáo tài chính tuân thủ chế độ kế toán và chuẩn mực kế toán.		Nội dung Điều 55 giữ nguyên, không sửa đổi, bổ sung.

LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Đã được hợp nhất bởi Luật số 56/2024/QH15, Luật số 97/2015/QH13)	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	THUYẾT MINH
2. Kế toán trưởng có quyền độc lập về chuyên môn, nghiệp vụ kế toán. 3. Kế toán trưởng của cơ quan nhà nước, tổ chức, đơn vị sự nghiệp sử dụng ngân sách nhà nước và doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ, ngoài các quyền quy định tại khoản 2 Điều này còn có các quyền sau đây: a) Có ý kiến bằng văn bản với người đại diện theo pháp luật của đơn vị kế toán về việc tuyển dụng, chuyển chuyển, tăng lương, khen thưởng, kỷ luật người làm kế toán, thủ kho, thủ quỹ; b) Yêu cầu các bộ phận liên quan trong đơn vị kế toán cung cấp đầy đủ, kịp thời tài liệu liên quan đến công việc kế toán và giám sát tài chính của kế toán trưởng; c) Bảo lưu ý kiến chuyên môn bằng văn bản khi có ý kiến khác với ý kiến của người ra quyết định; d) Báo cáo bằng văn bản cho người đại diện theo pháp luật của đơn vị kế toán khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật về tài chính, kế toán trong đơn vị; trường hợp vẫn phải chấp hành quyết định thì báo cáo lên cấp trên trực tiếp của người đã ra quyết định hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền và không phải chịu trách nhiệm về hậu quả của việc thi hành quyết định đó.		

LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Đã được hợp nhất bởi Luật số 56/2024/QH15, Luật số 97/2015/QH13)	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	THUYẾT MINH
Điều 56. Thuê dịch vụ làm kế toán, dịch vụ làm kế toán trưởng 1. Đơn vị kế toán được ký hợp đồng với doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán hoặc hộ kinh doanh dịch vụ kế toán để thuê dịch vụ làm kế toán hoặc dịch vụ làm kế toán trưởng theo quy định của pháp luật. 2. Việc thuê dịch vụ làm kế toán, dịch vụ làm kế toán trưởng phải được lập thành hợp đồng bằng văn bản theo quy định của pháp luật. 3. Đơn vị kế toán thuê dịch vụ làm kế toán, dịch vụ làm kế toán trưởng có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, kịp thời, trung thực mọi thông tin, tài liệu liên quan đến công việc thuê làm kế toán, thuê làm kế toán trưởng và thanh toán đầy đủ, kịp thời phí dịch vụ kế toán theo thỏa thuận trong hợp đồng. 4. Người được thuê làm kế toán trưởng phải có đủ tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều 54 của Luật này. 5. Doanh nghiệp, hộ kinh doanh dịch vụ kế toán và người được thuê làm kế toán, làm kế toán trưởng phải chịu trách nhiệm về thông tin, số liệu kế toán theo thỏa thuận trong hợp đồng.	Điều 56. Thuê dịch vụ làm kế toán, dịch vụ làm kế toán trưởng 1. Đơn vị kế toán, <i>hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh</i> được ký hợp đồng với ~~doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán hoặc hộ kinh doanh dịch vụ kế toán~~ <i>cá nhân, tổ chức kinh doanh dịch vụ kế toán</i> để thuê dịch vụ làm kế toán hoặc dịch vụ làm kế toán trưởng theo quy định của pháp luật.” 2. Việc thuê dịch vụ làm kế toán, dịch vụ làm kế toán trưởng phải được lập thành hợp đồng bằng văn bản theo quy định của pháp luật. 3. Đơn vị kế toán thuê dịch vụ làm kế toán, dịch vụ làm kế toán trưởng có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, kịp thời, trung thực mọi thông tin, tài liệu liên quan đến công việc thuê làm kế toán, thuê làm kế toán trưởng và thanh toán đầy đủ, kịp thời phí dịch vụ kế toán theo thỏa thuận trong hợp đồng. 4. Người được thuê làm kế toán trưởng phải có đủ tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều 54 của Luật này. 5. ~~Doanh nghiệp, hộ kinh doanh kinh doanh dịch vụ kế toán và người được thuê làm kế toán, làm kế toán trưởng~~ <i>Cá nhân, tổ chức kinh doanh dịch vụ kế toán</i> phải chịu trách nhiệm về thông tin, số liệu kế toán theo thỏa thuận trong hợp đồng <i>dịch vụ kế toán và quy định của pháp luật.</i>	- Việc sử dụng cụm từ “<i>cá nhân, tổ chức kinh doanh dịch vụ kế toán</i>” tại khoản 1 và khoản 5 Điều 56 chưa được quy định tại Nghị quyết số 66.18. Tuy nhiên, để đảm bảo thống nhất sử dụng thuật ngữ đã thuyết minh tại khoản 8 Điều 2 nêu trên. - Bổ sung thêm “hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh” ở đầu khoản 1 để làm rõ thêm ngoài đơn vị kế toán thì hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh cũng được thuê dịch vụ kế toán. - Việc bổ sung cụm từ “<i>và quy định của pháp luật</i>” chưa được quy định tại Nghị quyết số 66.18. Tuy nhiên, tiếp thu ý kiến tham gia của một số đơn vị về việc trách nhiệm của cá nhân, tổ chức kinh doanh dịch vụ kế toán với khách hàng ngoài theo thỏa thuận với khách hàng trong hợp đồng dịch vụ kế toán và theo quy định của pháp luật.

LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Đã được hợp nhất bởi Luật số 56/2024/QH15, Luật số 97/2015/QH13)	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	THUYẾT MINH
Chương IV HOẠT ĐỘNG KINH DOANH DỊCH VỤ KẾ TOÁN Điều 57. Chứng chỉ kế toán viên 1. Người được cấp chứng chỉ kế toán viên phải có các tiêu chuẩn sau đây: a) Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành pháp luật; b) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc chuyên ngành tài chính, kế toán, kiểm toán hoặc chuyên ngành khác theo quy định của Bộ Tài chính; c) Đạt kết quả kỳ thi lấy chứng chỉ kế toán viên. 2. Người có chứng chỉ chuyên gia kế toán hoặc chứng chỉ kế toán do tổ chức nước ngoài hoặc tổ chức quốc tế về kế toán cấp được Bộ Tài chính Việt Nam công nhận, đạt kỳ thi sát hạch về pháp luật kinh tế, tài chính, kế toán Việt Nam và có tiêu chuẩn quy định tại điểm a khoản 1 Điều này thì được cấp chứng chỉ kế toán viên. 3. Bộ Tài chính quy định điều kiện thi lấy chứng chỉ kế toán viên, thủ tục cấp và thu hồi chứng chỉ kế toán viên.	Chương IV HOẠT ĐỘNG KINH DOANH DỊCH VỤ KẾ TOÁN Điều 57. Tiêu chuẩn đối với cá nhân kinh doanh dịch vụ kế toán 1. Cá nhân kinh doanh dịch vụ kế toán phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn của người làm kế toán theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật này. 2. Cá nhân kinh doanh dịch vụ kế toán ký tên trên báo cáo tài chính của khách hàng phải có đủ tiêu chuẩn của người làm kế toán quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật này và có tiêu chuẩn chuyên môn sau: a) Đạt yêu cầu năng lực chuyên môn cung cấp dịch vụ kế toán và được cấp chứng chỉ năng lực kinh doanh dịch vụ kế toán theo quy định của Bộ Tài chính. b) Cá nhân kinh doanh dịch vụ kế toán cung cấp dịch vụ làm kế toán trưởng phải đủ tiêu chuẩn quy định tại điểm a khoản này, có chứng chỉ bồi dưỡng kế toán trưởng và có thời gian công tác thực tế về kế toán ít nhất là 02 năm.	Nghị quyết số 66.18 đã bãi bỏ Điều 57 Luật Kế toán với mục đích là không quy định chứng chỉ kế toán viên là điều kiện để đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán. Tuy nhiên, tiếp thu ý kiến của UBTVQH, dự thảo Luật hoàn thiện Điều 57 theo hướng giữ lại chứng chỉ kế toán viên với tư cách là tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn cung cấp dịch vụ kế toán mà cá nhân kinh doanh dịch vụ kế toán ký tên trên BCTC của khách hàng phải có chứng chỉ năng lực kinh doanh dịch vụ kế toán theo quy định của Bộ Tài chính (do BCTC phản ánh tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của đơn vị, là tài liệu kế toán quan trọng để người sử dụng BCTC như nhà đầu tư, chủ sở hữu, ...ra các quyết định kinh tế). Theo đó, Điều 57 đã quy định tiêu chuẩn đối với cá nhân kinh doanh dịch vụ kế toán (cá nhân kinh doanh dịch vụ kế toán nói chung, cá nhân kinh doanh dịch vụ kế toán ký tên trên BCTC, cá nhân kinh doanh dịch vụ kế toán cung cấp dịch vụ kế toán trưởng) đảm bảo phân tầng năng lực theo loại hình có mức độ rủi ro, tránh đẩy rủi ro cho khách hàng

LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Đã được hợp nhất bởi Luật số 56/2024/QH15, Luật số 97/2015/QH13)	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	THUYẾT MINH
Điều 58. Đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán 1. Người có chứng chỉ kế toán viên hoặc chứng chỉ kiểm toán viên theo quy định của Luật kiểm toán độc lập được đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán qua doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán hoặc hộ kinh doanh dịch vụ kế toán khi có đủ các điều kiện sau đây: a) Có năng lực hành vi dân sự; b) Có thời gian công tác thực tế về tài chính, kế toán, kiểm toán từ 36 tháng trở lên kể từ thời điểm tốt nghiệp đại học; c) Tham gia đầy đủ chương trình cập nhật kiến thức theo quy định. 2. Người có đủ các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện đăng ký hành nghề và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán. Bộ Tài chính quy định thủ tục cấp và thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán. 3. Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán chỉ có giá trị khi người được cấp có hợp đồng lao động làm toàn bộ thời gian cho một doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán hoặc làm việc tại hộ kinh doanh dịch vụ kế toán.	~~Điều 58. Đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán~~ ~~1. Người có chứng chỉ kế toán viên hoặc chứng chỉ kiểm toán viên theo quy định của Luật kiểm toán độc lập được đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán qua doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán hoặc hộ kinh doanh dịch vụ kế toán khi có đủ các điều kiện sau đây:~~ ~~a) Có năng lực hành vi dân sự;~~ ~~b) Có thời gian công tác thực tế về tài chính, kế toán, kiểm toán từ 36 tháng trở lên kể từ thời điểm tốt nghiệp đại học;~~ ~~c) Tham gia đầy đủ chương trình cập nhật kiến thức theo quy định.~~ ~~2. Người có đủ các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện đăng ký hành nghề và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán. Bộ Tài chính quy định thủ tục cấp và thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán.~~ ~~3. Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán chỉ có giá trị khi người được cấp có hợp đồng lao động làm toàn bộ thời gian cho một doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán hoặc làm việc tại hộ kinh doanh dịch vụ kế toán.~~	Việc dự thảo Luật bãi bỏ Điều 58 căn cứ theo quy định tại mục I phần B phụ lục I.7 Nghị quyết số 66.18.

LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Đã được hợp nhất bởi Luật số 56/2024/QH15, Luật số 97/2015/QH13)	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	THUYẾT MINH
4. Những người không được đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán gồm: a) Cán bộ, công chức, viên chức; sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức quốc phòng, Công an nhân dân. b) Người đang bị cấm hành nghề kế toán theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật; người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; người đã bị kết án một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế liên quan đến tài chính, kế toán mà chưa được xóa án tích; người đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc; c) Người đã bị kết án về tội phạm nghiêm trọng xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích; d) Người bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi vi phạm pháp luật về tài chính, kế toán, kiểm toán mà chưa hết thời hạn 06 tháng, kể từ ngày chấp hành xong quyết định xử phạt trong trường hợp bị phạt cảnh cáo hoặc chưa hết thời hạn 01 năm, kể từ ngày chấp hành xong quyết định xử phạt hành chính khác; đ) Người bị đình chỉ hành nghề dịch vụ kế toán.	~~4. Những người không được đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán gồm:~~ ~~a) Cán bộ, công chức, viên chức; sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức quốc phòng, Công an nhân dân.~~ ~~b) Người đang bị cấm hành nghề kế toán theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật; người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; người đã bị kết án một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế liên quan đến tài chính, kế toán mà chưa được xóa án tích; người đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc;~~ ~~e) Người đã bị kết án về tội phạm nghiêm trọng xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích;~~ ~~d) Người bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi vi phạm pháp luật về tài chính, kế toán, kiểm toán mà chưa hết thời hạn 06 tháng, kể từ ngày chấp hành xong quyết định xử phạt trong trường hợp bị phạt cảnh cáo hoặc chưa hết thời hạn 01 năm, kể từ ngày chấp hành xong quyết định xử phạt hành chính khác;~~ ~~đ) Người bị đình chỉ hành nghề dịch vụ kế toán.~~	

LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Đã được hợp nhất bởi Luật số 56/2024/QH15, Luật số 97/2015/QH13)	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	THUYẾT MINH
Điều 59. Doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán 1. Doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán được thành lập theo các loại hình sau đây: a) Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên; b) Công ty hợp danh; c) Doanh nghiệp tư nhân. 2. Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh dịch vụ kế toán khi bảo đảm các điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật này và được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán. 3. Doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán không được góp vốn để thành lập doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán khác, trừ trường hợp góp vốn với doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán nước ngoài để thành lập doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán tại Việt Nam. 4. Doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán nước ngoài thực hiện kinh doanh dịch vụ kế toán tại Việt Nam dưới các hình thức sau đây: a) Góp vốn với doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán đã được thành lập và hoạt động tại Việt Nam để thành lập doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán; b) Thành lập chi nhánh doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán nước ngoài; c) Cung cấp dịch vụ qua biên giới theo quy định của Chính phủ.	~~“Điều 59. Doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán Doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán Kinh doanh dịch vụ kế toán qua biên giới vào Việt Nam~~ 1. Kinh doanh dịch vụ kế toán qua biên giới vào Việt Nam là việc cá nhân, tổ chức kinh doanh dịch vụ kế toán ở nước ngoài được cung cấp dịch vụ kế toán cho các đơn vị kế toán, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh tại Việt Nam khi không có sự hiện diện thương mại tại Việt Nam. 2. Chính phủ quy định chi tiết về: a) Đối tượng được kinh doanh dịch vụ kế toán qua biên giới vào Việt Nam; b) Phương thức kinh doanh dịch vụ kế toán qua biên giới vào Việt Nam; c) Trách nhiệm của cá nhân, tổ chức kinh doanh dịch vụ kế toán ở nước ngoài kinh doanh dịch vụ kế toán qua biên giới vào Việt Nam; d) Trách nhiệm của cá nhân, tổ chức kinh doanh dịch vụ kế toán tại Việt Nam có tham gia liên danh với cá nhân, tổ chức kinh doanh dịch vụ kế toán ở nước ngoài để kinh doanh dịch vụ kế toán qua biên giới vào Việt Nam. ~~1. Doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán được thành lập theo các loại hình sau đây:~~ ~~a) Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên;~~ ~~b) Công ty hợp danh;~~ ~~c) Doanh nghiệp tư nhân.~~ ~~2. Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh dịch vụ kế toán khi bảo đảm các điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật này và được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán.~~ ~~3. Doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán không được góp vốn để thành lập doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán khác, trừ trường hợp góp vốn~~	Nghị quyết số 66.18 đã bãi bỏ khoản 1, 2, 3 và điểm a, b khoản 4 Điều 59 Luật Kế toán với mục đích là không còn giới hạn về loại hình doanh nghiệp được kinh doanh dịch vụ kế toán (kể cả doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp nước ngoài), giúp mở rộng đối tượng được kinh doanh dịch vụ kế toán, đáp ứng nhu cầu của thị trường. Tuy nhiên, sau khi bãi bỏ các nội dung này tại Nghị quyết số 66.18 thì Điều 59 Luật Kế toán chưa có sự thống nhất giữa nội dung và tên Điều. Đồng thời, có thể dẫn đến hiểu nhầm là doanh nghiệp nước ngoài chỉ được kinh doanh dịch vụ kế toán tại Việt Nam dưới hình thức là kinh doanh dịch vụ qua biên giới mà không được thành lập doanh nghiệp hoặc chi nhánh tại Việt Nam, từ đó tạo ra sự phân biệt đối xử giữa doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp nước ngoài. Ngoài ra, theo thông lệ và cam kết quốc tế, việc cá nhân, tổ chức Việt Nam kinh doanh dịch vụ kế toán ra nước ngoài phải tuân thủ theo pháp luật của nước sở tại còn cá nhân, tổ chức nước ngoài kinh doanh dịch vụ kế toán qua biên giới vào Việt Nam sẽ phải tuân thủ pháp luật Việt Nam nên Điều 59 chỉ điều chỉnh cho trường hợp cá nhân, tổ chức nước ngoài kinh doanh dịch vụ kế toán qua biên giới vào Việt Nam. Vì vậy, để đảm bảo rõ ràng, tránh nhầm lẫn và thống nhất về thuật ngữ cũng như thống nhất giữa nội dung và tên Điều, dự thảo Luật đã sửa lại tên Điều 59 là “<i>Kinh doanh dịch vụ kế toán qua biên giới vào Việt Nam</i>” và theo hướng quy định rõ về khái niệm kinh doanh dịch vụ kế toán qua biên giới vào Việt Nam và các nội dung Chính phủ quy định chi tiết về kinh doanh dịch vụ kế toán qua biên giới vào Việt Nam.

LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Đã được hợp nhất bởi Luật số 56/2024/QH15, Luật số 97/2015/QH13)	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	THUYẾT MINH
Điều 60. Điều kiện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán 1. Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán khi có đủ các điều kiện sau đây: a) Có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc giấy tờ khác có giá trị tương đương theo quy định của pháp luật; b) Có ít nhất hai thành viên góp vốn là kế toán viên hành nghề; c) Người đại diện theo pháp luật, giám đốc hoặc tổng giám đốc của công ty trách nhiệm hữu hạn phải là kế toán viên hành nghề; d) Bảo đảm tỷ lệ vốn góp của kế toán viên hành nghề trong doanh nghiệp, tỷ lệ vốn góp của các thành viên là tổ chức theo quy định của Chính phủ. 2. Công ty hợp danh được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán khi có đủ các điều kiện sau đây: a) Có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc giấy tờ khác có giá trị tương đương theo quy định của pháp luật; b) Có ít nhất hai thành viên hợp danh là kế toán viên hành nghề; c) Người đại diện theo pháp luật, giám đốc hoặc tổng giám đốc của công ty hợp danh phải là kế toán viên hành nghề.	~~Điều 60. Điều kiện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán~~ ~~1. Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán khi có đủ các điều kiện sau đây:~~ ~~a) Có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc giấy tờ khác có giá trị tương đương theo quy định của pháp luật;~~ ~~b) Có ít nhất hai thành viên góp vốn là kế toán viên hành nghề;~~ ~~c) Người đại diện theo pháp luật, giám đốc hoặc tổng giám đốc của công ty trách nhiệm hữu hạn phải là kế toán viên hành nghề;~~ ~~d) Bảo đảm tỷ lệ vốn góp của kế toán viên hành nghề trong doanh nghiệp, tỷ lệ vốn góp của các thành viên là tổ chức theo quy định của Chính phủ.~~ ~~2. Công ty hợp danh được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán khi có đủ các điều kiện sau đây:~~ ~~a) Có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc giấy tờ khác có giá trị tương đương theo quy định của pháp luật;~~ ~~b) Có ít nhất hai thành viên hợp danh là kế toán viên hành nghề;~~ ~~c) Người đại diện theo pháp luật, giám đốc hoặc tổng giám đốc của công ty hợp danh phải là kế toán viên hành nghề.~~	Việc dự thảo Luật bãi bỏ Điều 60 căn cứ theo quy định tại mục III phần B phụ lục I.7 Nghị quyết số 66.18.

LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Đã được hợp nhất bởi Luật số 56/2024/QH15, Luật số 97/2015/QH13)	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	THUYẾT MINH
3. Doanh nghiệp tư nhân được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán khi có đủ các điều kiện sau đây: a) Có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc giấy tờ khác có giá trị tương đương theo quy định của pháp luật; b) Có ít nhất hai kế toán viên hành nghề; c) Chủ doanh nghiệp tư nhân là kế toán viên hành nghề và đồng thời là giám đốc. 4. Chi nhánh doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán nước ngoài tại Việt Nam được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán khi có đủ các điều kiện sau đây: a) Doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán nước ngoài được phép cung cấp dịch vụ kế toán theo quy định của pháp luật của nước nơi doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán nước ngoài đặt trụ sở chính; b) Có ít nhất hai kế toán viên hành nghề, trong đó có giám đốc hoặc tổng giám đốc chi nhánh;	~~3. Doanh nghiệp tư nhân được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán khi có đủ các điều kiện sau đây:~~ ~~a) Có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc giấy tờ khác có giá trị tương đương theo quy định của pháp luật;~~ ~~b) Có ít nhất hai kế toán viên hành nghề;~~ ~~c) Chủ doanh nghiệp tư nhân là kế toán viên hành nghề và đồng thời là giám đốc.~~ ~~4. Chi nhánh doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán nước ngoài tại Việt Nam được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán khi có đủ các điều kiện sau đây:~~ ~~a) Doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán nước ngoài được phép cung cấp dịch vụ kế toán theo quy định của pháp luật của nước nơi doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán nước ngoài đặt trụ sở chính;~~ ~~b) Có ít nhất hai kế toán viên hành nghề, trong đó có giám đốc hoặc tổng giám đốc chi nhánh;~~	

LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Đã được hợp nhất bởi Luật số 56/2024/QH15, Luật số 97/2015/QH13)	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	THUYẾT MINH
c) Giám đốc hoặc tổng giám đốc chi nhánh doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán nước ngoài không được đồng thời giữ chức vụ quản lý, điều hành doanh nghiệp khác tại Việt Nam; d) Doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán nước ngoài phải có văn bản gửi Bộ Tài chính bảo đảm chịu trách nhiệm về mọi nghĩa vụ và cam kết của chi nhánh tại Việt Nam. 5. Trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày đăng ký kinh doanh dịch vụ kế toán mà doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán, chi nhánh doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán nước ngoài tại Việt Nam không được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán hoặc trong trường hợp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán đã bị thu hồi thì doanh nghiệp, chi nhánh doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán nước ngoài tại Việt Nam phải thông báo ngay cho cơ quan đăng ký kinh doanh để làm thủ tục xóa cụm từ “dịch vụ kế toán” trong tên gọi của doanh nghiệp, chi nhánh.	~~e) Giám đốc hoặc tổng giám đốc chi nhánh doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán nước ngoài không được đồng thời giữ chức vụ quản lý, điều hành doanh nghiệp khác tại Việt Nam;~~ ~~d) Doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán nước ngoài phải có văn bản gửi Bộ Tài chính bảo đảm chịu trách nhiệm về mọi nghĩa vụ và cam kết của chi nhánh tại Việt Nam.~~ ~~5. Trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày đăng ký kinh doanh dịch vụ kế toán mà doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán, chi nhánh doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán nước ngoài tại Việt Nam không được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán hoặc trong trường hợp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán đã bị thu hồi thì doanh nghiệp, chi nhánh doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán nước ngoài tại Việt Nam phải thông báo ngay cho cơ quan đăng ký kinh doanh để làm thủ tục xóa cụm từ “dịch vụ kế toán” trong tên gọi của doanh nghiệp, chi nhánh.~~	

LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Đã được hợp nhất bởi Luật số 56/2024/QH15, Luật số 97/2015/QH13)	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	THUYẾT MINH
Điều 61. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán - Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán. - Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc giấy tờ khác có giá trị tương đương. - Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán của các kế toán viên hành nghề. - Hợp đồng lao động với doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán của các kế toán viên hành nghề. - Tài liệu chứng minh về vốn góp đối với công ty trách nhiệm hữu hạn. - Điều lệ công ty đối với công ty hợp danh, công ty trách nhiệm hữu hạn. - Văn bản cam kết chịu trách nhiệm của doanh nghiệp nước ngoài, giấy tờ chứng nhận được phép kinh doanh dịch vụ kế toán của doanh nghiệp nước ngoài đối với chi nhánh doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán nước ngoài tại Việt Nam.	~~Điều 61. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán~~ ~~Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán.~~ ~~Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc giấy tờ khác có giá trị tương đương.~~ ~~Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán của các kế toán viên hành nghề.~~ ~~Hợp đồng lao động với doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán của các kế toán viên hành nghề.~~ ~~Tài liệu chứng minh về vốn góp đối với công ty trách nhiệm hữu hạn.~~ ~~Điều lệ công ty đối với công ty hợp danh, công ty trách nhiệm hữu hạn.~~ ~~Văn bản cam kết chịu trách nhiệm của doanh nghiệp nước ngoài, giấy tờ chứng nhận được phép kinh doanh dịch vụ kế toán của doanh nghiệp nước ngoài đối với chi nhánh doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán nước ngoài tại Việt Nam.~~	Việc dự thảo Luật bãi bỏ Điều 61 căn cứ theo quy định tại mục III phần B phụ lục I.7 Nghị quyết số 66.18.

LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Đã được hợp nhất bởi Luật số 56/2024/QH15, Luật số 97/2015/QH13)	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	THUYẾT MINH
Điều 62. Thời hạn cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán 1. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Tài chính cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán cho doanh nghiệp; trường hợp từ chối cấp thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. 2. Trường hợp cần làm rõ vấn đề liên quan đến hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán, Bộ Tài chính yêu cầu doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán giải trình. Thời hạn cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán tính từ ngày nhận tài liệu giải trình bổ sung.	~~Điều 62. Thời hạn cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán~~ ~~1. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Tài chính cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán cho doanh nghiệp; trường hợp từ chối cấp thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.~~ ~~2. Trường hợp cần làm rõ vấn đề liên quan đến hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán, Bộ Tài chính yêu cầu doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán giải trình. Thời hạn cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán tính từ ngày nhận tài liệu giải trình bổ sung.~~	Việc dự thảo Luật bãi bỏ Điều 62 căn cứ theo quy định tại mục IV phần B phụ lục I.7 Nghị quyết số 66.18.
Điều 63. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán 1. Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán được cấp lại trong các trường hợp sau đây: a) Có sự thay đổi về tên, người đại diện theo pháp luật, giám đốc, tổng giám đốc và địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, chi nhánh doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán nước ngoài tại Việt Nam;	~~Điều 63. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán~~ ~~1. Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán được cấp lại trong các trường hợp sau đây:~~ ~~a) Có sự thay đổi về tên, người đại diện theo pháp luật, giám đốc, tổng giám đốc và địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, chi nhánh doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán nước ngoài tại Việt Nam;~~	Việc dự thảo Luật bãi bỏ Điều 63 căn cứ theo quy định tại mục V phần B phụ lục I.7 Nghị quyết số 66.18.

LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Đã được hợp nhất bởi Luật số 56/2024/QH15, Luật số 97/2015/QH13)	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	THUYẾT MINH
b) Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán bị mất hoặc bị hư hỏng. 2. Hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán gồm: a) Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán; b) Bản gốc Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán đã được cấp, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều này; c) Các tài liệu khác liên quan đến việc đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán (nếu có). 3. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Tài chính cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán cho doanh nghiệp; trường hợp từ chối cấp thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.	~~b) Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán bị mất hoặc bị hư hỏng.~~ ~~2. Hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán gồm:~~ ~~a) Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán;~~ ~~b) Bản gốc Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán đã được cấp, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều này;~~ ~~c) Các tài liệu khác liên quan đến việc đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán (nếu có).~~ ~~3. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Tài chính cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán cho doanh nghiệp; trường hợp từ chối cấp thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.~~	
Điều 64. Phí cấp, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán Doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán được cấp, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán phải nộp phí theo quy định của pháp luật.	~~Điều 64. Phí cấp, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán~~ ~~Doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán được cấp, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán phải nộp phí theo quy định của pháp luật.~~	Việc dự thảo Luật bãi bỏ Điều 64 căn cứ theo quy định tại mục VI phần B phụ lục I.7 Nghị quyết số 66.18.

LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Đã được hợp nhất bởi Luật số 56/2024/QH15, Luật số 97/2015/QH13)	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	THUYẾT MINH
Điều 65. Hộ kinh doanh dịch vụ kế toán 1. Hộ kinh doanh được phép kinh doanh dịch vụ kế toán khi đáp ứng các điều kiện sau đây: a) Có Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; b) Cá nhân, đại diện nhóm cá nhân thành lập hộ kinh doanh phải là kế toán viên hành nghề. 2. Hộ kinh doanh dịch vụ kế toán không cần có Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán.	~~Điều 65. Hộ kinh doanh dịch vụ kế toán~~ ~~1. Hộ kinh doanh được phép kinh doanh dịch vụ kế toán khi đáp ứng các điều kiện sau đây:~~ ~~a) Có Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh;~~ ~~b) Cá nhân, đại diện nhóm cá nhân thành lập hộ kinh doanh phải là kế toán viên hành nghề.~~ ~~2. Hộ kinh doanh dịch vụ kế toán không cần có Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán.~~	Việc dự thảo Luật bãi bỏ Điều 65 căn cứ theo quy định tại mục VII phần B phụ lục I.7 Nghị quyết số 66.18.
Điều 66. Những thay đổi phải thông báo cho Bộ Tài chính 1. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày có thay đổi về một trong các nội dung sau đây, doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán phải thông báo bằng văn bản cho Bộ Tài chính: a) Danh sách kế toán viên hành nghề tại doanh nghiệp; b) Không bảo đảm một, một số hoặc toàn bộ các điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán quy định tại Điều 60 của Luật này; c) Tên, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp;	~~Điều 66. Những thay đổi phải thông báo cho Bộ Tài chính~~ ~~1. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày có thay đổi về một trong các nội dung sau đây, doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán phải thông báo bằng văn bản cho Bộ Tài chính:~~ ~~a) Danh sách kế toán viên hành nghề tại doanh nghiệp;~~ ~~b) Không bảo đảm một, một số hoặc toàn bộ các điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán quy định tại Điều 60 của Luật này;~~ ~~c) Tên, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp;~~	Việc dự thảo Luật bãi bỏ Điều 66 căn cứ theo quy định tại mục VIII phần B phụ lục I.7 Nghị quyết số 66.18.

LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Đã được hợp nhất bởi Luật số 56/2024/QH15, Luật số 97/2015/QH13)	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	THUYẾT MINH
d) Giám đốc hoặc tổng giám đốc, người đại diện theo pháp luật, tỷ lệ vốn góp của các thành viên; đ) Tạm ngừng kinh doanh dịch vụ kế toán; e) Thành lập, chấm dứt hoạt động hoặc thay đổi tên, địa chỉ trụ sở chi nhánh kinh doanh dịch vụ kế toán; g) Thực hiện việc chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, chuyển đổi, giải thể. 2. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày có thay đổi về một trong các nội dung sau đây, hộ kinh doanh dịch vụ kế toán phải thông báo bằng văn bản cho Bộ Tài chính: a) Danh sách kế toán viên hành nghề; b) Tên, địa chỉ của hộ kinh doanh; c) Tạm ngừng hoặc chấm dứt kinh doanh dịch vụ kế toán.	~~d) Giám đốc hoặc tổng giám đốc, người đại diện theo pháp luật, tỷ lệ vốn góp của các thành viên;~~ ~~đ) Tạm ngừng kinh doanh dịch vụ kế toán;~~ ~~e) Thành lập, chấm dứt hoạt động hoặc thay đổi tên, địa chỉ trụ sở chi nhánh kinh doanh dịch vụ kế toán;~~ ~~g) Thực hiện việc chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, chuyển đổi, giải thể.~~ ~~2. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày có thay đổi về một trong các nội dung sau đây, hộ kinh doanh dịch vụ kế toán phải thông báo bằng văn bản cho Bộ Tài chính:~~ ~~a) Danh sách kế toán viên hành nghề;~~ ~~b) Tên, địa chỉ của hộ kinh doanh;~~ ~~e) Tạm ngừng hoặc chấm dứt kinh doanh dịch vụ kế toán.~~	
Điều 67. Trách nhiệm của kế toán viên hành nghề, doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán, hộ kinh doanh dịch vụ kế toán 1. Thực hiện công việc kế toán liên quan đến nội dung dịch vụ kế toán thỏa thuận trong hợp đồng. 2. Tuân thủ pháp luật về kế toán và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán.	Điều 67. Trách nhiệm của cá nhân, tổ chức kinh doanh dịch vụ kế toán ~~kế toán viên hành nghề, doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán, hộ kinh doanh dịch vụ kế toán~~ 1. Thực hiện công việc kế toán liên quan đến nội dung dịch vụ kế toán thỏa thuận trong hợp đồng. 2. Tuân thủ pháp luật về kế toán và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán.	

LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Đã được hợp nhất bởi Luật số 56/2024/QH15, Luật số 97/2015/QH13)	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	THUYẾT MINH
3. Chịu trách nhiệm trước khách hàng và trước pháp luật về nội dung dịch vụ kế toán đã cung cấp và phải bồi thường thiệt hại do mình gây ra. 4. Thường xuyên trau dồi kiến thức chuyên môn và kinh nghiệm, thực hiện chương trình cập nhật kiến thức hàng năm theo quy định của Bộ Tài chính. 5. Tuân thủ sự quản lý nghề nghiệp và kiểm soát chất lượng dịch vụ kế toán của Bộ Tài chính hoặc của tổ chức nghề nghiệp về kế toán được Bộ Tài chính ủy quyền. 6. Mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp theo quy định của Chính phủ.	3. Chịu trách nhiệm trước khách hàng và trước pháp luật về nội dung dịch vụ kế toán đã cung cấp và phải bồi thường thiệt hại do mình gây ra <i>theo thỏa thuận trong hợp đồng dịch vụ kế toán và theo quy định của pháp luật:</i> <i>a) Cá nhân hoặc hộ kinh doanh trực tiếp ký hợp đồng dịch vụ kế toán với khách hàng phải chịu toàn bộ trách nhiệm trước khách hàng về chất lượng dịch vụ kế toán mà mình cung cấp theo phạm vi hợp đồng đã ký kết. Trường hợp nếu phát sinh nghĩa vụ bồi thường thì thực hiện theo thỏa thuận trong hợp đồng dịch vụ kế toán và theo quy định của pháp luật dân sự.</i> <i>b) Tổ chức kinh doanh dịch vụ kế toán ký hợp đồng dịch vụ kế toán với khách hàng phải chịu toàn bộ trách nhiệm trước khách hàng về tiêu chuẩn cá nhân kinh doanh dịch vụ kế toán cũng như chất lượng dịch vụ kế toán mà mình cung cấp theo phạm vi hợp đồng đã ký kết. Trường hợp nếu phát sinh nghĩa vụ bồi thường thì thực hiện theo thỏa thuận trong hợp đồng dịch vụ kế toán và theo quy định của pháp luật dân sự.</i> <i>Cá nhân kinh doanh dịch vụ kế toán thông qua tổ chức kinh doanh dịch vụ kế toán phải chịu trách nhiệm trước tổ chức kinh doanh dịch vụ kế toán và thực hiện bồi thường (nếu có) theo hợp đồng lao động đã ký kết với tổ chức kinh doanh dịch vụ kế toán.</i>	- Về dự thảo Luật bãi bỏ khoản 4, 5, 6 Điều 67 căn cứ theo quy định tại mục IX phần B phụ lục I.7 Nghị quyết số 66.18. - Về sửa đổi khoản 3 Điều 67: Nội dung sửa đổi này chưa quy định tại Nghị quyết số 66.18, tuy nhiên tiếp thu ý kiến của UBTVQH để làm rõ trách nhiệm pháp lý của các chủ thể trong kinh doanh dịch vụ kế toán như trách nhiệm các cá nhân, tổ chức kinh doanh dịch vụ kế toán với khách hàng, người trực tiếp thực hiện dịch vụ, người ký hợp đồng và đơn vị kế toán (khách hàng); phân biệt trách nhiệm của cá nhân cung cấp dịch vụ độc lập với cá nhân cung cấp dịch vụ trong tổ chức, dự thảo Luật đã sửa đổi, hoàn thiện nội dung tại khoản 3 Điều 67 Luật Kế toán về trách nhiệm của cá nhân, tổ chức kinh doanh dịch vụ kế toán. - Về sửa đổi, bổ sung khoản 4, 5 Điều 67: Tiếp thu ý kiến của UBTVQH, để đảm bảo chất lượng dịch vụ kế toán, tránh đầy rủi ro cho khách hàng, dự thảo Luật đã giữ lại quy định cá nhân tổ chức kinh doanh dịch vụ kế toán có trách nhiệm thực hiện cập nhật kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp và giữ lại quy định kiểm tra hoạt động kinh doanh dịch vụ kế toán. Về sửa đổi khoản 6 Điều 67 “Mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp theo quy định của Chính phủ” bằng quy định “Khai báo, cập nhật thông tin về kinh doanh dịch vụ kế toán để xây dựng cơ sở dữ liệu về cá nhân, tổ chức kinh doanh dịch vụ kế toán, công khai thông tin cho các đơn vị có nhu cầu thuê dịch vụ kế toán lựa chọn theo quy định của Bộ Tài chính”:

LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Đã được hợp nhất bởi Luật số 56/2024/QH15, Luật số 97/2015/QH13)	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	THUYẾT MINH
	4. Cập nhật kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp theo quy định của Bộ Tài chính. 5. Tuân thủ sự quản lý nghề nghiệp và kiểm tra hoạt động kinh doanh dịch vụ kế toán của Bộ Tài chính. 6. Khai báo, cập nhật thông tin về kinh doanh dịch vụ kế toán để xây dựng cơ sở dữ liệu về cá nhân, tổ chức kinh doanh dịch vụ kế toán theo quy định của Bộ Tài chính.”.	Tiếp thu ý kiến của UBTVQH, cá nhân, tổ chức kinh doanh dịch vụ kế toán sẽ không phải đăng ký với Bộ Tài chính để kinh doanh dịch vụ kế toán tuy nhiên để có cơ sở dữ liệu cho các đơn vị có nhu cầu thuê dịch vụ kế toán lựa chọn thì cá nhân, tổ chức kinh doanh dịch vụ kế toán có trách nhiệm khai báo, cập nhật thông tin để xây dựng cơ sở dữ liệu về cá nhân, tổ chức kinh doanh dịch vụ kế toán theo quy định của Bộ Tài chính. Cơ sở dữ liệu về cá nhân, tổ chức kinh doanh dịch vụ kế toán định kỳ được đăng tải công khai để hỗ trợ và cung cấp thông tin cho các đơn vị có nhu cầu thuê dịch vụ kế toán lựa chọn. Đối với quy định bắt buộc mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp: Chính phủ đề xuất bỏ quy định bắt buộc mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp vì Luật Kế toán năm 2015 đã có quy định này nhưng thực tiễn cho thấy quy định này không khả thi do kinh doanh dịch vụ kế toán không phải dịch vụ bảo đảm nên các cá nhân, tổ chức kinh doanh dịch vụ kế toán trong thực tế rất khó mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp. Thay vào đó, dự án Luật bổ sung các quy định cá nhân kinh doanh dịch vụ kế toán ký tên trên Báo cáo tài chính của khách hàng thì phải đảm bảo tiêu chuẩn có chứng chỉ năng lực kinh doanh dịch vụ kế toán, yêu cầu cập nhật kiến thức,... Đồng thời, nếu phát sinh nghĩa vụ bồi thường cho khách hàng thì phải thực hiện theo điều khoản của hợp đồng dịch vụ kế toán và pháp luật dân sự.

LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Đã được hợp nhất bởi Luật số 56/2024/QH15, Luật số 97/2015/QH13)	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	THUYẾT MINH
Điều 68. Trường hợp không được cung cấp dịch vụ kế toán Doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán, hộ kinh doanh dịch vụ kế toán không được cung cấp dịch vụ kế toán cho đơn vị kế toán khác khi người có trách nhiệm quản lý, điều hành doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán, người đại diện hộ kinh doanh dịch vụ kế toán hoặc người trực tiếp thực hiện dịch vụ kế toán của doanh nghiệp, hộ kinh doanh dịch vụ kế toán thuộc các trường hợp sau đây: 1. Là cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, anh, chị, em ruột của người có trách nhiệm quản lý, điều hành, kế toán trưởng của đơn vị kế toán, trừ trường hợp đơn vị kế toán là doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn do một cá nhân làm chủ sở hữu và các trường hợp khác do Chính phủ quy định; 2. Có quan hệ kinh tế, tài chính với đơn vị kế toán đó; 3. Không đủ năng lực chuyên môn hoặc không đủ điều kiện để thực hiện dịch vụ kế toán; 4. Đang cung cấp dịch vụ làm kế toán trưởng cho khách hàng là tổ chức có quan hệ kinh tế, tài chính với đơn vị kế toán đó; 5. Đơn vị kế toán yêu cầu thực hiện những công việc không đúng với chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp hoặc không đúng với yêu cầu về chuyên môn, nghiệp vụ kế toán, tài chính; 6. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.	Điều 68. Trường hợp không được kinh doanh dịch vụ kế toán ~~1. Doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán, ... hoặc người trực tiếp thực hiện dịch vụ kế toán của doanh nghiệp, hộ kinh doanh dịch vụ kế toán~~ Cá nhân kinh doanh dịch vụ kế toán không được kinh doanh dịch vụ kế toán khi thuộc các trường hợp sau đây: a) Là cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, anh, chị, em ruột của người có trách nhiệm quản lý, điều hành, kế toán trưởng của khách hàng đơn vị kế toán, trừ trường hợp khách hàng đơn vị kế toán là doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn do một cá nhân làm chủ sở hữu và doanh nghiệp siêu nhỏ theo quy định của pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh; ~~các trường hợp khác do Chính phủ quy định;~~ ~~2. Có quan hệ kinh tế, tài chính với đơn vị kế toán đó.~~ ~~3b) Không đủ tiêu chuẩn điều kiện để thực hiện dịch vụ kế toán quy định tại Điều 57 Luật này.~~ ~~4. Đang cung cấp dịch vụ làm kế toán trưởng cho khách hàng là tổ chức có quan hệ kinh tế, tài chính với đơn vị kế toán đó.~~ 5 c). Đơn vị kế toán yêu cầu thực hiện những công việc không đúng với chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp hoặc không đúng với yêu cầu về chuyên môn, nghiệp vụ kế toán, tài chính. ~~6 4. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.~~ 2. Cá nhân kinh doanh dịch vụ kế toán không được ký báo cáo tài chính cho khách hàng khi thuộc các trường hợp tại điểm a, điểm c khoản 1 Điều này và các trường hợp sau đây: a) Không đủ tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 2 Điều 57 Luật này. b) Trong thời gian bị đình chỉ kinh doanh dịch vụ kế toán	Nội dung sửa đổi tại Điều 68 không quy định tại Nghị quyết số 66.18. Tuy nhiên, Đề phù hợp với quy định tại Điều 57, Điều 68 sửa đổi theo hướng chia thành hai nhóm đối tượng như sau: Khoản 1 Điều 68 quy định về các trường hợp cá nhân kinh doanh dịch vụ kế toán không được kinh doanh dịch vụ kế toán còn khoản 2 Điều 68 quy định về các trường hợp cá nhân kinh doanh dịch vụ kế toán không được ký báo cáo tài chính cho khách hàng. Đối với các trường hợp cá nhân kinh doanh dịch vụ kế toán không được kinh doanh dịch vụ kế toán: Đề phù hợp với quy định tại Điều 57 Luật này, tại khoản 11 Điều 1 dự thảo Luật đã sửa đổi, hoàn thiện khoản 3 Điều 68 Luật Kế toán như sau: “<i>Không đủ tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1 Điều 57 Luật này.</i>”. Bên cạnh đó, tiếp thu ý kiến của UBTVQH, dự án Luật sẽ bãi bỏ khoản 2, khoản 4 và khoản 6 Điều 68 Luật Kế toán vì các trường hợp cụ thể đã được hướng dẫn tại chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp do Bộ Tài chính ban hành. Riêng đối với cá nhân kinh doanh dịch vụ kế toán không được ký báo cáo tài chính cho khách hàng, tiếp thu ý kiến của Thường trực UBKTTC, ngoài các trường hợp đối với cá nhân kinh doanh dịch vụ kế toán không được kinh doanh dịch vụ kế toán thì cá nhân kinh doanh dịch vụ kế toán cũng không được ký báo cáo tài chính cho khách hàng khi không đủ tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 2 Điều 57 Luật này và trong thời gian bị đình chỉ kinh doanh dịch vụ kế toán.

LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Đã được hợp nhất bởi Luật số 56/2024/QH15, Luật số 97/2015/QH13)	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	THUYẾT MINH
Điều 69. Đình chỉ kinh doanh dịch vụ kế toán và thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán, Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán 1. Doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán bị đình chỉ kinh doanh dịch vụ kế toán khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: a) Không bảo đảm một, một số hoặc toàn bộ các điều kiện quy định tại Điều 60 của Luật này trong 03 tháng liên tục; b) Có sai phạm về chuyên môn hoặc vi phạm chuẩn mực kế toán, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán gây hậu quả nghiêm trọng hoặc có khả năng thực tế gây hậu quả nghiêm trọng. 2. Doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán bị thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: a) kê khai không đúng thực tế hoặc gian lận, giả mạo hồ sơ để đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán; b) Không kinh doanh dịch vụ kế toán trong 12 tháng liên tục; c) Không khắc phục được các sai phạm hoặc vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày bị đình chỉ; d) Bị giải thể, phá sản hoặc tự chấm dứt kinh doanh dịch vụ kế toán; đ) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc giấy tờ khác có giá trị tương đương;	Điều 69. Đình chỉ kinh doanh dịch vụ kế toán 1. Cá nhân, tổ chức kinh doanh dịch vụ kế toán bị đình chỉ kinh doanh dịch vụ kế toán có thời hạn khi: a) Có sai phạm về chuyên môn hoặc vi phạm chuẩn mực kế toán, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán gây hậu quả nghiêm trọng hoặc có khả năng thực tế gây hậu quả nghiêm trọng. b) Làm sai lệch hoặc thông đồng, móc nối để làm sai lệch tài liệu kế toán, báo cáo tài chính và cung cấp thông tin, số liệu báo cáo sai sự thật. c) Thuê, mượn, cho thuê, cho mượn các loại chứng chỉ năng lực chuyên môn cung cấp dịch vụ kế toán dưới mọi hình thức.” 2. Bộ Tài chính quy định chi tiết về thời hạn đình chỉ kinh doanh dịch vụ kế toán đối với cá nhân, tổ chức kinh doanh dịch vụ kế toán.	Việc dự thảo Luật bãi bỏ Điều 69 căn cứ theo quy định tại mục X phần B phụ lục I.7 Nghị quyết số 66.18. Theo đó, dự án Luật đã cắt giảm 100% điều kiện kinh doanh và thủ tục hành chính nên bỏ quy định liên quan đến thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán và Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán và đình chỉ kinh doanh dịch vụ kế toán. Tuy nhiên, tiếp thu ý kiến của UBTVQH, dự thảo Luật đã không bãi bỏ mà sửa lại Điều 69 Luật Kế toán về đình chỉ kinh doanh dịch vụ kế toán có thời hạn đối với cá nhân, tổ chức kinh doanh dịch vụ kế toán

LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Đã được hợp nhất bởi Luật số 56/2024/QH15, Luật số 97/2015/QH13)	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	THUYẾT MINH
e) Làm sai lệch hoặc thông đồng, móc nối để làm sai lệch tài liệu kế toán, báo cáo tài chính và cung cấp thông tin, số liệu báo cáo sai sự thật; g) Giả mạo, tẩy xóa, sửa chữa Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán. 3. Doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán bị thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán phải chấm dứt việc kinh doanh dịch vụ kế toán, kể từ ngày quyết định thu hồi có hiệu lực thi hành. 4. Hộ kinh doanh dịch vụ kế toán bị đình chỉ kinh doanh dịch vụ kế toán khi có sai phạm về chuyên môn hoặc vi phạm chuẩn mực kế toán, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán gây hậu quả nghiêm trọng hoặc có khả năng thực tế gây hậu quả nghiêm trọng. 5. Hộ kinh doanh dịch vụ kế toán phải chấm dứt việc kinh doanh dịch vụ kế toán khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: a) Không kinh doanh dịch vụ kế toán trong 12 tháng liên tục; b) Không khắc phục được các sai phạm hoặc vi phạm quy định tại khoản 4 Điều này trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày bị đình chỉ; c) Tự chấm dứt kinh doanh dịch vụ kế toán; d) Làm sai lệch hoặc thông đồng, móc nối để làm sai lệch tài liệu kế toán, báo cáo tài chính và cung cấp thông tin, số liệu báo cáo sai sự thật;		

LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Đã được hợp nhất bởi Luật số 56/2024/QH15, Luật số 97/2015/QH13)	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	THUYẾT MINH
đ) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; e) Tất cả kế toán viên hành nghề trong cùng hộ kinh doanh bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán. 6. Kế toán viên hành nghề bị đình chỉ hành nghề dịch vụ kế toán trong các trường hợp sau đây: a) Có sai phạm về chuyên môn hoặc vi phạm chuẩn mực kế toán, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán gây hậu quả nghiêm trọng hoặc có khả năng thực tế gây hậu quả nghiêm trọng; b) Không còn đủ điều kiện đăng ký hành nghề; c) Không chấp hành quy định của cơ quan có thẩm quyền về việc kiểm tra, thanh tra liên quan đến hoạt động hành nghề kế toán; d) Không thực hiện trách nhiệm quy định tại Điều 67 của Luật này. 7. Kế toán viên hành nghề bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán trong các trường hợp sau đây: a) Gian lận, giả mạo hồ sơ để đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán; b) Bị thu hồi chứng chỉ kế toán viên; c) Bị kết tội bằng bản án của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật.		

LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Đã được hợp nhất bởi Luật số 56/2024/QH15, Luật số 97/2015/QH13)	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	THUYẾT MINH
Điều 70. Tổ chức nghề nghiệp về kế toán 1. Tổ chức nghề nghiệp về kế toán được thành lập, hoạt động theo quy định của pháp luật về hội và có trách nhiệm tuân thủ các quy định của pháp luật về kế toán. 2. Tổ chức nghề nghiệp về kế toán được bồi dưỡng, cập nhật kiến thức cho người làm kế toán, kế toán viên hành nghề và thực hiện một số nhiệm vụ liên quan đến hoạt động kế toán do Chính phủ quy định.	Điều 70. Tổ chức nghề nghiệp về kế toán 1. Tổ chức nghề nghiệp về kế toán được thành lập, hoạt động theo quy định của pháp luật về hội và có trách nhiệm tuân thủ các quy định của pháp luật về kế toán. 2. Tổ chức nghề nghiệp về kế toán được bồi dưỡng, cập nhật kiến thức cho người làm kế toán, ~~kế toán viên hành nghề~~ <i>cá nhân kinh doanh dịch vụ kế toán</i> và thực hiện một số nhiệm vụ liên quan đến hoạt động kế toán do Chính phủ quy định.	- Việc bỏ cụm từ “<i>kế toán viên hành nghề</i>” tại dự thảo Luật căn cứ theo quy định tại khoản 1 mục XXVI phần B phụ lục I.7 Nghị quyết số 66.18. Tuy nhiên, cụm từ “<i>kế toán viên hành nghề</i>” cần thay bằng cụm từ “<i>cá nhân kinh doanh dịch vụ kế toán</i>” để không hạn chế đối tượng mà Tổ chức nghề nghiệp về kế toán được bồi dưỡng, cập nhật kiến thức là các cá nhân kinh doanh dịch vụ kế toán nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ kế toán cho các kế toán viên hành nghề.
Điều 70a. Cung cấp dịch vụ kế toán của tổ chức kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế Tổ chức kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế được cung cấp dịch vụ kế toán cho doanh nghiệp siêu nhỏ, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh khi có ít nhất một người có chứng chỉ kế toán viên.	~~Điều 70a. Cung cấp dịch vụ kế toán của tổ chức kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế~~ ~~Tổ chức kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế được cung cấp dịch vụ kế toán cho doanh nghiệp siêu nhỏ, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh khi có ít nhất một người có chứng chỉ kế toán viên.~~	Việc dự thảo Luật bỏ Điều 70a căn cứ theo quy định tại mục XI phần B phụ lục I.7 Nghị quyết số 66.18.

LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Đã được hợp nhất bởi Luật số 56/2024/QH15, Luật số 97/2015/QH13)	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	THUYẾT MINH
Chương V QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KẾ TOÁN Điều 71. Quản lý nhà nước về kế toán 1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về kế toán. 2. Bộ Tài chính chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về kế toán, có các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây: a) Xây dựng, trình Chính phủ quyết định chiến lược, chính sách phát triển kế toán; b)^[12] Xây dựng, trình Chính phủ ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền văn bản quy phạm pháp luật về kế toán, trừ quy định tại khoản 2a Điều này; c) Cấp, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán và Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán; đình chỉ hành nghề dịch vụ kế toán và đình chỉ kinh doanh dịch vụ kế toán. d) Quy định việc thi, cấp, thu hồi và quản lý chứng chỉ kế toán viên; đ) Kiểm tra kế toán; kiểm tra hoạt động dịch vụ kế toán; giám sát việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán; e) Quy định việc cập nhật kiến thức cho kế toán viên hành nghề;	Điều 71. Quản lý nhà nước về kế toán 1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về kế toán. 2. Bộ Tài chính chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về kế toán, có các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây: a) Xây dựng, trình Chính phủ quyết định chiến lược, chính sách phát triển kế toán; b)^[12] Xây dựng, trình Chính phủ ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền văn bản quy phạm pháp luật về kế toán, trừ quy định tại khoản 2a Điều này; ~~e) Cấp, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán và Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán; đình chỉ hành nghề dịch vụ kế toán và đình chỉ kinh doanh dịch vụ kế toán.~~ d) Quy định quản lý hoạt động kinh doanh dịch vụ kế toán bao gồm: việc thi, cấp, thu hồi và quản lý <i>chứng chỉ năng lực kinh doanh dịch vụ kế toán</i> ~~chứng chỉ kế toán viên; cập nhật kiến thức cho cá nhân kinh doanh dịch vụ kế toán; các nội dung trọng yếu của hợp đồng dịch vụ kế toán; quản lý, kiểm tra, giám sát, công khai hoạt động kinh doanh dịch vụ kế toán.~~ đ) Kiểm tra kế toán; ~~kiểm tra hoạt động dịch vụ kế toán;~~ giám sát việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán; ~~e) Quy định việc cập nhật kiến thức cho kế toán viên hành nghề;~~	Tại mục XI và khoản 6 mục XXVI phần B phụ lục I.7 Nghị quyết số 66.18 bỏ điểm c, d, e và cụm từ “<i>kiểm tra hoạt động dịch vụ kế toán</i>” tại điểm d khoản 2 Điều 71. Tuy nhiên tiếp thu ý kiến của UBTVQH giữ lại chứng chỉ kế toán viên như là tiêu chuẩn đánh giá năng lực chuyên môn, cập nhật kiến thức; các nội dung trọng yếu của hợp đồng dịch vụ kế toán và quản lý, kiểm tra, giám sát, công khai hoạt động kinh doanh dịch vụ kế toán nên dự thảo Luật đã hoàn thiện lại điểm d và đ của Điều 71.

LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Đã được hợp nhất bởi Luật số 56/2024/QH15, Luật số 97/2015/QH13)	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	THUYẾT MINH
g) Tổ chức và quản lý công tác nghiên cứu khoa học về kế toán và ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động kế toán; h) Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về kế toán; i) Hợp tác quốc tế về kế toán. 2a.^[13] Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chịu trách nhiệm ban hành chế độ kế toán hoặc văn bản quy phạm pháp luật về kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thuộc phạm vi quản lý, bảo đảm tuân thủ chuẩn mực kế toán. 3. Các bộ, cơ quan ngang bộ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Bộ Tài chính thực hiện quản lý nhà nước về kế toán trong ngành, lĩnh vực được phân công phụ trách. 4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm quản lý nhà nước về kế toán tại địa phương.	g) Tổ chức và quản lý công tác nghiên cứu khoa học về kế toán và ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động kế toán; h) Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về kế toán; i) Hợp tác quốc tế về kế toán. 2a.^[13] Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chịu trách nhiệm ban hành chế độ kế toán hoặc văn bản quy phạm pháp luật về kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thuộc phạm vi quản lý, bảo đảm tuân thủ chuẩn mực kế toán. 3. Các bộ, cơ quan ngang bộ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Bộ Tài chính thực hiện quản lý nhà nước về kế toán trong ngành, lĩnh vực được phân công phụ trách. 4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm quản lý nhà nước về kế toán tại địa phương.	
Chương VI ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH^[14] Điều 72. Hiệu lực thi hành 1. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2017. 2. Luật Kế toán số 03/2003/QH11 hết hiệu lực kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành.		

LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Đã được hợp nhất bởi Luật số 56/2024/QH15, Luật số 97/2015/QH13)	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	THUYẾT MINH
Điều 73. Điều khoản chuyển tiếp 1. Chính phủ chuẩn bị các điều kiện cần thiết để bắt đầu việc lập báo cáo tài chính nhà nước theo quy định tại Điều 30 của Luật này chậm nhất là 24 tháng, kể từ ngày Luật này có hiệu lực. 2. Trong thời hạn 24 tháng, kể từ ngày Luật này có hiệu lực, các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán thành lập trước ngày Luật này có hiệu lực phải bảo đảm các điều kiện theo quy định của Luật này để được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán; nếu không đủ điều kiện theo quy định của Luật này thì phải chấm dứt hoạt động kinh doanh dịch vụ kế toán. 3. Chứng chỉ hành nghề kế toán đã cấp cho công dân Việt Nam, người nước ngoài theo Luật Kế toán số 03/2003/QH11 có giá trị như chứng chỉ kế toán viên quy định tại Luật này.	Điều 73. Điều khoản chuyển tiếp 1. Chính phủ chuẩn bị các điều kiện cần thiết để bắt đầu việc lập báo cáo tài chính nhà nước theo quy định tại Điều 30 của Luật này chậm nhất là 24 tháng, kể từ ngày Luật này có hiệu lực. 2. . Những người có chứng chỉ hành nghề kế toán do Bộ Tài chính cấp theo Luật Kế toán số 03/2003/QH11 và những người có chứng chỉ kế toán viên do Bộ Tài chính cấp trước ngày 01 tháng 03 năm 2027 theo Luật Kế toán số 88/2015/QH13 (đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 56/2024/QH15, Luật số 108/2025/QH15) được dự thi để lấy chứng chỉ kiểm toán viên theo quy định của Bộ Tài chính. ~~2. Trong thời hạn 24 tháng, kể từ ngày Luật này có hiệu lực, các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán thành lập trước ngày Luật này có hiệu lực phải bảo đảm các điều kiện theo quy định của Luật này để được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán; nếu không đủ điều kiện theo quy định của Luật này thì phải chấm dứt hoạt động kinh doanh dịch vụ kế toán.~~ ~~3. Chứng chỉ hành nghề kế toán đã cấp cho công dân Việt Nam, người nước ngoài theo Luật kế toán số 03/2003/QH11 có giá trị như chứng chỉ kế toán viên quy định tại Luật này.~~	Việc dự thảo Luật bãi bỏ khoản 2, 3 và bổ sung thêm khoản 2 Điều 73 về điều khoản chuyển tiếp đối với những người có chứng chỉ kế toán viên hoặc chứng chỉ hành nghề kế toán căn cứ theo quy định tại mục XII phần B phụ lục I.7 Nghị quyết số 66.18.

LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Đã được hợp nhất bởi Luật số 56/2024/QH15, Luật số 97/2015/QH13)	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	THUYẾT MINH
Điều 74. Quy định chi tiết 1. Chính phủ, Bộ Tài chính có trách nhiệm quy định chi tiết các điều, khoản được giao trong Luật. 2. Căn cứ những nguyên tắc cơ bản của Luật này, Chính phủ quy định cụ thể nội dung công tác kế toán đối với văn phòng đại diện của doanh nghiệp nước ngoài hoạt động tại Việt Nam, hộ kinh doanh và tổ hợp tác.		Nội dung Điều 74 giữ nguyên, không sửa đổi, bổ sung.
II. LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP		
Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG Điều 1. Phạm vi điều chỉnh Luật này quy định nguyên tắc, điều kiện, phạm vi, hình thức hoạt động kiểm toán độc lập; quyền, nghĩa vụ của kiểm toán viên hành nghề, doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam và đơn vị được kiểm toán.		Giữ nguyên quy định

LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Đã được hợp nhất bởi Luật số 56/2024/QH15, Luật số 97/2015/QH13)	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	THUYẾT MINH
Điều 2. Đối tượng áp dụng Luật này áp dụng đối với kiểm toán viên, kiểm toán viên hành nghề, doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam, đơn vị được kiểm toán, tổ chức nghề nghiệp về kiểm toán và tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động kiểm toán độc lập.		Giữ nguyên quy định
Điều 3. Áp dụng Luật Kiểm toán độc lập, điều ước quốc tế và các luật có liên quan 1. Tổ chức, cá nhân trong nước và tổ chức, cá nhân nước ngoài tham gia hoạt động kiểm toán độc lập trên lãnh thổ Việt Nam phải tuân theo Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan. 2. Trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác với quy định của Luật này thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế đó.		Giữ nguyên quy định

LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Đã được hợp nhất bởi Luật số 56/2024/QH15, Luật số 97/2015/QH13)	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	THUYẾT MINH
Điều 4. Mục đích của kiểm toán độc lập Hoạt động kiểm toán độc lập nhằm góp phần công khai, minh bạch thông tin kinh tế, tài chính của đơn vị được kiểm toán và doanh nghiệp, tổ chức khác; làm lành mạnh môi trường đầu tư; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phòng, chống tham nhũng; phát hiện và ngăn chặn vi phạm pháp luật; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành kinh tế, tài chính của Nhà nước và hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.		Giữ nguyên quy định

LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Đã được hợp nhất bởi Luật số 56/2024/QH15, Luật số 97/2015/QH13)	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	THUYẾT MINH
Điều 5. Giải thích từ ngữ Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau: 1. <i>Kiểm toán độc lập</i> là việc kiểm toán viên hành nghề, doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam kiểm tra, đưa ra ý kiến độc lập của mình về báo cáo tài chính và công việc kiểm toán khác theo hợp đồng kiểm toán. 2. <i>Kiểm toán viên</i> là người được cấp chứng chỉ kiểm toán viên theo quy định của pháp luật hoặc người có chứng chỉ của nước ngoài được Bộ Tài chính công nhận và đạt kỳ thi sát hạch về pháp luật Việt Nam. 3. <i>Kiểm toán viên hành nghề</i> là kiểm toán viên đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán. 4. <i>Thành viên tham gia cuộc kiểm toán</i> bao gồm kiểm toán viên hành nghề, kiểm toán viên và các thành viên khác. 5. <i>Doanh nghiệp kiểm toán</i> là doanh nghiệp có đủ điều kiện để kinh doanh dịch vụ kiểm toán theo quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan. 6. <i>Đơn vị được kiểm toán</i> là doanh nghiệp, tổ chức được doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam thực hiện kiểm toán theo hợp đồng kiểm toán.		Giữ nguyên quy định

LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Đã được hợp nhất bởi Luật số 56/2024/QH15, Luật số 97/2015/QH13)	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	THUYẾT MINH
7. <i>Đơn vị có lợi ích công chúng</i> là doanh nghiệp, tổ chức mà tính chất và quy mô hoạt động có liên quan nhiều đến lợi ích của công chúng. 8. <i>Hành nghề kiểm toán</i> là hoạt động kinh doanh dịch vụ kiểm toán của kiểm toán viên hành nghề và doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam. 9. <i>Kiểm toán báo cáo tài chính</i> là việc kiểm toán viên hành nghề, doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam kiểm tra, đưa ra ý kiến về tính trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu của báo cáo tài chính của đơn vị được kiểm toán theo quy định của chuẩn mực kiểm toán. 10. <i>Kiểm toán tuân thủ</i> là việc kiểm toán viên hành nghề, doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam kiểm tra, đưa ra ý kiến về việc tuân thủ pháp luật, quy chế, quy định mà đơn vị được kiểm toán phải thực hiện. 11. <i>Kiểm toán hoạt động</i> là việc kiểm toán viên hành nghề, doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam kiểm tra, đưa ra ý kiến về tính kinh tế, hiệu lực và hiệu quả hoạt động của một bộ phận hoặc toàn bộ đơn vị được kiểm toán.		

LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Đã được hợp nhất bởi Luật số 56/2024/QH15, Luật số 97/2015/QH13)	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	THUYẾT MINH
12. <i>Báo cáo kiểm toán</i> là văn bản do kiểm toán viên hành nghề, doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam lập sau khi kết thúc việc kiểm toán, đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính và những nội dung khác đã được kiểm toán theo hợp đồng kiểm toán. 13. <i>Chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam</i> là đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài, không có tư cách pháp nhân, được doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài bảo đảm chịu trách nhiệm về mọi nghĩa vụ, cam kết của chi nhánh tại Việt Nam.		

LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Đã được hợp nhất bởi Luật số 56/2024/QH15, Luật số 97/2015/QH13)	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	THUYẾT MINH
Điều 6. Chuẩn mực kiểm toán và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán, kiểm toán 1. Chuẩn mực kiểm toán là những quy định và hướng dẫn về yêu cầu, nguyên tắc, thủ tục kiểm toán và xử lý các mối quan hệ phát sinh trong hoạt động kiểm toán mà thành viên tham gia cuộc kiểm toán và doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam phải tuân thủ. 2. Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán, kiểm toán là những quy định và hướng dẫn về nguyên tắc, nội dung áp dụng các tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp đối với thành viên tham gia cuộc kiểm toán và doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam.		Giữ nguyên quy định
3. Chuẩn mực kiểm toán và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán, kiểm toán là cơ sở để kiểm tra, đánh giá chất lượng kiểm toán và đạo đức nghề nghiệp của thành viên tham gia cuộc kiểm toán và doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam. 4. Bộ Tài chính quy định chuẩn mực kiểm toán và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán, kiểm toán trên cơ sở chuẩn mực quốc tế.		

LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Đã được hợp nhất bởi Luật số 56/2024/QH15, Luật số 97/2015/QH13)	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	THUYẾT MINH
Điều 7. Giá trị của báo cáo kiểm toán 1. Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính đánh giá tính trung thực và hợp lý của báo cáo tài chính, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền ban hành. 2. Báo cáo kiểm toán tuân thủ đánh giá việc tuân thủ pháp luật, quy chế, quy định trong quản lý, sử dụng tiền, tài sản và các nguồn lực khác của đơn vị được kiểm toán. 3. Báo cáo kiểm toán hoạt động đánh giá tính kinh tế, hiệu lực và hiệu quả trong quản lý, sử dụng tiền, tài sản và các nguồn lực khác của đơn vị được kiểm toán.		Giữ nguyên quy định
4. Báo cáo kiểm toán được sử dụng để: a) Cổ đông, nhà đầu tư, bên tham gia liên doanh, liên kết, khách hàng và tổ chức, cá nhân khác có quyền lợi trực tiếp hoặc liên quan đến đơn vị được kiểm toán xử lý các quan hệ về quyền lợi và nghĩa vụ của các bên có liên quan; b) Cơ quan nhà nước quản lý, điều hành theo chức năng, nhiệm vụ được giao; c) Đơn vị được kiểm toán phát hiện, xử lý và ngăn ngừa kịp thời sai sót, yếu kém trong hoạt động của đơn vị.		

LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Đã được hợp nhất bởi Luật số 56/2024/QH15, Luật số 97/2015/QH13)	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	THUYẾT MINH
Điều 8. Nguyên tắc hoạt động kiểm toán độc lập 1. Tuân thủ pháp luật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về hoạt động nghề nghiệp và báo cáo kiểm toán. 2. Tuân thủ chuẩn mực kiểm toán và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán, kiểm toán Việt Nam; đối với công việc kiểm toán theo hợp đồng kiểm toán mà yêu cầu áp dụng chuẩn mực kiểm toán khác thì phải tuân thủ chuẩn mực kiểm toán đó. 3. Độc lập, trung thực, khách quan. 4. Bảo mật thông tin.		Giữ nguyên quy định

LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Đã được hợp nhất bởi Luật số 56/2024/QH15, Luật số 97/2015/QH13)	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	THUYẾT MINH
Điều 9. Kiểm toán bắt buộc 1. Kiểm toán bắt buộc là kiểm toán đối với báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo quyết toán dự án hoàn thành và các thông tin tài chính khác của đơn vị được kiểm toán quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 37 của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan. 2. Hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm của doanh nghiệp, tổ chức bắt buộc phải kiểm toán báo cáo tài chính phải được giao kết chậm nhất là ba mươi ngày trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. 3. Doanh nghiệp, tổ chức bắt buộc phải kiểm toán khi nộp báo cáo tài chính cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền và khi công khai báo cáo tài chính phải có báo cáo kiểm toán đính kèm; trường hợp cơ quan nhà nước khi nhận báo cáo tài chính của doanh nghiệp, tổ chức bắt buộc phải kiểm toán mà không có báo cáo kiểm toán đính kèm thì có trách nhiệm thông báo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.		Giữ nguyên quy định

LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Đã được hợp nhất bởi Luật số 56/2024/QH15, Luật số 97/2015/QH13)	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	THUYẾT MINH
Điều 10. Khuyến khích kiểm toán Nhà nước khuyến khích doanh nghiệp, tổ chức thuê doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán dự án hoàn thành và các công việc kiểm toán khác trước khi nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc trước khi công khai tài chính.		Giữ nguyên quy định

LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Đã được hợp nhất bởi Luật số 56/2024/QH15, Luật số 97/2015/QH13)	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	THUYẾT MINH
Điều 11. Quản lý nhà nước về hoạt động kiểm toán độc lập 1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về hoạt động kiểm toán độc lập. 2. Bộ Tài chính chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động kiểm toán độc lập, có các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây: a) Xây dựng, trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền văn bản quy phạm pháp luật về kiểm toán độc lập; b) Xây dựng, trình Chính phủ quyết định chiến lược và chính sách phát triển hoạt động kiểm toán độc lập; c) Quy định điều kiện dự thi, việc tổ chức thi để cấp chứng chỉ kiểm toán viên; cấp, thu hồi và quản lý chứng chỉ kiểm toán viên; d) Quy định mẫu Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán; cấp, cấp lại, điều chỉnh và thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán; đ) Đình chỉ kinh doanh dịch vụ kiểm toán; e) Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về kiểm toán độc lập; g) Thanh tra, kiểm tra hoạt động thuộc lĩnh vực kiểm toán độc lập của tổ chức nghề nghiệp về kiểm toán; h) Quy định về cập nhật kiến thức cho kiểm toán viên, kiểm toán viên hành nghề;		Giữ nguyên quy định

LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Đã được hợp nhất bởi Luật số 56/2024/QH15, Luật số 97/2015/QH13)	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	THUYẾT MINH
i)[2] Quy định về đăng ký và quản lý hành nghề kiểm toán; quy định về đình chỉ hành nghề kiểm toán, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán; quy định về công khai danh sách doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam và kiểm toán viên hành nghề; k) Quy định về kiểm soát chất lượng dịch vụ kiểm toán; l) Tổng kết, đánh giá về hoạt động kiểm toán độc lập và thực hiện các biện pháp hỗ trợ phát triển hoạt động kiểm toán độc lập; m) Hợp tác quốc tế về kiểm toán độc lập. 3. Bộ, cơ quan ngang bộ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Bộ Tài chính thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động kiểm toán độc lập. 4. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm quản lý nhà nước về hoạt động kiểm toán độc lập tại địa phương. m) Hợp tác quốc tế về kiểm toán độc lập. 3. Bộ, cơ quan ngang Bộ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Bộ Tài chính thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động kiểm toán độc lập. 4. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm quản lý nhà nước về hoạt động kiểm toán độc lập tại địa phương.		

LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Đã được hợp nhất bởi Luật số 56/2024/QH15, Luật số 97/2015/QH13)	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	THUYẾT MINH
Điều 12. Tổ chức nghề nghiệp về kiểm toán 1. Tổ chức nghề nghiệp về kiểm toán được thành lập, hoạt động theo quy định của pháp luật về hội và có trách nhiệm tuân thủ các quy định của pháp luật về kiểm toán độc lập. 2. Tổ chức nghề nghiệp về kiểm toán được bồi dưỡng kiến thức cho kiểm toán viên, kiểm toán viên hành nghề và thực hiện một số nhiệm vụ liên quan đến hoạt động kiểm toán độc lập do Chính phủ quy định.		Giữ nguyên quy định
Điều 13. Các hành vi bị nghiêm cấm 1. Nghiêm cấm thành viên tham gia cuộc kiểm toán và doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam thực hiện các hành vi sau đây: a) Mua, nhận biếu tặng, nắm giữ cổ phiếu hoặc phần vốn góp của đơn vị được kiểm toán không phân biệt số lượng; b) Mua, bán trái phiếu hoặc tài sản khác của đơn vị được kiểm toán có ảnh hưởng đến tính độc lập theo quy định của chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán, kiểm toán; c) Nhận hoặc đòi hỏi bất kỳ một khoản tiền, lợi ích nào khác từ đơn vị được kiểm toán ngoài khoản phí dịch vụ và chi phí đã thỏa thuận trong hợp đồng đã giao kết;		Giữ nguyên quy định

LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Đã được hợp nhất bởi Luật số 56/2024/QH15, Luật số 97/2015/QH13)	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	THUYẾT MINH
d) Sách nhiễu, lừa dối khách hàng, đơn vị được kiểm toán; đ) Tiết lộ thông tin về hồ sơ kiểm toán, khách hàng, đơn vị được kiểm toán, trừ trường hợp khách hàng, đơn vị được kiểm toán chấp thuận hoặc theo quy định của pháp luật; e) Thông tin, giới thiệu sai sự thật về trình độ, kinh nghiệm và khả năng cung cấp dịch vụ của kiểm toán viên hành nghề và doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam; g) Tranh giành khách hàng dưới các hình thức ngăn cản, lôi kéo, mua chuộc, thông đồng với khách hàng và các hành vi cạnh tranh không lành mạnh khác; h) Thực hiện việc thu nợ cho đơn vị được kiểm toán; i) Thông đồng, móc nối với đơn vị được kiểm toán để làm sai lệch tài liệu kế toán, báo cáo tài chính, hồ sơ kiểm toán và báo cáo sai lệch kết quả kiểm toán; k) Giả mạo, khai man hồ sơ kiểm toán; l) Thuê, mượn chứng chỉ kiểm toán viên và Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán để thực hiện hoạt động nghề nghiệp; m) Cung cấp dịch vụ kiểm toán khi không đủ điều kiện theo quy định của Luật này; n) Hành vi khác theo quy định của pháp luật.		

LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Đã được hợp nhất bởi Luật số 56/2024/QH15, Luật số 97/2015/QH13)	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	THUYẾT MINH
2. Ngoài các quy định tại khoản 1 Điều này, nghiêm cấm kiểm toán viên, kiểm toán viên hành nghề thực hiện các hành vi sau đây: a) Hành nghề kiểm toán với tư cách cá nhân; b) Giả mạo, cho thuê, cho mượn hoặc cho sử dụng tên và chứng chỉ kiểm toán viên, Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán để thực hiện hoạt động kiểm toán; c) Làm việc cho hai doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam trở lên trong cùng một thời gian; d) Hành vi khác theo quy định của pháp luật. 3. Nghiêm cấm đơn vị được kiểm toán và tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện các hành vi sau đây: a) Chọn tổ chức, cá nhân không đủ điều kiện hành nghề kiểm toán để ký hợp đồng kiểm toán; b) Từ chối cung cấp thông tin, tài liệu cần thiết cho việc kiểm toán theo yêu cầu của kiểm toán viên hành nghề hoặc doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam; c) Cản trở công việc của thành viên tham gia cuộc kiểm toán; d) Cung cấp sai lệch, không trung thực, không đầy đủ, không kịp thời thông tin, tài liệu liên quan đến cuộc kiểm toán;		

LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Đã được hợp nhất bởi Luật số 56/2024/QH15, Luật số 97/2015/QH13)	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	THUYẾT MINH
đ) Mua chuộc, hối lộ, thông đồng với thành viên tham gia cuộc kiểm toán và doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam để làm sai lệch tài liệu kế toán, báo cáo tài chính, hồ sơ kiểm toán và báo cáo kiểm toán; e) Che giấu hành vi vi phạm pháp luật về tài chính, kế toán; g) Đe dọa, trả thù, ép buộc thành viên tham gia cuộc kiểm toán nhằm làm sai lệch kết quả kiểm toán; h) Hành vi khác theo quy định của pháp luật. 4. Nghiêm cấm tổ chức, cá nhân can thiệp trái pháp luật và cản trở hoạt động nghề nghiệp của kiểm toán viên hành nghề, doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam; lợi dụng chức vụ, quyền hạn vi phạm quy định về cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán, Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán, kiểm tra, kiểm soát chất lượng dịch vụ kiểm toán, xử lý kỷ luật và xử lý vi phạm hành chính trong hoạt động kiểm toán độc lập.		

LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Đã được hợp nhất bởi Luật số 56/2024/QH15, Luật số 97/2015/QH13)	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	THUYẾT MINH
Chương II KIỂM TOÁN VIÊN VÀ KIỂM TOÁN VIÊN HÀNH NGHỀ Điều 14. Tiêu chuẩn kiểm toán viên 1. Kiểm toán viên phải có đủ các tiêu chuẩn sau đây: a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ; b) Có phẩm chất đạo đức tốt, có ý thức trách nhiệm, liêm khiết, trung thực, khách quan; c) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc chuyên ngành tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán hoặc chuyên ngành khác theo quy định của Bộ Tài chính; d) Có Chứng chỉ kiểm toán viên theo quy định của Bộ Tài chính. 2. Trường hợp người có chứng chỉ của nước ngoài được Bộ Tài chính công nhận, đạt kỳ thi sát hạch bằng tiếng Việt về pháp luật Việt Nam và có đủ các tiêu chuẩn quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều này thì được công nhận là kiểm toán viên.		Giữ nguyên quy định

LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Đã được hợp nhất bởi Luật số 56/2024/QH15, Luật số 97/2015/QH13)	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	THUYẾT MINH
Điều 15. Đăng ký hành nghề kiểm toán 1. Người có đủ các điều kiện sau đây được đăng ký hành nghề kiểm toán: a) Là kiểm toán viên; b) Có thời gian thực tế làm kiểm toán từ đủ ba mươi sáu tháng trở lên; c) Tham gia đầy đủ chương trình cập nhật kiến thức. 2. Người có đủ các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện đăng ký hành nghề kiểm toán và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán theo quy định của Bộ Tài chính. 3.~~[3]~~ <i>(được bãi bỏ)</i> 4. Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán chỉ có giá trị khi người được cấp có hợp đồng lao động làm toàn bộ thời gian cho một doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam.		Giữ nguyên quy định

LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Đã được hợp nhất bởi Luật số 56/2024/QH15, Luật số 97/2015/QH13)	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	THUYẾT MINH
Điều 16. Những người không được đăng ký hành nghề kiểm toán, không được tiếp tục hành nghề kiểm toán [4] 1. Những người không được đăng ký hành nghề kiểm toán, bao gồm: a) Cán bộ, công chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức; viên chức theo quy định của pháp luật về viên chức; sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng, viên chức trong cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân; sĩ quan, hạ sĩ quan nghiệp vụ, sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên môn kỹ thuật, công nhân công an, viên chức trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân; b) Người đang bị cấm hành nghề kiểm toán theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật; người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; người đã bị kết án một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, tội phạm về chức vụ liên quan đến tài chính, kế toán, kiểm toán mà chưa được xóa án tích; người đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc; c) Người đã bị kết án về tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế từ nghiêm trọng trở lên.		Giữ nguyên quy định

LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Đã được hợp nhất bởi Luật số 56/2024/QH15, Luật số 97/2015/QH13)	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	THUYẾT MINH
2. Những người không được tiếp tục hành nghề kiểm toán, bao gồm: a) Những người quy định tại điểm b khoản 1 Điều này; b) Người có Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán hết hiệu lực hoặc không còn giá trị theo quy định của Bộ Tài chính.		
Điều 17. Quyền của kiểm toán viên hành nghề Khi hành nghề tại doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam, kiểm toán viên hành nghề có các quyền sau đây: 1. Hành nghề kiểm toán theo quy định của Luật này; 2. Độc lập về chuyên môn nghiệp vụ; 3. Yêu cầu đơn vị được kiểm toán cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin, tài liệu cần thiết và giải trình các vấn đề có liên quan đến nội dung kiểm toán; yêu cầu kiểm kê tài sản, đối chiếu công nợ của đơn vị được kiểm toán liên quan đến nội dung kiểm toán; kiểm tra toàn bộ hồ sơ, tài liệu có liên quan đến hoạt động kinh tế, tài chính của đơn vị được kiểm toán ở trong và ngoài đơn vị trong quá trình thực hiện kiểm toán;		Giữ nguyên quy định

LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Đã được hợp nhất bởi Luật số 56/2024/QH15, Luật số 97/2015/QH13)	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	THUYẾT MINH
4. Kiểm tra, xác nhận các thông tin kinh tế, tài chính có liên quan đến đơn vị được kiểm toán ở trong và ngoài đơn vị trong quá trình thực hiện kiểm toán. 5. Yêu cầu tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp tài liệu, thông tin cần thiết có liên quan đến nội dung kiểm toán thông qua đơn vị được kiểm toán. 6. Quyền khác theo quy định của pháp luật.		
Điều 18. Nghĩa vụ của kiểm toán viên hành nghề Khi hành nghề tại doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam, kiểm toán viên hành nghề có các nghĩa vụ sau đây: 1. Tuân thủ nguyên tắc hoạt động kiểm toán độc lập; 2. Không can thiệp vào hoạt động của khách hàng, đơn vị được kiểm toán trong quá trình thực hiện kiểm toán; 3. Từ chối thực hiện kiểm toán cho khách hàng, đơn vị được kiểm toán nếu xét thấy không bảo đảm tính độc lập, không đủ năng lực chuyên môn, không đủ điều kiện theo quy định của pháp luật;		Giữ nguyên quy định

LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Đã được hợp nhất bởi Luật số 56/2024/QH15, Luật số 97/2015/QH13)	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	THUYẾT MINH
4. Từ chối thực hiện kiểm toán trong trường hợp khách hàng, đơn vị được kiểm toán có yêu cầu trái với đạo đức nghề nghiệp, yêu cầu về chuyên môn, nghiệp vụ hoặc trái với quy định của pháp luật; 5. Tham gia đầy đủ chương trình cập nhật kiến thức hàng năm; 6. Thường xuyên trau dồi kiến thức chuyên môn và kinh nghiệm nghề nghiệp; 7. Thực hiện kiểm toán, soát xét hồ sơ kiểm toán hoặc ký báo cáo kiểm toán và chịu trách nhiệm về báo cáo kiểm toán và hoạt động kiểm toán của mình; 8. Báo cáo định kỳ, đột xuất về hoạt động kiểm toán của mình theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; 9. Tuân thủ quy định của Luật này và pháp luật của nước sở tại trong trường hợp hành nghề kiểm toán ở nước ngoài; 10. Chấp hành yêu cầu về kiểm tra, kiểm soát chất lượng dịch vụ kiểm toán theo quy định của Bộ Tài chính; 11. Nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.		

LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Đã được hợp nhất bởi Luật số 56/2024/QH15, Luật số 97/2015/QH13)	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	THUYẾT MINH
Điều 19. Các trường hợp kiểm toán viên hành nghề không được thực hiện kiểm toán Kiểm toán viên hành nghề không được thực hiện kiểm toán trong các trường hợp sau đây: 1. Là thành viên, cổ đông sáng lập hoặc mua cổ phần, góp vốn vào đơn vị được kiểm toán; 2. Là người giữ chức vụ quản lý, điều hành, thành viên ban kiểm soát hoặc là kế toán trưởng của đơn vị được kiểm toán; 3. Là người đã từng giữ chức vụ quản lý, điều hành, thành viên ban kiểm soát, kế toán trưởng của đơn vị được kiểm toán cho các năm tài chính được kiểm toán; 4. Trong thời gian hai năm, kể từ thời điểm thôi giữ chức vụ quản lý, điều hành, thành viên ban kiểm soát, kế toán trưởng của đơn vị được kiểm toán; 5. Là người đang thực hiện hoặc đã thực hiện trong năm trước liền kề công việc ghi sổ kế toán, lập báo cáo tài chính hoặc thực hiện kiểm toán nội bộ cho đơn vị được kiểm toán; 6. Là người đang thực hiện hoặc đã thực hiện trong năm trước liền kề dịch vụ khác với các dịch vụ quy định tại khoản 5 Điều này có ảnh hưởng đến tính độc lập của kiểm toán viên hành nghề theo quy định của chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán, kiểm toán;		Giữ nguyên quy định

LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Đã được hợp nhất bởi Luật số 56/2024/QH15, Luật số 97/2015/QH13)	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	THUYẾT MINH
7. Có bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị, em ruột là người có lợi ích tài chính trực tiếp hoặc gián tiếp đáng kể trong đơn vị được kiểm toán theo quy định của chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán, kiểm toán hoặc là người giữ chức vụ quản lý, điều hành, thành viên ban kiểm soát, kế toán trưởng của đơn vị được kiểm toán; 8. Trường hợp khác theo quy định của pháp luật.		
Chương III DOANH NGHIỆP KIỂM TOÁN Điều 20. Các loại doanh nghiệp kiểm toán và chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam 1. Các loại doanh nghiệp sau đây được kinh doanh dịch vụ kiểm toán: a) Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên; b) Công ty hợp danh; c) Doanh nghiệp tư nhân. 2. Chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam được kinh doanh dịch vụ kiểm toán theo quy định của pháp luật. 3. Doanh nghiệp, chi nhánh doanh nghiệp không đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán thì không được sử dụng cụm từ “kiểm toán” trong tên gọi.		Giữ nguyên quy định

LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Đã được hợp nhất bởi Luật số 56/2024/QH15, Luật số 97/2015/QH13)	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	THUYẾT MINH
4. Doanh nghiệp kiểm toán không được góp vốn để thành lập doanh nghiệp kiểm toán khác, trừ trường hợp góp vốn với doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài để thành lập doanh nghiệp kiểm toán tại Việt Nam.		
Điều 21. Điều kiện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán 1. Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên khi đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán phải có đủ các điều kiện sau đây: a) Có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư theo quy định của pháp luật; ... 2. Công ty hợp danh khi đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán phải có đủ các điều kiện sau đây: a) Có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư theo quy định của pháp luật; ...	Điều 21. Điều kiện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán 1. Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên khi đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán phải có đủ các điều kiện sau đây: ~~a) Có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư theo quy định của pháp luật;~~ ... 2. Công ty hợp danh khi đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán phải có đủ các điều kiện sau đây: ~~a) Có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư theo quy định của pháp luật;~~ ...	Việc dự thảo Luật bãi bỏ điều kiện về Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư theo quy định của pháp luật khi cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán. Việc quy định này nhằm cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu căn cứ theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 7 Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ.

LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Đã được hợp nhất bởi Luật số 56/2024/QH15, Luật số 97/2015/QH13)	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	THUYẾT MINH
3. Doanh nghiệp tư nhân khi đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán phải có đủ các điều kiện sau đây: a) Có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư theo quy định của pháp luật; ..	3. Doanh nghiệp tư nhân khi đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán phải có đủ các điều kiện sau đây: ~~a) Có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư theo quy định của pháp luật;~~ ...	

LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Đã được hợp nhất bởi Luật số 56/2024/QH15, Luật số 97/2015/QH13)	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	THUYẾT MINH
Điều 22. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán gồm có: 1. Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán; 2. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư; 3. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán của các kiểm toán viên hành nghề; 4. Hợp đồng lao động làm toàn bộ thời gian của các kiểm toán viên hành nghề; 5. Tài liệu chứng minh về vốn góp đối với công ty trách nhiệm hữu hạn; 6. Các giấy tờ khác do Bộ Tài chính quy định.	Điều 22. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán gồm có: 1. Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán; ~~2. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư;~~ ~~3. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán của các kiểm toán viên hành nghề;~~ 4. Hợp đồng lao động làm toàn bộ thời gian của các kiểm toán viên hành nghề; 5. Tài liệu chứng minh về vốn góp đối với công ty trách nhiệm hữu hạn; 6. Các giấy tờ khác do Bộ Tài chính quy định.	Việc dự thảo Luật bãi bỏ một số thành phần hồ sơ khi đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán. Việc quy định này nhằm cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu căn cứ theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 7 Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ.

LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Đã được hợp nhất bởi Luật số 56/2024/QH15, Luật số 97/2015/QH13)	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	THUYẾT MINH
Điều 23. Thời hạn cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán 1. Trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ Tài chính cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán cho doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam; trường hợp từ chối, Bộ Tài chính phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. ...	Điều 23. Thời hạn cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán 1. Trong thời hạn <i>mười ngày làm việc</i> ~~ba mươi ngày~~, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ Tài chính cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán cho doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam; trường hợp từ chối, Bộ Tài chính phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.” ...	Việc dự thảo Luật cắt giảm trên 50% thời gian giải quyết thủ tục hành chính cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán trên cơ sở tiếp thu kết luận của UBTVQH nhằm hoàn thiện khung pháp lý để thúc đẩy phát triển an toàn, minh bạch, hiệu quả, bền vững các loại thị trường thông qua đẩy mạnh công tác giải quyết thủ tục hành chính căn cứ theo quy định tại khoản 3.2 Điều 3 Nghị quyết số 244/2025/QH15 ngày 13/11/2025 của Quốc Hội về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026.
Điều 24. Cấp lại, điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán ...3. Trong thời hạn hai mươi ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ Tài chính cấp lại, điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán; trường hợp từ chối, Bộ Tài chính phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.	Điều 24. Cấp lại, điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán ...3. Trong thời hạn <i>năm ngày làm việc</i> ~~hai mươi ngày~~, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ Tài chính cấp lại, điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán; trường hợp từ chối, Bộ Tài chính phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do	Việc dự thảo Luật cắt giảm trên 50% thời gian giải quyết thủ tục hành chính cấp lại, điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán trên cơ sở tiếp thu kết luận của UBTVQH nhằm hoàn thiện khung pháp lý để thúc đẩy phát triển an toàn, minh bạch , hiệu quả, bền vững các loại thị trường thông qua đẩy mạnh công tác giải quyết thủ tục hành chính căn cứ theo quy định tại khoản 3.2 Điều 3 Nghị quyết số 244/2025/QH15 ngày 13/11/2025 của Quốc Hội về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026.
Điều 25.<u>[5]</u> (được bãi bỏ)		

LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Đã được hợp nhất bởi Luật số 56/2024/QH15, Luật số 97/2015/QH13)	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	THUYẾT MINH
Điều 26. Những thay đổi phải thông báo cho Bộ Tài chính Trong thời hạn mười ngày, kể từ ngày có thay đổi về những nội dung sau đây, doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam phải thông báo bằng văn bản cho Bộ Tài chính: 1. Danh sách kiểm toán viên hành nghề; 2. Không bảo đảm một trong các điều kiện quy định tại Điều 21 và Điều 31 của Luật này; 3. Tên, địa điểm đặt trụ sở chính của doanh nghiệp; 4. Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc, người đại diện theo pháp luật, tỷ lệ vốn góp của các thành viên; 5. Tạm ngừng kinh doanh dịch vụ kiểm toán; 6. Thành lập, chấm dứt hoạt động hoặc thay đổi tên, địa điểm đặt trụ sở chi nhánh kinh doanh dịch vụ kiểm toán; 7. Thực hiện việc chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, chuyển đổi, giải thể.		Giữ nguyên quy định

LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Đã được hợp nhất bởi Luật số 56/2024/QH15, Luật số 97/2015/QH13)	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	THUYẾT MINH
Điều 27. Đình chỉ kinh doanh dịch vụ kiểm toán và thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán 1. Doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam bị đình chỉ kinh doanh dịch vụ kiểm toán khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: a) Hoạt động không đúng phạm vi hoạt động của doanh nghiệp kiểm toán quy định tại khoản 1 Điều 40 của Luật này; b) Không bảo đảm một trong các điều kiện quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 21 của Luật này trong ba tháng liên tục; c) Có sai phạm nghiêm trọng về chuyên môn hoặc vi phạm chuẩn mực kiểm toán, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán, kiểm toán. 2. Doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam bị thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: a) Kê khai không đúng thực tế hoặc gian lận, giả mạo hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán; b) Không kinh doanh dịch vụ kiểm toán trong mười hai tháng liên tục; c) Không khắc phục được các vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này trong thời hạn sáu mươi ngày, kể từ ngày bị đình chỉ; d) Bị giải thể, phá sản hoặc tự chấm dứt kinh doanh dịch vụ kiểm toán;		Giữ nguyên quy định

LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Đã được hợp nhất bởi Luật số 56/2024/QH15, Luật số 97/2015/QH13)	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	THUYẾT MINH
đ) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư; e) Doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài có chi nhánh kiểm toán tại Việt Nam bị giải thể, phá sản hoặc bị cơ quan có thẩm quyền của nước nơi doanh nghiệp kiểm toán đó đặt trụ sở chính thu hồi giấy phép hoặc đình chỉ hoạt động. g) Có hành vi vi phạm quy định tại khoản 11 và khoản 15 Điều 59 của Luật này. 3. Doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam bị thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán phải chấm dứt việc kinh doanh dịch vụ kiểm toán, kể từ ngày quyết định thu hồi có hiệu lực thi hành. 4. Bộ Tài chính quy định chi tiết việc đình chỉ kinh doanh dịch vụ kiểm toán, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán và công bố quyết định đình chỉ kinh doanh dịch vụ kiểm toán, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán trong thời hạn bảy ngày trên trang thông tin điện tử của Bộ Tài chính.		

LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Đã được hợp nhất bởi Luật số 56/2024/QH15, Luật số 97/2015/QH13)	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	THUYẾT MINH
Điều 28. Quyền của doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam 1. Doanh nghiệp kiểm toán có các quyền sau đây: a) Cung cấp các dịch vụ quy định tại Điều 40 của Luật này; b) Nhận phí dịch vụ; c) Thành lập chi nhánh kinh doanh dịch vụ kiểm toán; d) Đặt cơ sở kinh doanh dịch vụ kiểm toán ở nước ngoài; đ) Tham gia tổ chức kiểm toán quốc tế, tổ chức nghề nghiệp về kiểm toán; e) Yêu cầu đơn vị được kiểm toán cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin, tài liệu cần thiết và giải trình các vấn đề có liên quan đến nội dung kiểm toán; yêu cầu kiểm kê tài sản, đối chiếu công nợ của đơn vị được kiểm toán có liên quan đến nội dung kiểm toán; kiểm tra toàn bộ		Giữ nguyên quy định

LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Đã được hợp nhất bởi Luật số 56/2024/QH15, Luật số 97/2015/QH13)	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	THUYẾT MINH
hồ sơ, tài liệu có liên quan đến hoạt động kinh tế, tài chính của đơn vị được kiểm toán ở trong và ngoài đơn vị trong quá trình thực hiện kiểm toán; g) Kiểm tra, xác nhận các thông tin kinh tế, tài chính có liên quan đến đơn vị được kiểm toán ở trong và ngoài đơn vị trong quá trình thực hiện kiểm toán; h) Yêu cầu tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp tài liệu, thông tin cần thiết có liên quan đến nội dung kiểm toán thông qua đơn vị được kiểm toán; i) Quyền khác theo quy định của pháp luật. 2. Chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam có các quyền quy định tại các điểm a, b, e, g, h và i khoản 1 Điều này.		

LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Đã được hợp nhất bởi Luật số 56/2024/QH15, Luật số 97/2015/QH13)	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	THUYẾT MINH
Điều 29. Nghĩa vụ của doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam 1. Hoạt động theo nội dung ghi trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán. 1a.[6] Duy trì các điều kiện theo quy định tại Điều 21 của Luật này trong quá trình hoạt động. 1b.[7] Trường hợp doanh nghiệp kiểm toán có chi nhánh thì phải đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 1a Điều này và bảo đảm có ít nhất năm kiểm toán viên đăng ký hành nghề tại trụ sở chính, không bao gồm các kiểm toán viên đăng ký hành nghề tại chi nhánh. 2. Bố trí nhân sự có trình độ chuyên môn phù hợp để bảo đảm chất lượng dịch vụ kiểm toán; quản lý hoạt động nghề nghiệp của kiểm toán viên hành nghề. 2a.[8] Không được bố trí kiểm toán viên hành nghề ký báo cáo kiểm toán cho một đơn vị được kiểm toán quá năm năm liên tục. Bộ Tài chính quy định thời gian ngừng để kiểm toán viên hành nghề tiếp tục ký báo cáo kiểm toán cho cùng một đơn vị được kiểm toán.		Giữ nguyên quy định

LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Đã được hợp nhất bởi Luật số 56/2024/QH15, Luật số 97/2015/QH13)	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	THUYẾT MINH
3. Hàng năm thông báo danh sách kiểm toán viên hành nghề cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền. 4. Bồi thường thiệt hại cho khách hàng, đơn vị được kiểm toán trên cơ sở hợp đồng kiểm toán và theo quy định của pháp luật. 5. Mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho kiểm toán viên hành nghề hoặc trích lập quỹ dự phòng rủi ro nghề nghiệp theo quy định của Bộ Tài chính. 6. Thông báo cho đơn vị được kiểm toán khi nhận thấy đơn vị được kiểm toán có dấu hiệu vi phạm pháp luật về kinh tế, tài chính, kế toán. 7. Cung cấp thông tin về kiểm toán viên hành nghề và doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền. 8. Cung cấp hồ sơ, tài liệu kiểm toán theo yêu cầu bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. 9. Báo cáo định kỳ, đột xuất về hoạt động kiểm toán độc lập 10. Cung cấp kịp thời, đầy đủ, chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền trong quá trình kiểm tra, thanh tra và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của thông tin, tài liệu đã cung cấp; chấp hành quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc kiểm tra, thanh tra.		

LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Đã được hợp nhất bởi Luật số 56/2024/QH15, Luật số 97/2015/QH13)	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	THUYẾT MINH
11. Chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước khách hàng về kết quả kiểm toán theo hợp đồng kiểm toán đã giao kết. 12. Chịu trách nhiệm với người sử dụng kết quả kiểm toán khi người sử dụng kết quả kiểm toán: a) Có lợi ích liên quan trực tiếp đến kết quả kiểm toán của đơn vị được kiểm toán tại ngày ký báo cáo kiểm toán; b) Có hiểu biết một cách hợp lý về báo cáo tài chính và cơ sở lập báo cáo tài chính là các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định khác của pháp luật có liên quan; c) Đã sử dụng một cách thận trọng thông tin trên báo cáo tài chính đã kiểm toán. 13. Từ chối thực hiện kiểm toán khi xét thấy không bảo đảm tính độc lập, không đủ năng lực chuyên môn, không đủ điều kiện kiểm toán. 14. Từ chối thực hiện kiểm toán khi khách hàng, đơn vị được kiểm toán có yêu cầu trái với đạo đức nghề nghiệp, yêu cầu chuyên môn, nghiệp vụ hoặc trái với quy định của pháp luật. 15. Tổ chức kiểm soát chất lượng hoạt động và chịu sự kiểm soát chất lượng dịch vụ kiểm toán theo quy định của Bộ Tài chính. 16. Nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.		

LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Đã được hợp nhất bởi Luật số 56/2024/QH15, Luật số 97/2015/QH13)	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	THUYẾT MINH
Điều 30. Các trường hợp doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam không được thực hiện kiểm toán 1. Doanh nghiệp kiểm toán không được thực hiện kiểm toán trong các trường hợp sau đây: a) Đang thực hiện hoặc đã thực hiện trong năm trước liền kề công việc ghi sổ kế toán, lập báo cáo tài chính hoặc thực hiện kiểm toán nội bộ cho đơn vị được kiểm toán; b) Đang thực hiện hoặc đã thực hiện trong năm trước liền kề các dịch vụ khác với các dịch vụ quy định tại điểm a khoản này có ảnh hưởng đến tính độc lập của kiểm toán viên hành nghề và doanh nghiệp kiểm toán theo quy định của chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán, kiểm toán; c) Thành viên tham gia cuộc kiểm toán, người quản lý, điều hành của doanh nghiệp kiểm toán là thành viên, cổ đông sáng lập hoặc mua cổ phần, góp vốn vào đơn vị được kiểm toán hoặc có quan hệ kinh tế, tài chính khác với đơn vị được kiểm toán theo quy định của chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán, kiểm toán; d) Người có trách nhiệm quản lý, điều hành của doanh nghiệp kiểm toán có bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị, em ruột là thành viên, cổ đông sáng lập hoặc mua cổ phần, góp vốn và có ảnh hưởng đáng kể đối với đơn vị được kiểm toán hoặc là người có trách nhiệm quản lý, điều hành, thành viên ban kiểm soát hoặc kế toán trưởng của đơn vị được kiểm toán;		Giữ nguyên quy định

LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Đã được hợp nhất bởi Luật số 56/2024/QH15, Luật số 97/2015/QH13)	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	THUYẾT MINH
đ) Người có trách nhiệm quản lý, điều hành, thành viên ban kiểm soát hoặc kế toán trưởng của đơn vị được kiểm toán đồng thời là người góp vốn và có ảnh hưởng đáng kể đối với doanh nghiệp kiểm toán; e) Doanh nghiệp kiểm toán và đơn vị được kiểm toán có cùng một cá nhân hoặc doanh nghiệp, tổ chức thành lập hoặc tham gia thành lập; g) Đơn vị được kiểm toán đã thực hiện trong năm trước liền kề hoặc đang thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính cho chính doanh nghiệp kiểm toán; h) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật. 2. Chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam không được thực hiện kiểm toán trong các trường hợp sau đây: a) Đang thực hiện hoặc đã thực hiện trong năm trước liền kề công việc ghi sổ kế toán, lập báo cáo tài chính hoặc thực hiện kiểm toán nội bộ cho đơn vị được kiểm toán; b) Đang thực hiện hoặc đã thực hiện trong năm trước liền kề các dịch vụ khác với các dịch vụ quy định tại điểm a khoản này có ảnh hưởng đến tính độc lập của kiểm toán viên hành nghề và chi nhánh theo quy định của chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán, kiểm toán;		

LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Đã được hợp nhất bởi Luật số 56/2024/QH15, Luật số 97/2015/QH13)	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	THUYẾT MINH
c) Thành viên tham gia cuộc kiểm toán, người quản lý, điều hành của chi nhánh là thành viên, cổ đông sáng lập hoặc mua cổ phần, góp vốn vào đơn vị được kiểm toán hoặc có quan hệ kinh tế, tài chính khác với đơn vị được kiểm toán theo quy định của chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán, kiểm toán; d) Người có trách nhiệm quản lý, điều hành của chi nhánh có bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị, em ruột là thành viên, cổ đông sáng lập hoặc mua cổ phần, góp vốn và có ảnh hưởng đáng kể đối với đơn vị được kiểm toán hoặc là người có trách nhiệm quản lý, điều hành, thành viên ban kiểm soát hoặc kế toán trưởng của đơn vị được kiểm toán; đ) Người có trách nhiệm quản lý, điều hành, thành viên ban kiểm soát hoặc kế toán trưởng của đơn vị được kiểm toán đồng thời là người có ảnh hưởng đáng kể đối với chi nhánh theo quy định của chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán, kiểm toán; e) Đơn vị được kiểm toán đã thực hiện trong năm trước liền kề hoặc đang thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính cho chính chi nhánh; g) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật.		

LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Đã được hợp nhất bởi Luật số 56/2024/QH15, Luật số 97/2015/QH13)	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	THUYẾT MINH
Điều 31. Chi nhánh của doanh nghiệp kiểm toán 1. Điều kiện để chi nhánh của doanh nghiệp kiểm toán được kinh doanh dịch vụ kiểm toán: a) Doanh nghiệp kiểm toán có đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán theo quy định tại Điều 21 của Luật này; b) Chi nhánh có ít nhất hai kiểm toán viên hành nghề, trong đó có Giám đốc chi nhánh. Hai kiểm toán viên hành nghề không được đồng thời là kiểm toán viên đăng ký hành nghề tại trụ sở chính hoặc chi nhánh khác của doanh nghiệp kiểm toán. c) Được sự chấp thuận bằng văn bản của Bộ Tài chính. 2. Chi nhánh của doanh nghiệp kiểm toán không bảo đảm điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này sau ba tháng liên tục thì bị đình chỉ kinh doanh dịch vụ kiểm toán. 3. Trường hợp doanh nghiệp kiểm toán bị đình chỉ kinh doanh dịch vụ kiểm toán thì các chi nhánh của doanh nghiệp kiểm toán đó cũng bị đình chỉ kinh doanh dịch vụ kiểm toán.		Giữ nguyên quy định

LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Đã được hợp nhất bởi Luật số 56/2024/QH15, Luật số 97/2015/QH13)	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	THUYẾT MINH
Điều 32. Cơ sở của doanh nghiệp kiểm toán ở nước ngoài 1. Doanh nghiệp kiểm toán được thành lập cơ sở kinh doanh dịch vụ kiểm toán ở nước ngoài theo quy định của pháp luật về đầu tư của Việt Nam và pháp luật của nước sở tại. 2. Trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày thành lập hoặc chấm dứt hoạt động của cơ sở kinh doanh dịch vụ kiểm toán ở nước ngoài, doanh nghiệp kiểm toán phải thông báo bằng văn bản kèm theo bản sao tài liệu về thành lập hoặc chấm dứt hoạt động của cơ sở cho Bộ Tài chính.		Giữ nguyên quy định
Điều 33. Tạm ngừng kinh doanh dịch vụ kiểm toán 1. Doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam được tạm ngừng kinh doanh dịch vụ kiểm toán nhưng thời hạn tạm ngừng không quá mười hai tháng liên tục. 2. Doanh nghiệp kiểm toán tạm ngừng kinh doanh dịch vụ kiểm toán thì các chi nhánh của doanh nghiệp kiểm toán đó cũng phải tạm ngừng kinh doanh dịch vụ kiểm toán.		Giữ nguyên quy định

LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Đã được hợp nhất bởi Luật số 56/2024/QH15, Luật số 97/2015/QH13)	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	THUYẾT MINH
3. Doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam tạm ngừng kinh doanh dịch vụ kiểm toán mà chưa hoàn thành hợp đồng kiểm toán đã ký với khách hàng thì phải thoả thuận với khách hàng về việc thực hiện hợp đồng đó. 4. Khi hoạt động trở lại, doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam phải bảo đảm điều kiện theo quy định của pháp luật và phải thông báo bằng văn bản cho Bộ Tài chính chậm nhất là mười ngày trước ngày hoạt động trở lại.		
Điều 34. Chấm dứt kinh doanh dịch vụ kiểm toán 1. Doanh nghiệp kiểm toán chấm dứt kinh doanh dịch vụ kiểm toán trong các trường hợp sau đây: a) Tự chấm dứt; b) Bị chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, giải thể; c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán; d) Giám đốc doanh nghiệp tư nhân chết; đ) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.		Giữ nguyên quy định

LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Đã được hợp nhất bởi Luật số 56/2024/QH15, Luật số 97/2015/QH13)	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	THUYẾT MINH
2. Chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam chấm dứt kinh doanh dịch vụ kiểm toán trong các trường hợp sau đây: a) Theo quyết định của doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài đã thành lập chi nhánh; b) Theo quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này. 3. Trường hợp chấm dứt kinh doanh dịch vụ kiểm toán theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, doanh nghiệp kiểm toán phải thông báo bằng văn bản cho Bộ Tài chính chậm nhất là ba mươi ngày trước ngày chấm dứt. 4. Bộ Tài chính quy định cụ thể về thủ tục chấm dứt kinh doanh dịch vụ kiểm toán.		

LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Đã được hợp nhất bởi Luật số 56/2024/QH15, Luật số 97/2015/QH13)	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	THUYẾT MINH
Điều 35. Chấm dứt hoạt động của chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán 1. Chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán chấm dứt hoạt động trong các trường hợp sau đây: a) Theo quyết định của doanh nghiệp kiểm toán đã thành lập chi nhánh; b) Doanh nghiệp kiểm toán đã thành lập chi nhánh chấm dứt hoạt động; c) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp. 2. Doanh nghiệp kiểm toán có các quyền, thực hiện nghĩa vụ của chi nhánh và giải quyết các vấn đề liên quan đến việc chấm dứt hoạt động của chi nhánh.		Giữ nguyên quy định
Điều 36. Doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài Doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài thực hiện hoạt động kiểm toán tại Việt Nam dưới các hình thức sau: 1. Góp vốn với doanh nghiệp kiểm toán đã được thành lập và hoạt động tại Việt Nam để thành lập doanh nghiệp kiểm toán; 2. Thành lập chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài; 3. Cung cấp dịch vụ kiểm toán qua biên giới theo quy định của Chính phủ.		Giữ nguyên quy định

LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Đã được hợp nhất bởi Luật số 56/2024/QH15, Luật số 97/2015/QH13)	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	THUYẾT MINH
Chương VI ĐƠN VỊ ĐƯỢC KIỂM TOÁN Điều 37. Đơn vị được kiểm toán 1. Doanh nghiệp, tổ chức mà pháp luật quy định báo cáo tài chính hàng năm phải được doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam kiểm toán, bao gồm: a) Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; b) Tổ chức tín dụng được thành lập và hoạt động theo Luật Các tổ chức tín dụng; c) Tổ chức tài chính, doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm; d) Công ty đại chúng, tổ chức phát hành và tổ chức kinh doanh chứng khoán; đ)[9] Doanh nghiệp khác có quy mô lớn phải kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của Chính phủ. 2. Doanh nghiệp, tổ chức phải được doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam kiểm toán, bao gồm: a) Doanh nghiệp nhà nước, trừ doanh nghiệp nhà nước hoạt động trong lĩnh vực thuộc bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật phải được kiểm toán đối với báo cáo tài chính hàng năm;		Giữ nguyên quy định

LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Đã được hợp nhất bởi Luật số 56/2024/QH15, Luật số 97/2015/QH13)	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	THUYẾT MINH
b) Doanh nghiệp, tổ chức thực hiện dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A sử dụng vốn nhà nước, trừ các dự án trong lĩnh vực thuộc bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật phải được kiểm toán đối với báo cáo quyết toán dự án hoàn thành; c) Doanh nghiệp, tổ chức có vốn góp của Nhà nước và dự án sử dụng vốn nhà nước khác do Chính phủ quy định phải được kiểm toán đối với báo cáo tài chính hàng năm hoặc báo cáo quyết toán dự án hoàn thành; d) Doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam phải được kiểm toán đối với báo cáo tài chính hàng năm. 3. Việc kiểm toán báo cáo tài chính và báo cáo quyết toán dự án hoàn thành đối với doanh nghiệp, tổ chức quy định tại các điểm a, b và c khoản 2 Điều này không thay thế cho việc kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước. 4.<u>[10]</u> Doanh nghiệp, tổ chức khác theo quy định của luật có liên quan hoặc tự nguyện thực hiện kiểm toán.		

LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Đã được hợp nhất bởi Luật số 56/2024/QH15, Luật số 97/2015/QH13)	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	THUYẾT MINH
Điều 38. Quyền của đơn vị được kiểm toán 1. Lựa chọn doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam và kiểm toán viên hành nghề có đủ điều kiện hành nghề theo quy định của pháp luật để giao kết hợp đồng kiểm toán, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. 2. Yêu cầu doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam cung cấp thông tin trong hồ sơ đăng ký hành nghề kiểm toán và thông tin về kiểm toán viên hành nghề và doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam thực hiện kiểm toán.		Giữ nguyên quy định

LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Đã được hợp nhất bởi Luật số 56/2024/QH15, Luật số 97/2015/QH13)	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	THUYẾT MINH
3. Từ chối cung cấp thông tin, tài liệu không liên quan đến nội dung kiểm toán. 4. Đề nghị thay thế thành viên tham gia cuộc kiểm toán khi có căn cứ cho rằng thành viên đó vi phạm nguyên tắc hoạt động kiểm toán độc lập trong quá trình thực hiện kiểm toán. 5. Thảo luận, giải trình bằng văn bản về những vấn đề được nêu trong dự thảo báo cáo kiểm toán nếu thấy chưa phù hợp. 6. Khiếu nại về hành vi của thành viên tham gia cuộc kiểm toán trong quá trình thực hiện kiểm toán khi có căn cứ cho rằng hành vi đó là trái pháp luật. 7. Yêu cầu bồi thường trong trường hợp doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam gây thiệt hại. 8. Quyền khác theo quy định của pháp luật.		

LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Đã được hợp nhất bởi Luật số 56/2024/QH15, Luật số 97/2015/QH13)	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	THUYẾT MINH
Điều 39. Nghĩa vụ của đơn vị được kiểm toán 1. Cung cấp đầy đủ, chính xác, trung thực, kịp thời, khách quan thông tin, tài liệu cần thiết theo yêu cầu của kiểm toán viên hành nghề và doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam và chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin, tài liệu đã cung cấp. 2. Thực hiện yêu cầu của kiểm toán viên hành nghề và doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam về việc thu thập bằng chứng kiểm toán theo yêu cầu của chuẩn mực kiểm toán và điều chỉnh các sai sót để báo cáo kiểm toán không có ý kiến ngoại trừ đối với các nội dung không được ngoại trừ theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 48 của Luật này. Trường hợp không điều chỉnh sai sót theo ý kiến của doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam, đơn vị được kiểm toán phải giải trình bằng văn bản theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, đại diện chủ sở hữu đối với đơn vị được kiểm toán. 3. Phối hợp, tạo điều kiện cho kiểm toán viên hành nghề thực hiện kiểm toán. 4. Không được có hành vi hạn chế phạm vi các vấn đề cần kiểm toán.		Giữ nguyên quy định

LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Đã được hợp nhất bởi Luật số 56/2024/QH15, Luật số 97/2015/QH13)	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	THUYẾT MINH
5. Xem xét đề nghị của doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam về tồn tại, sai sót trong báo cáo tài chính và trong việc tuân thủ pháp luật để có biện pháp khắc phục kịp thời. 6. Thông báo kịp thời, đầy đủ các vi phạm pháp luật và vi phạm hợp đồng kiểm toán trong hoạt động kiểm toán của kiểm toán viên hành nghề và doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền. 7. Thanh toán phí dịch vụ kiểm toán theo thỏa thuận trong hợp đồng. 8.[11] Trường hợp ký hợp đồng kiểm toán với một doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam quá năm năm liên tục thì phải yêu cầu doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam thay đổi kiểm toán viên hành nghề ký báo cáo kiểm toán. 9. Nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.		

LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Đã được hợp nhất bởi Luật số 56/2024/QH15, Luật số 97/2015/QH13)	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	THUYẾT MINH
Chương V HOẠT ĐỘNG KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP Mục 1. HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP KIỂM TOÁN Điều 40. Phạm vi hoạt động của doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam 1. Doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam được thực hiện các dịch vụ sau đây: a) Các dịch vụ kiểm toán, gồm kiểm toán báo cáo tài chính, kiểm toán hoạt động, kiểm toán tuân thủ, kiểm toán báo cáo quyết toán dự án hoàn thành, kiểm toán báo cáo tài chính vì mục đích thuế và công việc kiểm toán khác; b) Dịch vụ soát xét báo cáo tài chính, thông tin tài chính và dịch vụ bảo đảm khác. 2. Ngoài các dịch vụ quy định tại khoản 1 Điều này, doanh nghiệp kiểm toán được đăng ký thực hiện các dịch vụ sau đây: a) Tư vấn kinh tế, tài chính, thuế; b) Tư vấn quản lý, chuyển đổi và tái cơ cấu doanh nghiệp; c) Tư vấn ứng dụng công nghệ thông tin trong quản trị của doanh nghiệp, tổ chức; d) Dịch vụ kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán; đ) Thẩm định giá tài sản và đánh giá rủi ro kinh doanh;		Giữ nguyên quy định

LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Đã được hợp nhất bởi Luật số 56/2024/QH15, Luật số 97/2015/QH13)	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	THUYẾT MINH
e) Dịch vụ bồi dưỡng kiến thức tài chính, kế toán, kiểm toán; g) Dịch vụ liên quan khác về tài chính, kế toán, thuế theo quy định của pháp luật. 3. Doanh nghiệp đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán theo quy định của Luật này được thực hiện dịch vụ kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán mà không phải đăng ký. 4. Khi thực hiện dịch vụ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, doanh nghiệp kiểm toán phải có đủ điều kiện theo quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.		
Điều 41. Nhận dịch vụ kiểm toán 1. Doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam chỉ được nhận dịch vụ kiểm toán theo khả năng của mình trong phạm vi yêu cầu của khách hàng. 2. Khi nhận dịch vụ kiểm toán, doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam phải thông báo cho khách hàng về quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm nghề nghiệp của mình trong việc thực hiện dịch vụ kiểm toán, giới hạn trách nhiệm tài chính của doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam và kiểm toán viên hành nghề khi xảy ra rủi ro kiểm toán.		Giữ nguyên quy định

LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Đã được hợp nhất bởi Luật số 56/2024/QH15, Luật số 97/2015/QH13)	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	THUYẾT MINH
3. Doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam không được chuyển giao dịch vụ kiểm toán mà mình đã giao kết hợp đồng cho doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam khác, trừ trường hợp được khách hàng đồng ý. 4. Doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam phải cử người phụ trách đối với mỗi cuộc kiểm toán. Người phụ trách cuộc kiểm toán phải là kiểm toán viên hành nghề. Báo cáo kiểm toán phải có chữ ký của người phụ trách cuộc kiểm toán.		

LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Đã được hợp nhất bởi Luật số 56/2024/QH15, Luật số 97/2015/QH13)	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	THUYẾT MINH
Điều 42. Hợp đồng kiểm toán 1. Doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam thực hiện dịch vụ kiểm toán theo hợp đồng kiểm toán. 2. Hợp đồng kiểm toán là sự thỏa thuận giữa doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam với khách hàng về việc thực hiện dịch vụ kiểm toán. Hợp đồng kiểm toán được lập thành văn bản và có những nội dung chính sau đây: a) Tên, địa chỉ của khách hàng hoặc người đại diện của khách hàng, đại diện của doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam; b) Mục đích, phạm vi và nội dung dịch vụ kiểm toán, thời hạn thực hiện hợp đồng kiểm toán; c) Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của các bên; d) Hình thức báo cáo kiểm toán và các hình thức khác thể hiện kết quả kiểm toán như thư quản lý và báo cáo khác; đ) Phí dịch vụ kiểm toán và chi phí khác do các bên thỏa thuận.		Giữ nguyên quy định

LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Đã được hợp nhất bởi Luật số 56/2024/QH15, Luật số 97/2015/QH13)	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	THUYẾT MINH
Điều 43. Nghĩa vụ bảo mật 1. Kiểm toán viên hành nghề, doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam không được tiết lộ thông tin về hồ sơ kiểm toán, khách hàng, đơn vị được kiểm toán, trừ trường hợp được khách hàng, đơn vị được kiểm toán chấp thuận hoặc theo quy định của pháp luật. 2. Kiểm toán viên hành nghề, doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam không được sử dụng thông tin về hồ sơ kiểm toán, khách hàng, đơn vị được kiểm toán để xâm phạm lợi ích của Nhà nước, lợi ích công cộng, quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân. 3. Doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam phải xây dựng và vận hành hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm bảo đảm thực hiện nghĩa vụ bảo mật. 4. Cơ quan nhà nước, tổ chức nghề nghiệp về kiểm toán và cá nhân có liên quan có nghĩa vụ giữ bí mật thông tin được cung cấp về hồ sơ kiểm toán, khách hàng, đơn vị được kiểm toán theo quy định của pháp luật.		Giữ nguyên quy định

LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Đã được hợp nhất bởi Luật số 56/2024/QH15, Luật số 97/2015/QH13)	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	THUYẾT MINH
Điều 44. Phí dịch vụ kiểm toán 1. Phí dịch vụ kiểm toán do doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam và khách hàng thỏa thuận trong hợp đồng kiểm toán theo căn cứ sau đây: a) Nội dung, khối lượng và tính chất công việc; b) Thời gian và điều kiện làm việc của kiểm toán viên hành nghề, kiểm toán viên sử dụng để thực hiện dịch vụ; c) Trình độ, kinh nghiệm và uy tín của kiểm toán viên hành nghề, doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam; d) Mức độ trách nhiệm và thời hạn mà việc thực hiện dịch vụ đòi hỏi. 2. Phí dịch vụ kiểm toán được tính theo các phương thức sau đây: a) Giờ làm việc của kiểm toán viên hành nghề, kiểm toán viên; b) Từng dịch vụ kiểm toán với mức phí trọn gói; c) Hợp đồng kiểm toán nhiều kỳ với mức phí cố định từng kỳ.		

LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Đã được hợp nhất bởi Luật số 56/2024/QH15, Luật số 97/2015/QH13)	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	THUYẾT MINH
Điều 45. Quy trình kiểm toán 1. Quy trình cuộc kiểm toán gồm các bước sau đây: a) Chấp nhận, duy trì khách hàng và lập kế hoạch kiểm toán; b) Thực hiện kiểm toán; c) Kết thúc kiểm toán, lập báo cáo kiểm toán và xử lý sau kiểm toán. 2. Kiểm toán viên hành nghề, doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam thực hiện các bước của quy trình kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán.		Giữ nguyên quy định
Mục 2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN Điều 46. Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính 1. Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính được lập theo quy định của chuẩn mực kiểm toán và có những nội dung sau đây: a) Đối tượng của cuộc kiểm toán; b) Trách nhiệm của đơn vị được kiểm toán và doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam; c) Phạm vi và căn cứ thực hiện cuộc kiểm toán; d) Địa điểm và thời gian lập báo cáo kiểm toán; đ) Ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính đã được kiểm toán; e) Nội dung khác theo quy định của chuẩn mực kiểm toán.		Giữ nguyên quy định

LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Đã được hợp nhất bởi Luật số 56/2024/QH15, Luật số 97/2015/QH13)	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	THUYẾT MINH
2. Ngày ký báo cáo kiểm toán không được trước ngày ký báo cáo tài chính. 3. Báo cáo kiểm toán phải có chữ ký của kiểm toán viên hành nghề do doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam giao phụ trách cuộc kiểm toán và người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp kiểm toán hoặc người được ủy quyền bằng văn bản của người đại diện theo pháp luật. Người được ủy quyền bằng văn bản của người đại diện theo pháp luật phải là kiểm toán viên hành nghề. 4. Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính hợp nhất của tập đoàn, tổng công ty theo mô hình công ty mẹ - công ty con được thực hiện theo quy định của chuẩn mực kiểm toán.		
Điều 47. Báo cáo kiểm toán về các công việc kiểm toán khác Báo cáo kiểm toán về các công việc kiểm toán khác được lập trên cơ sở quy định tại Điều 46 của Luật này và chuẩn mực kiểm toán phù hợp với từng cuộc kiểm toán.		Giữ nguyên quy định
Điều 48. Ý kiến kiểm toán 1. Căn cứ vào kết quả kiểm toán, kiểm toán viên hành nghề và doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam phải đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính và các nội dung khác đã được kiểm toán theo quy định của chuẩn mực kiểm toán.		Giữ nguyên quy định

LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Đã được hợp nhất bởi Luật số 56/2024/QH15, Luật số 97/2015/QH13)	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	THUYẾT MINH
2. Bộ Tài chính quy định nội dung không được ngoại trừ trong báo cáo kiểm toán phù hợp với chuẩn mực kiểm toán. 3. Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, đại diện chủ sở hữu đối với đơn vị được kiểm toán có quyền yêu cầu doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam và đơn vị được kiểm toán giải trình về các nội dung ngoại trừ trong báo cáo kiểm toán.		
Mục 3. HỒ SƠ KIỂM TOÁN Điều 49. Hồ sơ kiểm toán 1. Kiểm toán viên hành nghề, doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam phải thu thập và lưu trong hồ sơ kiểm toán tài liệu, thông tin cần thiết liên quan đến từng cuộc kiểm toán đủ để làm cơ sở cho việc hình thành ý kiến kiểm toán của mình và chứng minh rằng cuộc kiểm toán đã được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật và chuẩn mực kiểm toán. 2. Kiểm toán viên hành nghề, doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam phải lập hồ sơ kiểm toán theo quy định của chuẩn mực kiểm toán.		Giữ nguyên quy định

LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Đã được hợp nhất bởi Luật số 56/2024/QH15, Luật số 97/2015/QH13)	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	THUYẾT MINH
Điều 50. Bảo quản, lưu trữ hồ sơ kiểm toán 1. Hồ sơ kiểm toán phải được bảo quản đầy đủ, an toàn trong quá trình sử dụng. 2. Hồ sơ kiểm toán phải đưa vào lưu trữ trong thời hạn mười hai tháng, kể từ ngày phát hành báo cáo kiểm toán của cuộc kiểm toán. Thời hạn lưu trữ hồ sơ kiểm toán tối thiểu là mười năm. 3. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam phải chịu trách nhiệm tổ chức bảo quản, lưu trữ hồ sơ kiểm toán an toàn, đầy đủ, hợp pháp và bảo mật. 4. Hồ sơ kiểm toán đưa vào lưu trữ phải đầy đủ, có hệ thống, phải phân loại, sắp xếp thành từng bộ hồ sơ riêng theo thứ tự thời gian phát sinh và theo từng hợp đồng kiểm toán, từng cuộc kiểm toán. 5. Chính phủ quy định chi tiết về lưu trữ, sử dụng và tiêu hủy hồ sơ kiểm toán.		Giữ nguyên quy định
Điều 51. Hồ sơ, tài liệu về dịch vụ liên quan Việc bảo quản, lưu trữ, sử dụng và tiêu hủy hồ sơ, tài liệu về dịch vụ liên quan quy định tại điểm b khoản 1 Điều 40 của Luật này được thực hiện theo quy định tại Điều 49 và Điều 50 của Luật này.		Giữ nguyên quy định

LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Đã được hợp nhất bởi Luật số 56/2024/QH15, Luật số 97/2015/QH13)	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	THUYẾT MINH
Mục 4. KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ KIỂM TOÁN Điều 52. Kiểm soát chất lượng dịch vụ kiểm toán 1. Doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam phải xây dựng và tổ chức thực hiện hệ thống kiểm soát chất lượng dịch vụ quy định tại khoản 1 Điều 40 của Luật này, các chính sách và thủ tục kiểm soát chất lượng cho từng cuộc kiểm toán. 2. Doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam chịu sự kiểm soát của cơ quan có thẩm quyền về chất lượng dịch vụ quy định tại khoản 1 Điều 40 của Luật này. 3. Bộ Tài chính được huy động kiểm toán viên, kiểm toán viên hành nghề và các chuyên gia khác trong việc thực hiện kiểm soát chất lượng dịch vụ kiểm toán. Việc huy động và bố trí người tham gia kiểm soát chất lượng phải đảm bảo nguyên tắc độc lập, khách quan. 4. Trường hợp cần thiết, Bộ trưởng Bộ Tài chính thành lập hội đồng chuyên môn để tư vấn cho việc xử lý các kiến nghị về báo cáo kiểm toán và chất lượng kiểm toán. 5. Bộ Tài chính quy định quy chế kiểm soát chất lượng dịch vụ quy định tại khoản 1 Điều 40 của Luật này.		Giữ nguyên quy định

LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Đã được hợp nhất bởi Luật số 56/2024/QH15, Luật số 97/2015/QH13)	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	THUYẾT MINH
Chương VI KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA ĐƠN VỊ CÓ LỢI ÍCH CÔNG Điều 53. Đơn vị có lợi ích công chúng 1. Tổ chức tín dụng được thành lập và hoạt động theo Luật Các tổ chức tín dụng. 2. Tổ chức tài chính, doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm. 3. Công ty đại chúng, tổ chức phát hành, tổ chức kinh doanh chứng khoán theo quy định của pháp luật về chứng khoán. 4. Doanh nghiệp, tổ chức khác có liên quan đến lợi ích của công chúng do tính chất, quy mô hoạt động của đơn vị đó theo quy định của pháp luật.		Giữ nguyên quy định
Điều 54. Chấp thuận doanh nghiệp được kiểm toán báo cáo tài chính của đơn vị có lợi ích công chúng 1. Doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam kiểm toán báo cáo tài chính của đơn vị có lợi ích công chúng phải được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận. 2. Bộ Tài chính quy định tiêu chuẩn, điều kiện lựa chọn, thủ tục xem xét, chấp thuận và các trường hợp đình chỉ hoặc hủy bỏ tư cách doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam và kiểm toán viên hành nghề được thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của các đơn vị có lợi ích công chúng, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.		Giữ nguyên quy định

LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Đã được hợp nhất bởi Luật số 56/2024/QH15, Luật số 97/2015/QH13)	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	THUYẾT MINH
Điều 55. Công khai thông tin của doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam, kiểm toán viên hành nghề được chấp thuận kiểm toán báo cáo tài chính của đơn vị có lợi ích công chúng Thông tin về doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam, kiểm toán viên hành nghề được chấp thuận kiểm toán báo cáo tài chính của đơn vị có lợi ích công chúng phải công khai bao gồm: 1. Thông tin về kiểm toán viên hành nghề, doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam; 2. Thông tin liên quan đến bảo đảm chất lượng; 3 Thông tin liên quan đến việc thanh tra, xử lý kỷ luật, xử lý vi phạm, giải quyết tranh chấp và giám sát công khai.		Giữ nguyên quy định

LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Đã được hợp nhất bởi Luật số 56/2024/QH15, Luật số 97/2015/QH13)	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	THUYẾT MINH
Điều 56. Báo cáo minh bạch 1. Doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam đủ tiêu chuẩn, điều kiện được chấp thuận kiểm toán báo cáo tài chính của đơn vị có lợi ích công chúng phải công khai trên trang thông tin điện tử của mình báo cáo minh bạch hàng năm trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. 2. Báo cáo minh bạch phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam. 3. Bộ Tài chính quy định chi tiết nội dung báo cáo minh bạch quy định tại khoản 1 Điều này.		Giữ nguyên quy định
Điều 57. Trách nhiệm của đơn vị có lợi ích công chúng 1. Xây dựng và vận hành hệ thống kiểm soát nội bộ phù hợp và có hiệu quả. 2. Tổ chức kiểm toán nội bộ theo quy định của pháp luật để bảo vệ an toàn tài sản; đánh giá chất lượng và độ tin cậy của thông tin kinh tế, tài chính, việc chấp hành pháp luật, chế độ, chính sách của Nhà nước và quy định của đơn vị.		Giữ nguyên quy định

LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Đã được hợp nhất bởi Luật số 56/2024/QH15, Luật số 97/2015/QH13)	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	THUYẾT MINH
Điều 58. Tính độc lập, khách quan 1.[12] Doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam không được bố trí kiểm toán viên hành nghề thực hiện kiểm toán cho một đơn vị có lợi ích công chúng quá năm năm liên tục. Bộ Tài chính quy định thời gian ngừng để kiểm toán viên hành nghề tiếp tục thực hiện kiểm toán cho cùng một đơn vị có lợi ích công chúng. 2. Kiểm toán viên hành nghề đã thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng chỉ được giữ vị trí quản lý, điều hành, thành viên ban kiểm soát, kế toán trưởng của đơn vị có lợi ích công chúng đó sau mười hai tháng, kể từ ngày kết thúc cuộc kiểm toán.		Giữ nguyên quy định
Chương VII XỬ LÝ VI PHẠM VÀ GIẢI QUYẾT TRÁNH CHẤP Điều 59. Các hành vi vi phạm pháp luật về kiểm toán độc lập Các hành vi vi phạm pháp luật về kiểm toán độc lập gồm có: 1. Kinh doanh dịch vụ kiểm toán mà không có Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán hoặc không đúng với nội dung của Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán; 2. Cá nhân ký báo cáo kiểm toán khi không đủ điều kiện là kiểm toán viên hành nghề; 3. Vi phạm quy định về đăng ký kinh doanh dịch vụ kiểm toán, đăng ký hành nghề kiểm toán;		Giữ nguyên quy định

LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Đã được hợp nhất bởi Luật số 56/2024/QH15, Luật số 97/2015/QH13)	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	THUYẾT MINH
4. Vi phạm quy định về kiểm tra, kiểm soát chất lượng dịch vụ kiểm toán của Bộ Tài chính; 5. Vi phạm quy định đối với kiểm toán báo cáo tài chính của các đơn vị có lợi ích công chúng; 6. Vi phạm nguyên tắc bảo mật thông tin có liên quan đến hồ sơ kiểm toán, khách hàng, đơn vị được kiểm toán; 7. Thực hiện hành vi bị nghiêm cấm quy định tại Điều 13 của Luật này; 8. Vi phạm quy định về trường hợp không được thực hiện dịch vụ kiểm toán quy định tại Điều 19 và Điều 30 của Luật này; 9. Kinh doanh dịch vụ kiểm toán khi không có đủ số lượng kiểm toán viên hành nghề theo quy định của Luật này; vi phạm quy định về vốn pháp định, mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp hoặc lập quỹ dự phòng rủi ro nghề nghiệp; 10. Do thiếu cẩn trọng dẫn đến sai sót hoặc làm sai lệch kết quả kiểm toán, hồ sơ kiểm toán; 11. Cố tình xác nhận báo cáo tài chính có gian lận, sai sót hoặc thông đồng, móc nối để làm sai lệch tài liệu kế toán, hồ sơ kiểm toán và cung cấp thông tin, số liệu báo cáo sai sự thật; 12. Vi phạm quy định về lập, thu thập, phân loại, sử dụng, bảo quản, lưu trữ hồ sơ kiểm toán và hồ sơ tài liệu về các dịch vụ khác có liên quan;		

LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Đã được hợp nhất bởi Luật số 56/2024/QH15, Luật số 97/2015/QH13)	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	THUYẾT MINH
13. kê khai không đúng thực tế để được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán và Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán; 14. Gian lận để được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán và Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán; 15. Giả mạo, tẩy xóa, sửa chữa Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán và Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán; 16. Vi phạm nguyên tắc hoạt động kiểm toán độc lập; 17. Báo cáo không đúng sự thật hoặc không thực hiện chế độ báo cáo theo quy định; 18. Đơn vị được kiểm toán vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 39 của Luật này. 19. Hành vi khác vi phạm pháp luật về kiểm toán độc lập.		

LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Đã được hợp nhất bởi Luật số 56/2024/QH15, Luật số 97/2015/QH13)	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	THUYẾT MINH
Điều 60. Xử lý vi phạm pháp luật về kiểm toán độc lập^[13] 1. Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm quy định của Luật này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm bị xử phạt vi phạm hành chính, bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chịu các biện pháp quản lý nhà nước theo quy định của Luật này, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật. 2. Mức phạt tiền vi phạm hành chính trong lĩnh vực kiểm toán độc lập tối đa là 02 tỷ đồng đối với tổ chức, 01 tỷ đồng đối với cá nhân. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kiểm toán độc lập là năm năm. 3. Chính phủ quy định việc xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực kiểm toán độc lập.		Giữ nguyên quy định
Điều 61. Giải quyết tranh chấp về kiểm toán độc lập 1. Tranh chấp về kiểm toán độc lập được giải quyết như sau: a) Các bên có trách nhiệm tự hoà giải về nội dung tranh chấp; b) Trường hợp hoà giải không thành thì các bên tranh chấp có quyền khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật. 2. Thời hiệu khởi kiện yêu cầu giải quyết tranh chấp về kiểm toán độc lập là ba năm, kể từ ngày ký báo cáo kiểm toán.		Giữ nguyên quy định

LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Đã được hợp nhất bởi Luật số 56/2024/QH15, Luật số 97/2015/QH13)	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	THUYẾT MINH
Chương VIII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH^[14] Điều 62. Điều khoản chuyển tiếp 1. Trong thời hạn hai năm, kể từ ngày Luật này có hiệu lực, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ kiểm toán trước ngày Luật này có hiệu lực bảo đảm các điều kiện theo quy định của Luật này được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán. 2. Trong thời hạn ba năm, kể từ ngày Luật này có hiệu lực, người đã được cấp chứng chỉ kiểm toán viên trước ngày Luật này có hiệu lực được đăng ký hành nghề kiểm toán theo quy định của Luật này mà không cần bảo đảm điều kiện về thời gian thực tế làm kiểm toán quy định tại điểm b khoản 1 Điều 15 của Luật này. 3. Doanh nghiệp kiểm toán trách nhiệm hữu hạn một thành viên có vốn đầu tư nước ngoài được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật trước ngày Luật này có hiệu lực được phép hoạt động theo hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên đến hết thời hạn của Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy phép đầu tư.		Giữ nguyên quy định
Điều 63. Hiệu lực thi hành Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2012.		Giữ nguyên quy định

LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Đã được hợp nhất bởi Luật số 56/2024/QH15, Luật số 97/2015/QH13)	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KẾ TOÁN, LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	THUYẾT MINH
Điều 64. Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành các điều, khoản được giao trong Luật; hướng dẫn những nội dung cần thiết khác trong Luật này để đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước./.		Giữ nguyên quy định